PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 16/2016/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2016 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LONG AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2016/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 883 + 884)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Khu phố 1	DC	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 35"	106° 40' 06"					C-48-34-C-d
Khu phố 2	DC	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 18"	106° 40' 18"					C-48-34-C-d
Khu phố 3	DC	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 12"	106° 40' 07"					C-48-34-C-d
Khu phố 4	DC	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 30"	106° 40' 00"					C-48-34-C-d
phà Cần Giuộc	KX	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 28"	106° 40' 27"					C-48-34-C-d
cầu Cần Giuộc	KX	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 33"	106° 39' 55"					C-48-34-C-d
chợ Cần Giuộc	KX	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 25"	106° 40' 14"					C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-d
công viên Tượng đài Nghĩa sĩ Cần Giuộc	KX	TT. Cần Giuộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 33"	106° 40' 10"					C-48-34-C-d
rạch Ba Bàng	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 27"	106° 41' 04"	10° 31' 43"	106° 42' 11"	C-48-34-C-d
sông Ba Làng	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 48"	106° 40' 44"	10° 32' 27"	106° 41' 32"	C-48-34-C-d
Ấp Bắc	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 32' 22"	106° 40' 55"					C-48-34-C-d
rạch Bàu Doi	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 27"	106° 41' 04"	10° 32' 06"	106° 42' 03"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Sấu	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 18"	106° 39' 39"	10° 31' 46"	106° 39' 05"	C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
sông Cầu Đúc	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 48"	106° 40' 44"	10° 32' 27"	106° 41' 04"	C-48-34-C-d
rạch Cầu Kinh	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 33' 04"	106° 40' 23"	10° 32' 49"	106° 40' 43"	C-48-34-C-d
rạch Cây Sơn	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 31' 42"	106° 40' 26"	10° 31' 05"	106° 40' 57"	C-48-34-C-d
Đường ĐT.826C	KX	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 39' 25"	106° 41' 08"	10° 29 54"	106° 40' 06"	C-48-34-C-d; C-48-46-A-b
Bến đò Kinh	KX	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 29' 56"	106° 40' 02"					C-48-46-A-b
chùa Linh Sơn	KX	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 32' 55"	106° 40' 15"					C-48-34-C-d
Ấp Nam	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 31' 53"	106° 40' 08"					C-48-34-C-d
Rạch Núi	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 32' 22"	106° 39' 47"	10° 33' 37"	106° 39' 10"	C-48-34-C-d
rạch Ông Hiếu	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 31' 22"	106° 43' 02"	10° 30' 55"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
Ấp Tân Quang 1	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 30' 42"	106° 39' 42"					C-48-34-C-d
Ấp Tân Quang 2	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 31' 06"	106° 40' 09"					C-48-34-C-d
Ấp Tây	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 32' 51"	106° 40' 16"					C-48-34-C-d
chùa Thạnh Hòa	KX	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 32' 19"	106° 40' 21"					C-48-34-C-d
Ấp Trung	DC	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc	10° 31' 51"	106° 40' 57"					C-48-34-C-d
rạch Vàm Ông	TV	xã Đông Thạnh	H. Cần Giuộc			10° 31' 58"	106° 40' 01"	10° 31' 08"	106° 39' 42"	C-48-34-C-d
Ấp 1	DC	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 32' 35"	106° 38' 24"					C-48-34-C-d
Ấp 2	DC	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 33' 34"	106° 38' 06"					C-48-34-C-d
Ấp 3	DC	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 34' 16"	106° 39' 26"					C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 4	DC	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 34' 07"	106° 38' 10"					C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Long An	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
rạch Mồng Gà	TV	xã Long An	H. Cần Giuộc			10° 35' 51"	106° 35' 40"	10° 34' 42"	106° 40' 02"	C-48-34-C-d
rạch Nha Ràm	TV	xã Long An	H. Cần Giuộc			10° 33' 32"	106° 36' 27"	10° 32' 26"	106° 38' 48"	C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	xã Long An	H. Cần Giuộc			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-d
Rạch Quao	TV	xã Long An	H. Cần Giuộc			10° 33' 55"	106° 37' 58"	10° 33' 53"	106° 39' 06"	C-48-34-C-d
cầu Thủ Bộ	KX	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 32' 37"	106° 38' 52"					C-48-34-C-d
chùa Từ Phong	KX	xã Long An	H. Cần Giuộc	10° 32' 47"	106° 38' 13"					C-48-34-C-d
Ấp 1	DC	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 14"	106° 41' 59"					C-48-34-C-d
Ấp 2-5	DC	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 54"	106° 41' 21"					C-48-34-C-b
Ấp 2-6	DC	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 38' 08"	106° 40' 52"					C-48-34-C-b
Ấp 3	DC	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 38' 28"	106° 42' 33"					C-48-34-C-b
Ấp 4	DC	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 39' 04"	106° 41' 06"					C-48-34-C-b
rạch Bà Đằng	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 58"	106° 42' 15"	10° 38' 47"	106° 42' 58"	C-48-34-C-b
rạch Bà Việt	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 35"	106° 41' 11"	10° 37' 44"	106° 41' 12"	C-48-34-C-b
rạch Bà Vú	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 36"	106° 41' 30"	10° 39' 05"	106° 42' 12"	C-48-34-C-b
rạch Bàu Dừa	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 36' 39"	106° 43' 52"	10° 38' 07"	106° 43' 47"	C-48-34-C-d
rạch Bến Tranh	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 44"	106° 43' 05"	10° 36' 25"	106° 43' 02"	C-48-34-C-d; C-48-34-C-b
sông Cần Giuộc	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-b
rạch Đất Thánh	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 36"	106° 41' 20"	10° 38' 17"	106° 41' 39"	C-48-34-C-b
Rạch Đình	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 14"	106° 41' 56"	10° 37' 31"	106° 41' 25"	C-48-34-C-b
Rạch Dơi	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 39' 15"	106° 42' 08"	C-48-34-C-b
Đường ĐT.826C	KX	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 39' 25"	106° 41' 08"	10° 29 54"	106° 40' 06"	C-48-34-C-b
Rạch Dừa	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 59"	106° 40' 28"	10° 36' 03"	106° 43' 13"	C-48-34-C-b
Sông Kinh	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 39' 15"	106° 42' 08"	10° 38' 07"	106° 43' 47"	C-48-34-C-b
khu công nghiệp Long Hậu	KX	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 38' 20"	106° 43' 12"					C-48-34-C-b
rạch Ngọn Chùa	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 39"	106° 41' 12"	10° 38' 48"	106° 40' 42"	C-48-34-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ngọn Cống	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 58"	106° 42' 15"	10° 37' 11"	106° 42' 03"	C-48-34-C-d; C-48-34-C-b
rạch Ngọn Vỏ	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 58"	106° 42' 19"	10° 37' 02"	106° 42' 14"	C-48-34-C-d
cầu Rạch Dơi	KX	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 39' 25"	106° 41' 08"					C-48-34-C-b
cầu Rạch Dừa	KX	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 33"	106° 41' 15"					C-48-34-C-b
rạch Rìa Găng	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 02"	106° 41' 10"	10° 38' 10"	106° 41' 39"	C-48-34-C-b
rạch Tắc Vàm Châu	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 36' 35"	106° 43' 37"	10° 36' 47"	106° 43' 20"	C-48-34-C-d
rạch Thầy Lý	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 26"	106° 42' 40"	10° 36' 52"	106° 42' 25"	C-48-34-C-d
rạch Vàm Cống	TV	xã Long Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 53"	106° 41' 50"	10° 39' 14"	106° 41' 53"	C-48-34-C-b
rạch Bàu Sấu	TV	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc			10° 32' 18"	106° 39' 39"	10° 31' 46"	106° 39' 05"	C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
ấp Chánh Nhì	DC	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 33' 17"	106° 39' 36"					C-48-34-C-d
ấp Chánh Nhứt	DC	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 32' 19"	106° 39' 41"					C-48-34-C-d
đình Chánh Thôn	KX	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 32' 29"	106° 39' 32"					C-48-34-C-d
Rạch Núi	TV	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc			10° 32' 22"	106° 39' 47"	10° 33' 37"	106° 39' 10"	C-48-34-C-d
rạch Ông Hiếu	TV	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc			10° 31' 22"	106° 43' 02"	10° 30' 55"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
ấp Phú Thạnh	DC	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 31' 54"	106° 39' 07"					C-48-34-C-d
ấp Tây Phú	DC	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 32' 45"	106° 38' 57"					C-48-34-C-d
cầu Thủ Bộ	KX	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc	10° 32' 37"	106° 38' 52"					C-48-34-C-d
rạch Vàm Ông	TV	xã Long Phụng	H. Cần Giuộc			10° 31' 58"	106° 40' 01"	10° 31' 08"	106° 39' 42"	C-48-34-C-d
rạch Bà Râm	TV	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc			10° 38' 32"	106° 37' 09"	10° 38' 08"	106° 36' 55"	C-48-34-C-a
rạch Cầu Đình	TV	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc			10° 39' 06"	106° 35' 56"	10° 38' 15"	106° 36' 36"	C-48-34-C-a
Đường ĐT.835B	KX	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc			10° 38' 38"	106° 32' 14"	10° 36' 21"	106° 37' 17"	C-48-34-C-a
cụm công nghiệp Hải Sơn	KX	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 39' 03"	106° 36' 14"					C-48-34-C-a
ấp Long Hưng	DC	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 38' 27"	106° 35' 42"					C-48-34-C-a
ấp Long Thạnh	DC	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 38' 16"	106° 36' 29"					C-48-34-C-a
ấp Long Thới	DC	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 39' 20"	106° 36' 23"					C-48-34-C-a
Di tích lịch sử văn hóa Miếu Bà Ngũ Hành	KX	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 38' 16"	106° 36' 26"					C-48-34-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-b
ấp Tân Điền	DC	xã Long Thượng	H. Cần Giuộc	10° 38' 53"	106° 36' 59"					C-48-34-C-a
Di tích lịch sử văn hóa Chùa Tôn Thạnh	KX	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 27"	106° 38' 42"					C-48-34-C-d
Rạch Cống	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 36' 41"	106° 38' 26"	10° 36' 53"	106° 38' 51"	C-48-34-C-d
Đường ĐT.835B	KX	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 38' 38"	106° 32' 14"	10° 36' 21"	106° 37' 17"	C-48-34-C-d
Rạch Dựa	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 36' 58"	106° 37' 34"	10° 37' 32"	106° 38' 02"	C-48-34-C-d
rạch Giáp Mè	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 38' 10"	10° 37' 28"	106° 38' 35"	C-48-34-C-d
ấp Lộc Hậu	DC	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 47"	106° 38' 05"					C-48-34-C-d
ấp Lộc Tiền	DC	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 26"	106° 37' 49"					C-48-34-C-d
ấp Lộc Trung	DC	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 37' 19"	106° 37' 27"					C-48-34-C-c
thánh thất Mỹ Lộc	KX	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 33"	106° 38' 07"					C-48-34-C-d
rạch Nhiêu Phò	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 37' 12"	106° 37' 20"	10° 37' 39"	106° 37' 43"	C-48-34-C-c;
rạch Ông Vĩnh	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 37' 23"	106° 37' 06"	10° 37' 56"	106° 37' 18"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
chùa Pháp Viên	KX	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 19"	106° 37' 34"					C-48-34-C-d
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-d; C-48-34-C-a; C-48-34-C-b
ấp Thanh Ba	DC	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc	10° 36' 21"	106° 38' 37"					C-48-34-C-d
rạch Thanh Ba	TV	xã Mỹ Lộc	H. Cần Giuộc			10° 35' 41"	106° 38' 18"	10° 36' 24"	106° 39' 31"	C-48-34-C-d
rạch Ba Trang	TV	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 07"	106° 36' 36"	10° 38' 03"	106° 36' 57"	C-48-34-C-a
Đường ĐT.835B	KX	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc			10° 38' 38"	106° 32' 14"	10° 36' 21"	106° 37' 17"	C-48-34-C-c
ấp Long Giêng	DC	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 36' 54"	106° 35' 16"					C-48-34-C-c
đình Long Giêng	KX	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 41"	106° 35' 33"					C-48-34-C-a
ấp Long Khánh	DC	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 25"	106° 36' 06"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp Ngoài	DC	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 03"	106° 36' 35"					C-48-34-C-c
rạch Ông Chùm	TV	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc			10° 36' 47"	106° 35' 12"	10° 38' 01"	106° 35' 36"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
rạch Ông Vĩnh	TV	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc			10° 37' 23"	106° 37' 06"	10° 37' 56"	106° 37' 18"	C-48-34-C-a; C-48-34-C-c
chùa Pháp Tam	KX	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 37' 22"	106° 36' 41"					C-48-34-C-c
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-a
Ấp Trong	DC	xã Phước Hậu	H. Cần Giuộc	10° 36' 36"	106° 36' 22"					C-48-34-C-c
Rạch Bà	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 36' 36"	106° 41' 50"	10° 37' 10"	106° 41' 54"	C-48-34-C-d
rạch Bà Đặng	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 36' 03"	106° 43' 13"	10° 34' 32"	106° 42' 43"	C-48-34-C-d
rạch Bà Kiểu	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 36' 56"	106° 40' 52"	10° 35' 36"	106° 41' 33"	C-48-34-C-d
rạch Bà Quýt	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 36' 37"	106° 41' 24"	10° 37' 27"	106° 41' 20"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Dài	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 35' 37"	106° 42' 10"	10° 35' 18"	106° 42' 44"	C-48-34-C-d
phà Cần Giuộc	KX	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 28"	106° 40' 27"					C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d; C-48-34-C-b
Đường ĐT.826C	KX	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 39' 25"	106° 41' 08"	10° 29 54"	106° 40' 06"	C-48-34-C-d
Rạch Dừa	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 37' 59"	106° 40' 28"	10° 36' 03"	106° 43' 13"	C-48-34-C-b
sông Kênh Hàn	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 41' 55"	10° 33' 51"	106° 43' 59"	C-48-34-C-d
ấp Long Bào	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 32"	106° 42' 14"					C-48-34-C-d
Ấp Lũy	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 35' 49"	106° 40' 49"					C-48-34-C-d
rạch Mương Bàu	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 36' 36"	106° 42' 20"	10° 36' 22"	106° 43' 00"	C-48-34-C-d
ấp Mương Chài	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 34' 48"	106° 42' 12"					C-48-34-C-d
rạch Mương Chài	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 34' 43"	106° 42' 28"	10° 34' 56"	106° 42' 03"	C-48-34-C-d
thánh thất Phước Lại	KX	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 05"	106° 40' 49"					C-48-34-C-d
ấp Phước Thới	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 37' 43"	106° 40' 34"					C-48-34-C-b
cầu Rạch Dừa	KX	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 37' 33"	106° 41' 15"					C-48-34-C-b
ấp Tân Thanh A	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 37"	106° 40' 35"					C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Tân Thanh B	DC	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 44"	106° 40' 36"					C-48-34-C-d
đò Trăm Bàu	KX	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc	10° 36' 13"	106° 43' 05"					C-48-34-C-d
Rạch Ván	TV	xã Phước Lại	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 41' 55"	10° 35' 19"	106° 40' 43"	C-48-34-C-d
rạch Cầu Hội	TV	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc			10° 35' 41"	106° 38' 18"	10° 34' 50"	106° 37' 55"	C-48-34-C-d
rạch Mồng Gà	TV	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc			10° 35' 51"	106° 35' 40"	10° 34' 42"	106° 40' 02"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
kênh Mồng Gà	TV	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc			10° 34' 42"	106° 37' 28"	10° 35' 51"	106° 35' 40"	C-48-34-C-c
ấp Phước Hưng 1	DC	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc	10° 35' 57"	106° 36' 21"					C-48-34-C-c
ấp Phước Hưng 2	DC	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc	10° 36' 11"	106° 35' 54"					C-48-34-C-c
ấp Phước Kế	DC	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc	10° 35' 34"	106° 37' 43"					C-48-34-C-d
ấp Phước Thuận	DC	xã Phước Lâm	H. Cần Giuộc	10° 35' 21"	106° 37' 02"					C-48-34-C-c
rạch Bà Cua	TV	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc			10° 37' 40"	106° 33' 21"	10° 38' 30"	106° 31' 59"	C-48-34-C-a
Đường ĐT.826	KX	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-a
Đường ĐT.835B	KX	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc			10° 38' 38"	106° 32' 14"	10° 36' 21"	106° 37' 17"	C-48-34-C-a
ấp Phú Ân	DC	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 37"	106° 33' 29"					C-48-34-C-a
ấp Phú Thành	DC	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 32"	106° 32' 54"					C-48-34-C-a
chùa Phước Ân	KX	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 43"	106° 33' 45"					C-48-34-C-a
ấp Phước Lý	DC	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 47"	106° 34' 11"					C-48-34-C-a
đình Phước Lý	KX	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 41"	106° 34' 20"					C-48-34-C-a
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-a
Cầu Tràm	KX	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 17"	106° 35' 08"					C-48-34-C-a
ấp Vĩnh Phước	DC	xã Phước Lý	H. Cần Giuộc	10° 38' 49"	106° 35' 09"					C-48-34-C-a
rạch Bà Đặng	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 36' 03"	106° 43' 13"	10° 34' 32"	106° 42' 43"	C-48-34-C-d
sông Ba Làng	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 32' 48"	106° 40' 44"	10° 32' 27"	106° 41' 32"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Le	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 32' 51"	106° 42' 29"	10° 34' 09"	106° 43' 10"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Sình	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 43' 31"	10° 35' 16"	106° 42' 50"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Tượng	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 34' 57"	106° 43' 15"	10° 35' 19"	106° 43' 05"	C-48-34-C-d
rạch Cầu Tre	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 33' 02"	106° 41' 53"	10° 33' 56"	106° 42' 13"	C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Chim	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 32' 30"	106° 42' 56"	10° 33' 14"	106° 44' 03"	C-48-34-C-d
rạch Chim Bà Liên	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 35' 34"	106° 43' 19"	10° 35' 03"	106° 43' 31"	C-48-34-C-d
rạch Chim Trên	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 43' 31"	10° 34' 38"	106° 44' 39"	C-48-34-C-d
ấp Đông An	DC	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc	10° 33' 37"	106° 42' 17"					C-48-34-C-d
sông Đông An	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 33' 14"	106° 41' 31"	10° 34' 32"	106° 42' 22"	C-48-34-C-d
ấp Đông Bình	DC	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc	10° 32' 49"	106° 43' 17"					C-48-34-C-d
sông Kênh Hàn	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 41' 55"	10° 33' 51"	106° 43' 59"	C-48-34-C-d
sông Soài Rạp	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 34' 38"	106° 44' 39"	10° 29' 54"	106° 44' 00"	C-48-34-C-d
rạch Tắc Cạn	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 32' 46"	106° 41' 44"	10° 32' 30"	106° 42' 56"	C-48-34-C-d
ấp Thạnh Trung	DC	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc	10° 33' 59"	106° 43' 00"					C-48-34-C-d
ấp Vĩnh Thạnh	DC	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc	10° 34' 13"	106° 43' 27"					C-48-34-C-d
rạch Xã Chánh	TV	xã Phước Vĩnh Đông	H. Cần Giuộc			10° 34' 50"	106° 43' 42"	10° 34' 27"	106° 42' 58"	C-48-34-C-d
Ấp 1	DC	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc	10° 33' 15"	106° 40' 24"					C-48-34-C-d
Ấp 2	DC	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc	10° 34' 12"	106° 40' 35"					C-48-34-C-d
Ấp 3	DC	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc	10° 34' 01"	106° 41' 45"					C-48-34-C-d
sông Ba Làng	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 32' 48"	106° 40' 44"	10° 32' 27"	106° 41' 32"	C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
Di tích lịch sử văn hóa Cầu Kinh	KX	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc	10° 33' 20"	106° 40' 50"					C-48-34-C-d
rạch Cầu Kinh	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 33' 04"	106° 40' 23"	10° 32' 49"	106° 40' 43"	C-48-34-C-d
Rạch Cưa	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 34' 30"	106° 40' 42"	10° 34' 41"	106° 40' 12"	C-48-34-C-d
Rạch Đập	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 34' 42"	106° 40' 51"	10° 34' 56"	106° 40' 12"	C-48-34-C-d
sông Đông An	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 33' 14"	106° 41' 31"	10° 34' 32"	106° 42' 22"	C-48-34-C-d
Đường ĐT.826C	KX	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 39' 25"	106° 41' 08"	10° 29 54"	106° 40' 06"	C-48-34-C-d
sông Kênh Hàn	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 41' 55"	10° 33' 51"	106° 43' 59"	C-48-34-C-d
Rạch Núi	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 32' 22"	106° 39' 47"	10° 33' 37"	106° 39' 10"	C-48-34-C-d
cầu Ông Chuồng	KX	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc	10° 34' 22"	106° 40' 42"					C-48-34-C-d
rạch Ông Chuồng	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 34' 23"	106° 40' 11"	10° 33' 57"	106° 41' 42"	C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ông Nhu	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 34' 42"	106° 40' 52"	10° 35' 09"	106° 41' 10"	C-48-34-C-d
rạch Thầy Phó	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 34' 15"	106° 41' 53"	10° 35' 02"	106° 41' 54"	C-48-34-C-d
Rạch Ván	TV	xã Phước Vĩnh Tây	H. Cần Giuộc			10° 35' 03"	106° 41' 55"	10° 35' 19"	106° 40' 43"	C-48-34-C-d
Đường ĐH.11	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 38' 08"	106° 39' 05"	10° 37' 51"	106° 39' 37"	C-48-34-C-b
rạch Bà Vú	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 36' 54"	106° 39' 44"	10° 36' 25"	106° 39' 42"	C-48-34-C-d
cầu Cần Giuộc	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 33"	106° 39' 55"					C-48-34-C-d
sông Cần Giuộc	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d; C-48-34-C-b
rạch Cầu Ngang	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 38' 14"	106° 39' 05"	10° 38' 36"	106° 40' 18"	C-48-34-C-b
chùa Giác Tánh	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 56"	106° 39' 46"					C-48-34-C-d
Công ty Giày Fuluh	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 49"	106° 39' 38"					C-48-34-C-d
rạch Hóc Hươu	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 37' 49"	106° 39' 07"	10° 37' 35"	106° 37' 59"	C-48-34-C-b
Di tích lịch sử văn hóa Khu lưu niệm Nguyễn Thái Bình	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 37' 04"	106° 39' 53"					C-48-34-C-d
ấp Kim Điền	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 37' 48"	106° 39' 37"					C-48-34-C-b
ấp Kim Định	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 37' 22"	106° 40' 04"					C-48-34-C-d
ấp Long Phú	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 37' 22"	106° 38' 53"					C-48-34-C-d
đình Long Phú	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 37' 15"	106° 38' 57"					C-48-34-C-d
rạch Ông Cụn	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 37' 12"	106° 38' 51"	10° 36' 57"	106° 39' 08"	C-48-34-C-d
rạch Ông Tam	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 37' 35"	106° 39' 44"	10° 36' 40"	106° 39' 21"	C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-b; C-48-34-C-d
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-d
khu công nghiệp Tân Kim	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 38' 10"	106° 39' 39"					C-48-34-C-b
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 38' 06"	106° 40' 09"					C-48-34-C-b
ấp Tân Xuân	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 38' 20"	106° 39' 19"					C-48-34-C-b
ấp Thanh Hà	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 34"	106° 39' 49"					C-48-34-C-d
đình Thanh Hà	KX	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 41"	106° 39' 42"					C-48-34-C-d
ấp Trị Yên	DC	xã Tân Kim	H. Cần Giuộc	10° 36' 46"	106° 39' 51"					C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ba Bàng	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 27"	106° 41' 04"	10° 31' 43"	106° 42' 11"	C-48-34-C-d
sông Ba Làng	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 48"	106° 40' 44"	10° 32' 27"	106° 41' 32"	C-48-34-C-d
rạch Bàu Doi	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 27"	106° 41' 04"	10° 32' 06"	106° 42' 03"	C-48-34-C-d
đình Chánh Thôn	KX	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 31' 17"	106° 41' 45"					C-48-34-C-d
Rạch Chim	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 30"	106° 42' 56"	10° 33' 14"	106° 44' 03"	C-48-34-C-d
Rạch Gắp	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 29"	106° 42' 57"	10° 32' 04"	106° 43' 12"	C-48-34-C-d
cảng Long An	KX	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 32' 09"	106° 44' 16"					C-48-34-C-d
rạch Nhà Hội	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 31' 57"	106° 41' 39"	10° 31' 25"	106° 42' 23"	C-48-34-C-d
rạch Nhà Vuông	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 44"	106° 42' 22"	10° 32' 14"	106° 43' 01"	C-48-34-C-d
Rạch Núi	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 10"	106° 43' 04"	10° 31' 22"	106° 43' 02"	C-48-34-C-d
rạch Ông Hiếu	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 31' 22"	106° 43' 02"	10° 30' 55"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
sông Rạch Cát	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 30' 50"	106° 39' 24"	10° 30' 36"	106° 43' 51"	C-48-34-C-d
sông Soài Rạp	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 34' 38"	106° 44' 39"	10° 29' 54"	106° 44' 00"	C-48-34-C-d
rạch Tắc Cạn	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 46"	106° 41' 44"	10° 32' 30"	106° 42' 56"	C-48-34-C-d
ấp Tân Chánh	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 31' 48"	106° 41' 53"					C-48-34-C-d
ấp Tân Đại	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 30' 31"	106° 42' 15"					C-48-34-C-d
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 32' 07"	106° 42' 08"					C-48-34-C-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 31' 47"	106° 43' 28"					C-48-34-C-d
ấp Tân Qúi	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 30' 22"	106° 41' 15"					C-48-34-C-d
ấp Tân Thành	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 32' 13"	106° 41' 21"					C-48-34-C-d
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc	10° 31' 58"	106° 43' 19"					C-48-34-C-d
Rạch Vọp	TV	xã Tân Tập	H. Cần Giuộc			10° 32' 04"	106° 43' 12"	10° 31' 36"	106° 44' 19"	C-48-34-C-d
kênh 25-4	TV	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 34' 41"	106° 36' 54"	10° 34' 11"	106° 36' 27"	C-48-34-C-c
kênh Đại Hội	TV	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 34' 06"	106° 37' 45"	10° 35' 35"	106° 35' 16"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d
Đường ĐT.826	KX	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 39' 14"	106° 35' 06"	10° 31' 20"	106° 36' 27"	C-48-34-C-a
cầu Mồng Gà	KX	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 34' 35"	106° 38' 19"					C-48-34-C-d
rạch Mồng Gà	TV	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 35' 51"	106° 35' 40"	10° 34' 42"	106° 40' 02"	C-48-34-C-c; C-48-34-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Mồng Gà	TV	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 34' 42"	106° 37' 28"	10° 35' 51"	106° 35' 40"	C-48-34-C-c
Đường QL.50	KX	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-d
ấp Thuận Bắc	DC	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 34' 34"	106° 37' 32"					C-48-34-C-d
ấp Thuận Đông	DC	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 34' 02"	106° 37' 36"					C-48-34-C-d
ấp Thuận Nam	DC	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 33' 40"	106° 37' 21"					C-48-34-C-c
ấp Thuận Tây 1	DC	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 34' 48"	106° 35' 48"					C-48-34-C-c
ấp Thuận Tây 2	DC	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc	10° 35' 38"	106° 35' 21"					C-48-34-C-c
kênh Trục Xóm Bồ	TV	xã Thuận Thành	H. Cần Giuộc			10° 34' 09"	106° 36' 05"	10° 33' 28"	106° 36' 00"	C-48-34-C-c
sông Cần Giuộc	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 39' 28"	106° 41' 01"	10° 30' 50"	106° 39' 24"	C-48-34-C-d
rạch Cầu Hội	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 35' 41"	106° 38' 18"	10° 34' 50"	106° 37' 55"	C-48-34-C-d
ấp Hòa Thuận 1	DC	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc	10° 36' 07"	106° 39' 39"					C-48-34-C-d
ấp Hòa Thuận 2	DC	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc	10° 35' 50"	106° 39' 10"					C-48-34-C-d
ấp Kế Mỹ	DC	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc	10° 35' 02"	106° 38' 39"					C-48-34-C-d
cầu Mồng Gà	KX	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc	10° 34' 35"	106° 38' 19"					C-48-34-C-d
rạch Mồng Gà	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 35' 51"	106° 35' 40"	10° 34' 42"	106° 40' 02"	C-48-34-C-d
rạch Ông Cò	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 35' 07"	106° 39' 43"	10° 35' 07"	106° 40' 06"	C-48-34-C-d
ấp Phước Thuận	DC	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc	10° 35' 32"	106° 40' 12"					C-48-34-C-d
Đường QL.50	KX	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 38' 40"	106° 39' 19"	10° 27' 45"	106° 37' 56"	C-48-34-C-d
kênh Rạch Chanh - Trị Yên	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 36' 53"	106° 28' 59"	10° 36' 46"	106° 40' 10"	C-48-34-C-d
rạch Thanh Ba	TV	xã Trường Bình	H. Cần Giuộc			10° 35' 41"	106° 38' 18"	10° 36' 24"	106° 39' 31"	C-48-34-C-d
Khu phố 1	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 26' 55"	106° 27' 55"					C-48-45-B-b
Khu phố 2	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 26' 33"	106° 27' 57"					C-48-45-B-b
Khu phố 3	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 27' 09"	106° 27' 57"					C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 1	TV	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 2	TV	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành			10° 27' 14"	106° 29' 38"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 3	TV	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành			10° 24' 31"	106° 27' 01"	10° 26' 58"	106° 27' 51"	C-48-45-B-b
Đường ĐT.827	KX	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b
ấp Hồi Xuân	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 26' 15"	106° 27' 48"					C-48-45-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Hội Xuân	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 26' 55"	106° 28' 12"					C-48-45-B-b
ấp Phú Thạnh	DC	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 27' 05"	106° 27' 33"					C-48-45-B-b
thánh thất Phương Quế Ngọc Đài	KX	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành	10° 26' 51"	106° 28' 15"					C-48-45-B-b
kênh Tầm Vu	TV	TT. Tầm Vu	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 30' 05"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
ấp An Tập	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 34"	106° 29' 30"					C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 2	TV	xã An Lục Long	H. Châu Thành			10° 27' 14"	106° 29' 38"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 3	TV	xã An Lục Long	H. Châu Thành			10° 24' 31"	106° 27' 01"	10° 26' 58"	106° 27' 51"	C-48-45-B-b
ấp Cầu Đôi	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 10"	106° 28' 51"					C-48-45-B-b
kênh Cầu Đôi - Rạch Tràm	TV	xã An Lục Long	H. Châu Thành			10° 24' 01"	106° 27' 48"	10° 26' 03"	106° 31' 41"	C-48-45-B-b
ấp Cầu Đúc	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 19"	106° 27' 19"					C-48-45-B-b
ấp Cầu Hàng	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 25"	106° 29' 09"					C-48-45-B-b
ấp Cầu Kinh	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 24' 30"	106° 27' 22"					C-48-45-B-b
ấp Cầu Ông Bụi	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 26' 15"	106° 28' 47"					C-48-45-B-b
ấp Cầu Ván	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 24' 04"	106° 27' 21"					C-48-45-B-b
ấp Chợ Ông Bái	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 30"	106° 29' 50"					C-48-45-B-b
thánh thất cao đài Chơn Lý	KX	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 47"	106° 29' 40"					C-48-45-B-b
ấp Đồng Tre	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 08"	106° 28' 15"					C-48-45-B-b
Đường ĐT.827	KX	xã An Lục Long	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b
ấp Lộ Đá	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 26' 25"	106° 29' 06"					C-48-45-B-b
ấp Nhà Việc	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 28"	106° 28' 25"					C-48-45-B-b
ấp Song Tân	DC	xã An Lục Long	H. Châu Thành	10° 25' 42"	106° 30' 12"					C-48-45-B-b
rạch Bà Kiên	TV	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 30' 38"	106° 26' 16"	10° 31' 18"	106° 26' 27"	C-48-33-D-d
ấp Bình Cang	DC	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 31' 16"	106° 26' 40"					C-48-33-D-d
ấp Bình Sơn	DC	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 31' 37"	106° 27' 33"					C-48-33-D-d
rạch Bình Tâm	TV	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 25' 18"	10° 31' 56"	106° 26' 54"	C-48-33-D-d
ấp Bình Thủy	DC	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 31' 12"	106° 27' 57"					C-48-33-D-d
ấp Bình Xuyên	DC	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 30' 44"	106° 27' 29"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.827B	KX	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 31' 42"	106° 26' 39"	10° 27' 20"	106° 30' 50"	C-48-33-D-d
ấp Kỳ Châu	DC	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 30' 33"	106° 27' 54"					C-48-33-D-d
đò Kỳ Son	KX	xã Bình Quới	H. Châu Thành	10° 30' 43"	106° 28' 15"					C-48-33-D-d
rạch Kỳ Son	TV	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 28' 04"	106° 26' 14"	10° 30' 36"	106° 28' 13"	C-48-33-D-d
rạch Từ Bá	TV	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 31' 14"	106° 27' 08"	10° 31' 20"	106° 26' 29"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Quới	H. Châu Thành			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
rạch Bà Lý 1	TV	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 3	TV	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành			10° 24' 31"	106° 27' 01"	10° 26' 58"	106° 27' 51"	C-48-45-B-b
Đường ĐT.827	KX	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b
ấp Hồi Xuân	DC	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành	10° 25' 56"	106° 27' 29"					C-48-45-B-b
Di tích lịch sử văn hóa Khu lưu niệm Giáo sư Trần Văn Giàu	KX	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành	10° 26' 00"	106° 27' 57"					C-48-45-B-b
ấp Mỹ Xuân	DC	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành	10° 26' 13"	106° 27' 38"					C-48-45-B-b
ấp Vĩnh Xuân A	DC	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành	10° 26' 45"	106° 27' 29"					C-48-45-B-b
ấp Vĩnh Xuân B	DC	xã Dương Xuân Hội	H. Châu Thành	10° 26' 52"	106° 26' 50"					C-48-45-B-b
Ấp 1	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 28' 13"	106° 26' 19"					C-48-45-B-b
Ấp 2	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 28' 31"	106° 26' 37"					C-48-45-B-b
Ấp 3	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 28' 48"	106° 27' 19"					C-48-45-B-b
Ấp 4	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 29' 09"	106° 27' 25"					C-48-45-B-b
Ấp 5	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 29' 13"	106° 28' 04"					C-48-45-B-b
Ấp 6	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 27' 43"	106° 28' 06"					C-48-45-B-b
Ấp 7	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 27' 16"	106° 28' 15"					C-48-45-B-b
Ấp 8	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 27' 30"	106° 27' 18"					C-48-45-B-b
Ấp 9	DC	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 28' 06"	106° 28' 39"					C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 1	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
đình Bình Hạp	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành	10° 28' 12"	106° 26' 38"					C-48-45-B-b
Đường ĐT.827	KX	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Kỳ Son	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành			10° 28' 04"	106° 26' 14"	10° 30' 36"	106° 28' 13"	C-48-45-B-b
kênh Tầm Vu	TV	xã Hiệp Thạnh	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 30' 05"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
Ấp 1	DC	xã Hòa Phú	H. Châu Thành	10° 29' 01"	106° 25' 23"					C-48-45-B-b
Ấp 2	DC	xã Hòa Phú	H. Châu Thành	10° 30' 46"	106° 26' 19"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Hòa Phú	H. Châu Thành	10° 30' 08"	106° 25' 46"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Hòa Phú	H. Châu Thành	10° 31' 12"	106° 26' 23"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Hòa Phú	H. Châu Thành	10° 30' 06"	106° 26' 36"					C-48-33-D-d
rạch Bà Kiên	TV	xã Hòa Phú	H. Châu Thành			10° 30' 38"	106° 26' 16"	10° 31' 18"	106° 26' 27"	C-48-33-D-d
rạch Bà Lý 1	TV	xã Hòa Phú	H. Châu Thành			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
rạch Bình Tâm	TV	xã Hòa Phú	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 25' 18"	10° 31' 56"	106° 26' 54"	C-48-45-B-b; C-48-33-D-d
Đường ĐT.827	KX	xã Hòa Phú	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b; C-48-33-D-d
rạch Bà Lý 3	TV	xã Long Trì	H. Châu Thành			10° 24' 31"	106° 27' 01"	10° 26' 58"	106° 27' 51"	C-48-45-B-b
ấp Long An	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 47"	106° 25' 50"					C-48-45-B-b
ấp Long Bình	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 53"	106° 26' 35"					C-48-45-B-b
ấp Long Hòa	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 43"	106° 26' 55"					C-48-45-B-b
ấp Long Hưng	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 17"	106° 25' 33"					C-48-45-B-b
ấp Long Thành	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 02"	106° 26' 50"					C-48-45-B-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 58"	106° 25' 01"					C-48-45-B-b
ấp Long Thuận	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 23"	106° 27' 10"					C-48-45-B-b
ấp Long Trường	DC	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 12"	106° 25' 59"					C-48-45-B-b
thánh thất cao đài Tây Ninh	KX	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 10"	106° 26' 52"					C-48-45-B-b
chùa Thành Long	KX	xã Long Trì	H. Châu Thành	10° 25' 46"	106° 26' 44"					C-48-45-B-b
ấp Ái Ngãi	DC	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 30' 14"	106° 30' 03"					C-48-34-C-c
đò Ái Ngãi	KX	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 30' 09"	106° 30' 15"					C-48-34-C-c
ấp Bình Trị 1	DC	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 29' 02"	106° 28' 20"					C-48-45-B-b
ấp Bình Trị 2	DC	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 30' 15"	106° 27' 58"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.827B	KX	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành			10° 31' 42"	106° 26' 39"	10° 27' 20"	106° 30' 50"	C-48-33-D-d
Di tích lịch sử văn hóa Khu lưu niệm Nguyễn Thông	KX	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 30' 08"	106° 27' 57"					C-48-33-D-d
rạch Kỳ Son	TV	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành			10° 28' 04"	106° 26' 14"	10° 30' 36"	106° 28' 13"	C-48-33-D-d; C-48-45-B-b
ấp Phú Xuân 1	DC	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 30' 21"	106° 29' 00"					C-48-33-D-d
ấp Phú Xuân 2	DC	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành	10° 29' 24"	106° 29' 13"					C-48-45-B-b
kênh Tầm Vu	TV	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 30' 05"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Phú Ngãi Trị	H. Châu Thành			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 27' 25"	106° 30' 10"					C-48-46-A-a
Ấp 2	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 27' 13"	106° 28' 51"					C-48-45-B-b
Ấp 4	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 28' 05"	106° 28' 55"					C-48-45-B-b
Ấp 5	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 29' 09"	106° 29' 57"					C-48-46-A-a
Ấp 6	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 28' 30"	106° 30' 15"					C-48-46-A-a
Ấp 7	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 27' 49"	106° 29' 26"					C-48-45-B-b
Ấp 8	DC	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 27' 52"	106° 30' 24"					C-48-46-A-a
rạch Bà Lý 2	TV	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 27' 14"	106° 29' 38"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
Đường ĐT.827B	KX	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 31' 42"	106° 26' 39"	10° 27' 20"	106° 30' 50"	C-48-46-A-a; C-48-45-B-b
rạch Eo Déc	TV	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 27' 58"	106° 29' 37"	10° 28' 22"	106° 30' 22"	C-48-46-A-a; C-48-45-B-b
rạch Phú Lộc	TV	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 26' 28"	106° 31' 08"	10° 27' 43"	106° 30' 46"	C-48-46-A-a; C-48-45-B-b
thánh thất Phước Tân Hưng	KX	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 29' 03"	106° 30' 00"					C-48-46-A-a
kênh Tầm Vu	TV	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 30' 05"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-46-A-a; C-48-45-B-b
đò Tham Nhiên	KX	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành	10° 27' 58"	106° 30' 26"					C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Phước Tân Hưng	H. Châu Thành			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a
sông Bà Ký	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 26' 51"	106° 30' 33"	10° 25' 53"	106° 31' 17"	C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Bà Lý 2	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 27' 14"	106° 29' 38"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
ấp Bàu Dài	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 55"	106° 30' 40"					C-48-46-A-a
kênh Cầu Đôi - Rạch Tràm	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 24' 01"	106° 27' 48"	10° 26' 03"	106° 31' 41"	C-48-46-A-a
Di tích Lịch sử văn hóa Cụm	KX	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 42"	106° 30' 17"					C-48-46-A-a
Đường ĐT.827	KX	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-46-A-a
Đường ĐT.827B	KX	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 31' 42"	106° 26' 39"	10° 27' 20"	106° 30' 50"	C-48-33-D-d
rạch Ông Chương	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 27' 12"	106° 32' 23"	10° 27' 40"	106° 32' 52"	C-48-46-A-a
rạch Phủ Cung	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 27' 07"	106° 32' 08"	10° 27' 52"	106° 31' 27"	C-48-46-A-a
rạch Phú Lộc	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 26' 28"	106° 31' 08"	10° 27' 43"	106° 30' 46"	C-48-45-B-b; C-48-46-A-a
ấp Phú Tây A	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 28' 14"	106° 31' 42"					C-48-46-A-a
ấp Phú Tây B	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 27' 49"	106° 32' 08"					C-48-46-A-a
chùa Tam Khánh	KX	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 36"	106° 30' 34"					C-48-46-A-a
ấp Tân Long	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 25' 59"	106° 30' 42"					C-48-46-A-a
thánh thất cao đài Tây Ninh	KX	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 27' 18"	106° 30' 53"					C-48-46-A-a
ấp Thanh Bình 1	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 20"	106° 31' 32"					C-48-46-A-a
ấp Thanh Hòa	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 27' 02"	106° 30' 03"					C-48-46-A-a
ấp Thanh Phú	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 37"	106° 30' 14"					C-48-46-A-a
ấp Thanh Quới	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 26' 37"	106° 31' 45"					C-48-46-A-a
ấp Thanh Tân	DC	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành	10° 27' 21"	106° 30' 52"					C-48-46-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 26' 56"	106° 32' 11"	10° 26' 03"	106° 31' 41"	C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thanh Phú Long	H. Châu Thành			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a
rạch Bà Hùng	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 41"	106° 33' 22"	10° 25' 36"	106° 33' 18"	C-48-46-A-a
rạch Bà Trung	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 25' 31"	106° 34' 03"	10° 25' 00"	106° 33' 56"	C-48-46-A-a
Rạch Bùng	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 25' 39"	106° 34' 25"	10° 25' 13"	106° 34' 59"	C-48-46-A-a
rạch Đôi Lớn	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 30"	106° 32' 41"	10° 26' 01"	106° 32' 46"	C-48-46-A-a
đò Đồng Sơn	KX	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 24' 54"	106° 34' 17"					C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.827	KX	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-46-A-a
Rạch Heo	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 34"	106° 34' 14"	10° 25' 18"	106° 33' 28"	C-48-46-A-a
chùa Linh Chiếu	KX	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 25' 38"	106° 33' 20"					C-48-46-A-a
rạch Ông Cò	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 14"	106° 33' 33"	10° 25' 54"	106° 33' 23"	C-48-46-A-a
ấp Thanh Bình 2	DC	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 25' 42"	106° 32' 20"					C-48-46-A-a
Rạch Tôm	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 21"	106° 32' 56"	10° 25' 52"	106° 32' 42"	C-48-46-A-a
rạch Tôm Nhỏ	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 25' 27"	106° 34' 17"	10° 24' 58"	106° 34' 15"	C-48-46-A-a
Sông Tra	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 03"	106° 31' 41"	10° 26' 20"	106° 35' 12"	C-48-46-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành			10° 26' 56"	106° 32' 11"	10° 26' 03"	106° 31' 41"	C-48-46-A-a
ấp Vĩnh Viễn	DC	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 25' 16"	106° 34' 34"					C-48-46-A-a
ấp Xuân Hoà 1	DC	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 25' 40"	106° 33' 09"					C-48-46-A-a
ấp Xuân Hòa 2	DC	xã Thanh Vĩnh Đông	H. Châu Thành	10° 25' 14"	106° 33' 31"					C-48-46-A-a
rạch Bà Hùng	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 26' 41"	106° 33' 22"	10° 25' 36"	106° 33' 18"	C-48-46-A-a
đò Bà Nhờ	KX	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 28' 38"	106° 34' 44"					C-48-46-A-a
thánh thất cao đài Bến Tre	KX	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 28' 17"	106° 33' 52"					C-48-46-A-a
ấp Bình An	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 27' 56"	106° 34' 11"					C-48-46-A-a
ấp Bình Khương	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 28' 11"	106° 34' 25"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thạnh 1	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 26' 44"	106° 33' 14"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thạnh 2	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 26' 50"	106° 32' 17"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thạnh 3	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 27' 29"	106° 33' 02"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thới 1	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 28' 40"	106° 34' 03"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thới 2	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 29' 23"	106° 33' 20"					C-48-46-A-a
ấp Bình Trị 1	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 26' 43"	106° 33' 44"					C-48-46-A-a
ấp Bình Trị 2	DC	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 26' 47"	106° 34' 34"					C-48-46-A-a
rạch Đôi Lớn	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 26' 30"	106° 32' 41"	10° 26' 01"	106° 32' 46"	C-48-46-A-a
Đường ĐT.827	KX	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-46-A-a
Rạch Heo	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 26' 34"	106° 34' 14"	10° 25' 18"	106° 33' 28"	C-48-46-A-a
rạch Mương Khai	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 29' 33"	106° 33' 29"	10° 29' 41"	106° 32' 59"	C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
đò Nhựt Ninh	KX	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành	10° 29' 40"	106° 32' 55"					C-48-46-A-a
rạch Ông Chương	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 27' 12"	106° 32' 23"	10° 27' 40"	106° 32' 52"	C-48-46-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 26' 56"	106° 32' 11"	10° 26' 03"	106° 31' 41"	C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 30' 15"	106° 33' 27"	10° 29' 36"	106° 43' 34"	C-48-46-A-a; C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thuận Mỹ	H. Châu Thành			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a; C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 28' 45"	106° 26' 55"					C-48-45-B-b
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 29' 15"	106° 27' 16"					C-48-45-B-b
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 29' 41"	106° 27' 14"					C-48-45-B-b
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 29' 56"	106° 27' 31"					C-48-45-B-b
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 29' 37"	106° 26' 57"					C-48-45-B-b
Ấp 6	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 29' 04"	106° 26' 09"					C-48-45-B-b
Ấp 7	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 28' 46"	106° 25' 54"					C-48-45-B-b
Ấp 8	DC	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành	10° 28' 36"	106° 26' 16"					C-48-45-B-b
rạch Bà Lý 1	TV	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành			10° 29' 19"	106° 23' 26"	10° 26' 59"	106° 28' 03"	C-48-45-B-b
Đường ĐT.827	KX	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành			10° 31' 37"	106° 25' 09"	10° 24' 54"	106° 34' 02"	C-48-45-B-b
rạch Kỳ Son	TV	xã Vĩnh Công	H. Châu Thành			10° 28' 04"	106° 26' 14"	10° 30' 36"	106° 28' 13"	C-48-45-B-b
Khu phố 1	DC	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 14"	106° 27' 03"					C-48-33-B-d
Khu phố 2	DC	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 17"	106° 27' 17"					C-48-33-B-d
Khu phố 3	DC	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 32"	106° 27' 28"					C-48-33-B-d
Khu phố 4	DC	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 56"	106° 26' 44"					C-48-33-B-d
Khu phố 5	DC	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 50' 16"	106° 27' 24"					C-48-33-B-d
chùa Ấn Chứng	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 50' 00"	106° 27' 31"					C-48-33-B-d
cầu Cá Ngoài	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 48' 49"	106° 26' 51"					C-48-33-B-d
thánh thất Cao Đài	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 39"	106° 27' 22"					C-48-33-B-d
kênh chính Sông Tra - Láng Ven	TV	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10°53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
Kênh Chợ	TV	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa			10° 48' 39"	106° 25' 59"	10° 49' 11"	106° 27' 07"	C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.824	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.825	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-d
cầu Láng Ven	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 50' 25"	106° 26' 21"					C-48-33-B-d
kênh Láng Ven	TV	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa			10° 48' 39"	106° 25' 59"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
Di tích lịch sử văn hóa Ngã tư Đức Hòa	KX	TT. Đức Hòa	H. Đức Hòa	10° 49' 36"	106° 27' 19"					C-48-33-B-d
Khu A	DC	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 48"	106° 23' 05"					C-48-33-B-b
Khu B	DC	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 44"	106° 23' 19"					C-48-33-B-b
cầu Bàu Trai	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 54"	106° 23' 23"					C-48-33-B-b
thánh thất Cao Đài	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 33"	106° 23' 29"					C-48-33-B-b
kênh Cầu Duyên - Hốc Thơm	TV	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 50' 38"	106° 20' 49"	10° 54' 59"	106° 25' 24"	C-48-33-B-b
kênh Chính Ba Sa	TV	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 50' 32"	106° 21' 29"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b
Đường ĐT.823	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 53' 43"	106° 23' 27"	10° 50' 37"	106° 20' 51"	C-48-33-B-b
Đường ĐT.825	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b
ấp Gò Cao	DC	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 58"	106° 24' 08"					C-48-33-B-b
họ đạo Nhật Tân	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 48"	106° 23' 32"					C-48-33-B-b
Đường QL.N2	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-b
chùa Quan Âm	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 55' 12"	106° 22' 56"					C-48-33-B-b
ấp Sò Đo	DC	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 55' 27"	106° 22' 41"					C-48-33-B-b
hội thánh Tin Lành	KX	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa	10° 53' 59"	106° 23' 33"					C-48-33-B-b
Kênh Xáng	TV	TT. Hậu Nghĩa	H. Đức Hòa			10° 54' 57"	106° 19' 10"	10° 55' 24"	106° 22' 36"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b
Khu vực 1	DC	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 55' 32"	106° 18' 15"					C-48-33-B-a
Khu vực 2	DC	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 55' 05"	106° 19' 09"					C-48-33-B-a
Khu vực 3	DC	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 54' 20"	106° 19' 02"					C-48-33-B-a
Khu vực 4	DC	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 54' 42"	106° 18' 53"					C-48-33-B-a
Khu vực 5	DC	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 54' 26"	106° 18' 40"					C-48-33-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Công ty cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	KX	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 55' 21"	106° 18' 12"					C-48-33-B-a
Đường ĐT.822	KX	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 53' 39"	106° 18' 23"	10° 58' 59"	106° 21' 43"	C-48-33-B-a
nhà thờ Rạch Chanh	KX	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 54' 21"	106° 18' 39"					C-48-33-B-a
Di tích lịch sử văn hóa Trung tâm Huấn luyện biệt kích Hiệp Hòa	KX	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 54' 54"	106° 18' 59"					C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a
nhà thờ Văn Hiệp	KX	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 55' 08"	106° 19' 04"					C-48-33-B-a
Kênh Xáng	TV	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 54' 57"	106° 19' 10"	10° 55' 24"	106° 22' 36"	C-48-33-B-a
kênh Xáng Nhà Thờ	TV	TT. Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 54' 18"	106° 18' 41"	10° 55' 27"	106° 19' 32"	C-48-33-B-a
ấp An Định	DC	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa	10° 59' 04"	106° 19' 07"					C-48-33-B-a
ấp An Hiệp	DC	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa	10° 58' 26"	106° 19' 47"					C-48-33-B-a
ấp An Hưng	DC	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa	10° 59' 22"	106° 20' 22"					C-48-33-B-a
ấp An Thuận	DC	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa	10° 57' 25"	106° 19' 14"					C-48-33-B-a
kênh Ba Trong	TV	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			10° 59' 45"	106° 20' 37"	10° 57' 43"	106° 22' 37"	C-48-33-B-a
kênh Đào Thạch Bích	TV	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 59' 38"	106° 20' 28"	C-48-33-B-a
Đường ĐT.825	KX	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-a
ấp Hòa Hiệp	DC	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa	10° 58' 39"	106° 20' 50"					C-48-33-B-a
kênh Tiêu Cầu Hốc Rọ	TV	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			10° 57' 24"	106° 18' 14"	10° 58' 33"	106° 19' 23"	C-48-33-B-a
kênh Tưới Chính Đông	TV	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			10° 59' 47"	106° 17' 37"	10° 57' 42"	106° 20' 49"	C-48-33-B-a; C-48-21-D-c
kênh Xáng Thầy Cai	TV	xã An Ninh Đông	H. Đức Hòa			10° 55' 18"	106° 29' 38"	10° 59' 33"	106° 21' 17"	C-48-33-B-a
ấp An Hòa	DC	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 58' 36"	106° 18' 38"					C-48-33-B-a
ấp An Ninh	DC	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 59' 05"	106° 17' 09"					C-48-33-B-a
Di tích lịch sử văn hóa An Sơn	KX	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 59' 36"	106° 17' 22"					C-48-33-B-a
ấp An Thạnh	DC	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 58' 09"	106° 18' 18"					C-48-33-B-a
ấp An Thủy	DC	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 56' 27"	106° 18' 21"					C-48-33-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh dẫn Trạm bơm Lộc Giang A-B	TV	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa			10° 59' 46"	106° 17' 06"	10° 59' 51"	106° 17' 38"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
Rạch Gần	TV	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa			10° 57' 24"	106° 18' 14"	10° 58' 06"	106° 17' 16"	C-48-33-B-a
chùa Phước Trường	KX	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 59' 36"	106° 17' 20"					C-48-33-B-a
kênh Rạch Thiên	TV	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa			10° 55' 44"	106° 18' 03"	10° 56' 22"	106° 19' 17"	C-48-33-B-a
ấp Sơn Lợi	DC	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa	10° 59' 18"	106° 17' 59"					C-48-33-B-a
kênh Tiêu Cầu Hốc Rọ	TV	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa			10° 57' 24"	106° 18' 14"	10° 58' 33"	106° 19' 23"	C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Ninh Tây	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a
Ấp 1	DC	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 11"	106° 28' 32"					C-48-33-B-d
Ấp 2	DC	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 37"	106° 29' 26"					C-48-33-B-d
Ấp 3	DC	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 08"	106° 29' 35"					C-48-33-B-d
Kênh 3	TV	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 49' 06"	106° 30' 34"	10° 49' 11"	106° 30' 15"	C-48-34-A-c
Ấp 4	DC	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 49' 43"	106° 29' 01"					C-48-33-B-d
Kênh 4	TV	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 49' 38"	106° 30' 42"	10° 49' 56"	106° 29' 31"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Ấp 5	DC	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 49' 17"	106° 28' 35"					C-48-33-B-d
Kênh 5	TV	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 50' 09"	106° 30' 51"	10° 50' 22"	106° 29' 59"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Kênh 7	TV	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 51' 11"	106° 31' 07"	10° 51' 20"	106° 30' 31"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh 6 - Cống Bà Bông	TV	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 51' 44"	106° 27' 10"	10° 50' 41"	106° 30' 59"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Đường ĐT.824	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.825	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
khu công nghiệp Đức Hòa 1 - Hạnh Phúc	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 47' 50"	106° 30' 03"					C-48-34-A-c
cụm công nghiệp Hải Sơn	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 49' 11"	106° 29' 51"					C-48-33-B-d
khu công nghiệp Nam Thuận	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 31"	106° 30' 04"					C-48-34-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cụm công nghiệp Trung Thành Phát	KX	xã Đức Hòa Đông	H. Đức Hòa	10° 49' 02"	106° 29' 28"					C-48-33-B-d
kênh An Hạ	TV	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa			10° 47' 31"	106° 25' 40"	10° 47' 24"	106° 30' 09"	C-48-33-B-d
khu phế tích Bình Tả	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 49' 49"	106° 28' 05"					C-48-33-B-d
ấp Bình Tả 1	DC	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 49' 38"	106° 27' 50"					C-48-33-B-d
ấp Bình Tả 2	DC	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 49' 15"	106° 27' 48"					C-48-33-B-d
ấp Bình Tiền 1	DC	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 48' 44"	106° 27' 36"					C-48-33-B-d
ấp Bình Tiền 2	DC	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 48' 36"	106° 28' 05"					C-48-33-B-d
cầu Cá Ngoài	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 48' 49"	106° 26' 51"					C-48-33-B-d
Đường ĐT.824	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.825	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
khu công nghiệp Hải Sơn	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 48' 13"	106° 28' 47"					C-48-33-B-d
chùa Linh Nguyên	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 49' 35"	106° 27' 33"					C-48-33-B-d
chùa Long Thành	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 49' 33"	106° 27' 38"					C-48-33-B-d
Công ty May	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 47' 58"	106° 29' 16"					C-48-33-B-d
khu công nghiệp Tân Đô	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 47' 20"	106° 29' 37"					C-48-33-B-d
khu công nghiệp Tân Đức	KX	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa	10° 47' 53"	106° 27' 51"					C-48-33-B-d
kênh Xã Tỉnh	TV	xã Đức Hòa Hạ	H. Đức Hòa			10° 45' 27"	106° 27' 43"	10° 47' 23"	106° 30' 02"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh 6 - Cống Bà Bông	TV	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa			10° 51' 44"	106° 27' 10"	10° 50' 41"	106° 30' 59"	C-48-33-B-d
cống Bảy Quang	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 51' 40"	106° 27' 07"					C-48-33-B-d
ấp Bình Hữu 1	DC	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 50' 45"	106° 27' 17"					C-48-33-B-d
ấp Bình Hữu 2	DC	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 51' 03"	106° 27' 30"					C-48-33-B-d
kênh Chính Ba Sa	TV	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa			10° 50' 32"	106° 21' 29"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
kênh chính Sông Tra - Láng Ven	TV	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.824	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.825	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cống Gò Mới	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 53' 37"	106° 25' 45"					C-48-33-B-b
ấp Hậu Hòa	DC	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 53' 20"	106° 26' 11"					C-48-33-B-b
cầu Láng Ven	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 50' 25"	106° 26' 21"					C-48-33-B-d
ấp Nhơn Hòa 1	DC	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 52' 42"	106° 26' 54"					C-48-33-B-b
ấp Nhơn Hòa 2	DC	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 51' 55"	106° 25' 56"					C-48-33-B-d
chùa Pháp Bảo	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 51' 08"	106° 27' 23"					C-48-33-B-d
Di tích lịch sử văn hóa Vườn nhà Ông Bộ Thỏ	KX	xã Đức Hòa Thượng	H. Đức Hòa	10° 50' 46"	106° 27' 43"					C-48-33-B-d
ấp Bàu Sen	DC	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 53' 17"	106° 25' 12"					C-48-33-B-b
Ấp Chánh	DC	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 54' 05"	106° 25' 06"					C-48-33-B-b
kênh Chính Ba Sa	TV	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa			10° 50' 32"	106° 21' 29"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b
Rạch Dứa	TV	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa			10° 55' 56"	106° 28' 20"	10° 55' 30"	106° 27' 47"	C-48-33-B-b
ấp Đức Hạnh 1	DC	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 54' 19"	106° 26' 26"					C-48-33-B-b
ấp Đức Hạnh 2	DC	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 55' 07"	106° 26' 00"					C-48-33-B-b
khu công nghiệp Đức Hòa 3	KX	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 55' 46"	106° 27' 56"					C-48-33-B-b
cống Gò Mới	KX	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 53' 37"	106° 25' 45"					C-48-33-B-b
chùa Long Tân	KX	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 54' 56"	106° 25' 45"					C-48-33-B-b
Đường QL.N2	KX	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-b
ấp Tân Hòa	DC	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 54' 26"	106° 27' 45"					C-48-33-B-b
cầu Thầy Cai	KX	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa	10° 56' 34"	106° 27' 06"					C-48-33-B-b
kênh Xáng Thầy Cai	TV	xã Đức Lập Hạ	H. Đức Hòa			10° 55' 18"	106° 29' 38"	10° 59' 33"	106° 21' 17"	C-48-33-B-b
kênh Cầu Duyên - Hốc Thơm	TV	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa			10° 50' 38"	106° 20' 49"	10° 54' 59"	106° 25' 24"	C-48-33-B-b
Ấp Chánh	DC	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 54' 29"	106° 24' 59"					C-48-33-B-b
Di tích lịch sử văn hóa Đồn Đức Lập	KX	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 54' 10"	106° 24' 52"					C-48-33-B-b
đình Đức Lập	KX	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 54' 12"	106° 24' 52"					C-48-33-B-b
ấp Đức Ngãi 1	DC	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 55' 32"	106° 24' 49"					C-48-33-B-b
ấp Đức Ngãi 2	DC	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 55' 38"	106° 25' 26"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.N2	KX	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-b
ấp Tân Hội	DC	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 55' 17"	106° 24' 09"					C-48-33-B-b
cầu Thầy Cai	KX	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa	10° 56' 34"	106° 27' 06"					C-48-33-B-b
kênh Xáng Thầy Cai	TV	xã Đức Lập Thượng	H. Đức Hòa			10° 55' 18"	106° 29' 38"	10° 59' 33"	106° 21' 17"	C-48-33-B-b
Đường ĐT.822	KX	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 53' 39"	106° 18' 23"	10° 58' 59"	106° 21' 43"	C-48-33-B-a
Đường ĐT.825	KX	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-a
Cầu Đúc	KX	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 56' 16"	106° 20' 32"					C-48-33-B-a
ấp Hòa Bình 1	DC	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 56' 33"	106° 20' 11"					C-48-33-B-a
ấp Hòa Bình 2	DC	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 56' 05"	106° 19' 37"					C-48-33-B-a
ấp Hòa Hiệp 2	DC	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 57' 44"	106° 20' 20"					C-48-33-B-a
ấp Hòa Thuận 1	DC	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 56' 41"	106° 21' 10"					C-48-33-B-a
ấp Hòa Thuận 2	DC	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa	10° 56' 03"	106° 21' 12"					C-48-33-B-a
kênh Rạch Thiên	TV	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 55' 44"	106° 18' 03"	10° 56' 22"	106° 19' 17"	C-48-33-B-a
kênh tưới Chính Đông	TV	xã Hiệp Hòa	H. Đức Hòa			10° 59' 47"	106° 17' 37"	10° 57' 42"	106° 20' 49"	C-48-33-B-a
ấp Bình Lợi	DC	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 10"	106° 25' 39"					C-48-33-B-d
ấp Bình Thủy	DC	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 43"	106° 25' 38"					C-48-33-B-d
kênh Chính Ba Sa	TV	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa			10° 50' 32"	106° 21' 29"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b
kênh chính Sông Tra - Láng Ven	TV	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10°53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.825	KX	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-d
ấp Giồng Ngang	DC	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 51' 48"	106° 25' 13"					C-48-33-B-d
cầu Láng Ven	KX	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 50' 25"	106° 26' 21"					C-48-33-B-d
chùa Linh Phước	KX	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 52' 39"	106° 24' 03"					C-48-33-B-b
Đường QL.N2	KX	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-d
ấp Thôi Môi	DC	xã Hòa Khánh Đông	H. Đức Hòa	10° 51' 58"	106° 24' 17"					C-48-33-B-d
Kênh 3	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 49' 37"	106° 21' 27"	10° 51' 20"	106° 23' 09"	C-48-33-B-d
Kênh 4	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 50' 08"	106° 22' 45"	10° 50' 48"	106° 23' 39"	C-48-33-B-d
rạch Giàn Xay	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 49' 43"	106° 22' 37"	10° 51' 10"	106° 23' 56"	C-48-33-B-d
kênh Lộ Sa Bà	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 48' 51"	106° 23' 27"	10° 49' 49"	106° 24' 49"	C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.N2	KX	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-d
kênh Rạch Đưng	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 49' 29"	106° 23' 08"	10° 50' 22"	106° 24' 04"	C-48-33-B-d
kênh Thố Mố	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			10° 49' 37"	106° 23' 00"	10° 50' 41"	106° 24' 24"	C-48-33-B-d
ấp Thuận Hòa 1	DC	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa	10° 50' 24"	106° 24' 45"					C-48-33-B-d
ấp Thuận Hòa 2	DC	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa	10° 51' 07"	106° 24' 00"					C-48-33-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-d
ấp Xuân Khánh 1	DC	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa	10° 49' 08"	106° 23' 30"					C-48-33-B-d
ấp Xuân Khánh 2	DC	xã Hòa Khánh Nam	H. Đức Hòa	10° 50' 17"	106° 23' 31"					C-48-33-B-d
Kênh 3	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 49' 37"	106° 21' 27"	10° 51' 20"	106° 23' 09"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
ấp Bùng Binh	DC	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa	10° 49' 44"	106° 21' 29"					C-48-33-B-c
kênh Cầu Duyên - Hốc Thơm	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 50' 38"	106° 20' 49"	10° 54' 59"	106° 25' 24"	C-48-33-B-b; C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
kênh Chính Ba Sa	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 50' 32"	106° 21' 29"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b; C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
Đường ĐT.823	KX	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 53' 43"	106° 23' 27"	10° 50' 37"	106° 20' 51"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b; C-48-33-B-c
rạch Giàn Xay	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 49' 43"	106° 22' 37"	10° 51' 10"	106° 23' 56"	C-48-33-B-d
rạch Hốc Thơm - Ranh Xã	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 52' 16"	106° 21' 15"	10° 51' 50"	106° 20' 26"	C-48-33-B-c
ấp Hóc Thơm 1	DC	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa	10° 51' 13"	106° 20' 45"					C-48-33-B-c
ấp Hóc Thơm 2	DC	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa	10° 51' 12"	106° 21' 18"					C-48-33-B-c
ấp Lập Thành	DC	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa	10° 52' 00"	106° 23' 53"					C-48-33-B-d
Đường QL.N2	KX	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-b; C-48-33-B-d
ấp Tân Bình	DC	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa	10° 52' 41"	106° 23' 04"					C-48-33-B-b
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hòa Khánh Tây	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 1A	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 48' 06"	106° 24' 27"					C-48-33-B-d
Ấp 1B	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 48' 22"	106° 25' 02"					C-48-33-B-d
Ấp 2	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 48' 08"	106° 26' 06"					C-48-33-B-d
Ấp 3A	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 47' 30"	106° 26' 01"					C-48-33-B-d
Ấp 3B	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 47' 23"	106° 26' 22"					C-48-33-B-d
Ấp 4	DC	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 47' 11"	106° 26' 02"					C-48-33-B-d
cầu An Hạ	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 47' 28"	106° 26' 07"					C-48-33-B-d
kênh An Hạ	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 47' 31"	106° 25' 40"	10° 47' 24"	106° 30' 09"	C-48-33-B-d
kênh Bà Kiều	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 44' 31"	106° 27' 51"	10° 45' 10"	106° 27' 21"	C-48-33-B-d; C-48-33-D-b
kênh Bà Mít	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 47' 48"	106° 24' 58"	10° 48' 34"	106° 24' 04"	C-48-33-B-d
cầu Cá Ngoài	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 48' 49"	106° 26' 51"					C-48-33-B-d
kênh Chính Sông Tra - Láng Ven	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10°53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
Kênh Chợ	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 48' 39"	106° 25' 59"	10° 49' 11"	106° 27' 07"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.824	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Đường ĐT.830	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 38' 12"	106° 29' 18"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-d
Rạch Gấu	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 48' 31"	106° 24' 31"	10° 47' 33"	106° 24' 00"	C-48-33-B-d
khu công nghiệp Hựu Thạnh	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 46' 17"	106° 27' 06"					C-48-33-B-d
kênh Láng Ven	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 48' 39"	106° 25' 59"	10° 53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-d
cống Liên Thôn	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 45' 50"	106° 26' 12"					C-48-33-B-d
kênh Lộ Sa Bà	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 48' 51"	106° 23' 27"	10° 49' 49"	106° 24' 49"	C-48-33-B-d
quốc lộ N2	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-B-d
khu công nghiệp Tân Đức	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 47' 32"	106° 26' 44"					C-48-33-B-d
khu công nghiệp Thế Kỷ	KX	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa	10° 45' 07"	106° 27' 41"					C-48-33-B-d
Kênh Thủ	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 47' 22"	106° 27' 01"	10° 46' 26"	106° 27' 07"	C-48-33-B-d
kênh Út Danh	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 47' 00"	106° 25' 27"	10° 46' 18"	106° 25' 36"	C-48-33-B-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Xã Tỉnh	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 45' 27"	106° 27' 43"	10° 47' 23"	106° 30' 02"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
kênh Xáng Nhỏ	TV	xã Hựu Thạnh	H. Đức Hòa			10° 44' 19"	106° 25' 50"	10° 45' 27"	106° 27' 43"	C-48-33-B-d
rạch Bà Mảng	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			11° 01' 01"	106° 16' 38"	11° 00' 30"	106° 16' 43"	C-48-21-D-c
kênh Dẫn Trạm Bơm Lộc	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			10° 59' 46"	106° 17' 06"	10° 59' 51"	106° 17' 38"	C-48-33-B-a
kênh Đào Thạch Bích	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 59' 38"	106° 20' 28"	C-48-21-D-c
Đường ĐT.821	KX	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			11° 00' 02"	106° 17' 07"	11° 01' 03"	106° 18' 55"	C-48-21-D-c
Đường ĐT.825	KX	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
ấp Lộc An	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	10° 59' 49"	106° 18' 32"					C-48-33-B-a
ấp Lộc Bình	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 24"	106° 19' 07"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Chánh	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 23"	106° 17' 02"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Hòa	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 26"	106° 17' 36"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Hưng	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	10° 59' 53"	106° 19' 53"					C-48-33-B-a
ấp Lộc Thạnh	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 50"	106° 18' 22"					C-48-21-D-c
ấp Lộc Thuận	DC	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 01' 04"	106° 17' 21"					C-48-21-D-c
Bàu Trai	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 34"	106° 17' 41"					C-48-21-D-c
Bàu Tre	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa	11° 00' 30"	106° 18' 59"					C-48-21-D-c
kênh Tưới Chính Đông	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			10° 59' 47"	106° 17' 37"	10° 57' 42"	106° 20' 49"	C-48-21-D-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Lộc Giang	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-21-D-c; C-48-33-B-a
thánh thất Cao Đài	KX	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 55"	106° 29' 18"					C-48-33-B-b
kênh chính Sông Tra - Láng Ven	TV	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10°53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b
Di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Nguyễn Văn Quá	KX	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 47"	106° 29' 26"					C-48-33-B-b
Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Mỹ Hạnh	KX	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 48"	106° 29' 20"					C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường ĐT.824	KX	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-34-A-a; C-48-33-B-b
kênh KT11	TV	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa			10° 53' 22"	106° 31' 41"	10° 53' 46"	106° 31' 31"	C-48-34-A-a
ấp Rừng Dầu	DC	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 52"	106° 29' 14"					C-48-33-B-b
ấp Rừng Sến	DC	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 54"	106° 28' 21"					C-48-33-B-b
ấp Tràm Lạc	DC	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa	10° 52' 52"	106° 30' 06"					C-48-34-A-a
kênh Xáng Thầy Cai	TV	xã Mỹ Hạnh Bắc	H. Đức Hòa			10° 55' 18"	106° 29' 38"	10° 59' 33"	106° 21' 17"	C-48-33-B-b
Kênh 7	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 51' 11"	106° 31' 07"	10° 51' 20"	106° 30' 31"	C-48-33-B-d; C-48-34-A-c
Kênh 8	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 51' 42"	106° 31' 15"	10° 51' 45"	106° 31' 05"	C-48-34-A-c
Kênh 9	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 52' 14"	106° 31' 23"	10° 52' 32"	106° 31' 09"	C-48-34-A-c
kênh 6 Cống Bà Bông	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 51' 44"	106° 27' 10"	10° 50' 41"	106° 30' 59"	C-48-33-B-d
Di tích lịch sử văn hóa Bàu Tràm	KX	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 52' 37"	106° 28' 21"					C-48-33-B-b
kênh chính Sông Tra - Láng Ven	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 47' 43"	106° 25' 35"	10°53' 54"	106° 26' 56"	C-48-33-B-b; C-48-33-B-d
Đường ĐT.824	KX	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 31' 27"	10° 47' 53"	106° 25' 50"	C-48-33-B-b; C-48-33-B-d; C-48-34-A-a
ấp Giồng Lớn	DC	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 52' 27"	106° 27' 48"					C-48-33-B-d
ấp Mới 1	DC	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 51' 55"	106° 29' 19"					C-48-33-B-d
ấp Mới 2	DC	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 51' 45"	106° 29' 43"					C-48-33-B-d
giáo xứ Mỹ Hạnh	KX	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 52' 40"	106° 30' 13"					C-48-34-A-a
chùa Pháp Minh	KX	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 51' 45"	106° 27' 44"					C-48-33-B-d
Bàu Tràm	TV	xã Mỹ Hạnh Nam	H. Đức Hòa	10° 52' 37"	106° 28' 20"					C-48-33-B-b
kênh Ba Trong	TV	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa			10° 59' 45"	106° 20' 37"	10° 57' 43"	106° 22' 37"	C-48-33-B-a
ấp Bàu Công	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 57' 05"	106° 24' 33"					C-48-33-B-b
ấp Bến Long	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 57' 09"	106° 23' 03"					C-48-33-B-b
Ấp Chánh	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 57' 14"	106° 21' 53"					C-48-33-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Chánh Hội	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 56' 42"	106° 21' 45"					C-48-33-B-a
Đường ĐT.822	KX	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa			10° 53' 39"	106° 18' 23"	10° 58' 59"	106° 21' 43"	C-48-33-B-a
Đường ĐT.825	KX	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa			10° 47' 41"	106° 30' 15"	11° 00' 23"	106° 18' 39"	C-48-33-B-a
ấp Lập Điền	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 56' 12"	106° 24' 08"					C-48-33-B-b
Kênh Ngang	TV	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa			10° 57' 43"	106° 22' 37"	10° 58' 01"	106° 24' 37"	C-48-33-B-a
ấp Rừng Dầu	DC	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 56' 19"	106° 23' 06"					C-48-33-B-b
đình Rừng Muỗi	KX	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa	10° 57' 23"	106° 21' 36"					C-48-33-B-b
kênh Xáng Thầy Cai	TV	xã Tân Mỹ	H. Đức Hòa			10° 55' 18"	106° 29' 38"	10° 59' 33"	106° 21' 17"	C-48-33-B-b
ấp Bàu Trai Hạ	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 53' 31"	106° 22' 14"					C-48-33-B-a
ấp Bàu Trai Thượng	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 54' 22"	106° 22' 17"					C-48-33-B-a
ấp Bình Thủy	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 52' 20"	106° 20' 18"					C-48-33-B-c
kênh Cầu Duyên - Hốc Thơm	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			10° 50' 38"	106° 20' 49"	10° 54' 59"	106° 25' 24"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b; C-48-33-B-c
Ấp Chánh	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 54' 46"	106° 22' 00"					C-48-33-B-a
kênh Cò Rán	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			10° 52' 29"	106° 20' 02"	10° 52' 39"	106° 20' 49"	C-48-33-B-a
khu công nghiệp DNN - Tân Phú	KX	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 53' 32"	106° 20' 50"					C-48-33-B-a
ấp Gò Sao	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 55' 23"	106° 21' 28"					C-48-33-B-a
đò Hốc Thơm	KX	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 51' 53"	106° 20' 21"					C-48-33-B-c
rạch Hốc Thơm - Ranh Xã	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			10° 52' 16"	106° 21' 15"	10° 51' 50"	106° 20' 26"	C-48-33-B-c
kênh Năm Rôn	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			10° 52' 12"	106° 20' 05"	10° 52' 31"	106° 20' 48"	C-48-33-B-c
đình Tân Phú	KX	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 54' 03"	106° 21' 16"					C-48-33-B-a
ấp Tân Qui Hạ	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 53' 24"	106° 20' 33"					C-48-33-B-a
ấp Tân Qui Thượng	DC	xã Tân Phú	H. Đức Hòa	10° 53' 53"	106° 20' 05"					C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-c
Kênh Xáng	TV	xã Tân Phú	H. Đức Hòa			10° 54' 57"	106° 19' 10"	10° 55' 24"	106° 22' 36"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Khu phố 1	DC	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ	10° 54' 08"	106° 18' 36"					C-48-33-B-a
Khu phố 2	DC	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ	10° 53' 28"	106° 18' 04"					C-48-33-B-a
Kênh 2	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 54' 37"	106° 18' 03"	10° 53' 58"	106° 17' 07"	C-48-33-B-a
Khu phố 3	DC	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ	10° 54' 05"	106° 18' 16"					C-48-33-B-a
Khu phố 4	DC	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ	10° 53' 26"	106° 17' 16"					C-48-33-B-a
rạch Cầu Sập	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 41"	106° 16' 43"	10° 54' 31"	106° 18' 06"	C-48-33-B-a
Đường ĐT.822	KX	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 39"	106° 18' 23"	10° 58' 59"	106° 21' 43"	C-48-33-B-a
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-B-a
Đường QL.N1	KX	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Cối	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 54' 47"	106° 18' 02"	10° 52' 44"	106° 12' 08"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Gốc	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			10° 54' 09"	106° 18' 53"	10° 51' 30"	106° 11' 48"	C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	TT. Đông Thành	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a
ấp An Hòa	DC	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 51' 31"	106° 18' 19"					C-48-33-B-c
rạch Bà Thắt	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 50' 37"	106° 19' 15"	10° 51' 00"	106° 20' 08"	C-48-33-B-c
rạch Cần Giè	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 50' 53"	106° 17' 52"	10° 49' 48"	106° 20' 19"	C-48-33-B-c
kênh Cần Giè	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 50' 53"	106° 17' 52"	10° 49' 02"	106° 19' 14"	C-48-33-B-c
Ấp Chánh	DC	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 50' 47"	106° 19' 21"					C-48-33-B-c
ấp Hòa Tây	DC	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 49' 55"	106° 16' 56"					C-48-33-B-c
đò Hốc Thơm	KX	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 51' 53"	106° 20' 21"					C-48-33-B-c
kênh Hội Đồng Sầm	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 48' 06"	106° 17' 51"	10° 50' 32"	106° 16' 42"	C-48-33-B-c
kênh Lô 10	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 48' 16"	106° 18' 05"	10° 50' 39"	106° 16' 59"	C-48-33-B-c
kênh Lô 9	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 47' 56"	106° 17' 37"	10° 50' 26"	106° 16' 25"	C-48-33-B-c
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-B-c
cầu Mỏ Heo	KX	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 50' 53"	106° 17' 52"					C-48-33-B-c
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-B-c
ấp Tân Hòa	DC	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ	10° 48' 56"	106° 17' 30"					C-48-33-B-c
kênh Trà Cú Thượng	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 50' 33"	106° 20' 48"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-B-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Xáng Rạch Bần	TV	xã Bình Hòa Bắc	H. Đức Huệ			10° 51' 52"	106° 20' 18"	10° 51' 21"	106° 18' 55"	C-48-33-B-c
Ấp 1	DC	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 48' 35"	106° 12' 53"					C-48-33-A-d
Ấp 2	DC	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 48' 28"	106° 12' 32"					C-48-33-A-d
Ấp 3	DC	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 46' 55"	106° 15' 26"					C-48-33-B-c
Ấp 4	DC	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 47' 26"	106° 12' 09"					C-48-33-A-d
kênh 61	TV	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c
ngã năm Bình Thành	TV	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 46' 44"	106° 15' 52"					C-48-33-B-c
Di tích lịch sử văn hóa Tỉnh ủy Long An	KX	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 48' 47"	106° 13' 07"					C-48-33-A-d
ấp Giòng Ông Bạn	DC	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ	10° 49' 08"	106° 13' 12"					C-48-33-A-d
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-A-d
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-A-d
kênh Rạch Tràm - Mỹ Bình	TV	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ			10° 46' 44"	106° 15' 51"	10° 49' 52"	106° 12' 48"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c
kênh Trà Cú Hạ	TV	xã Bình Hòa Hưng	H. Đức Huệ			10° 46' 44"	106° 15' 52"	10° 41' 07"	106° 13' 44"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c
Ấp 1	DC	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ	10° 48' 32"	106° 22' 51"					C-48-33-B-d
Ấp 2	DC	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ	10° 49' 10"	106° 21' 44"					C-48-33-B-c
Ấp 3	DC	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ	10° 49' 42"	106° 21' 08"					C-48-33-B-c
Ấp 4	DC	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ	10° 47' 41"	106° 19' 16"					C-48-33-B-c
kênh Bà Kiểng	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 42' 13"	106° 25' 11"	10° 49' 02"	106° 19' 14"	C-48-33-B-c
rạch Bà Tổng	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 48' 27"	106° 21' 59"	10° 48' 38"	106° 23' 19"	C-48-33-B-d
ngã năm Bình Thành	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ	10° 46' 44"	106° 15' 52"					C-48-33-B-c
kênh Bo Bo	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-B-c; C-48-33-D-a
rạch Cần Ré	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 49' 27"	106° 20' 58"	10° 49' 33"	106° 21' 23"	C-48-33-B-c
kênh Lò Đường	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 46' 56"	106° 22' 14"	10° 47' 21"	106° 22' 40"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Long Hải	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 48' 34"	106° 18' 33"	10° 47' 24"	106° 19' 35"	C-48-33-B-c
Rạch Mương	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 48' 17"	106° 20' 04"	10° 49' 25"	106° 21' 02"	C-48-33-B-c
rạch Quản Hữu	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 47' 54"	106° 21' 23"	10° 48' 20"	106° 23' 17"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
kênh Rạch Cần Xé - Kênh Ranh Lâm Hải	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 47' 54"	106° 23' 25"	10° 44' 38"	106° 17' 42"	C-48-33-D-a; C-48-33-B-c; C-48-33-B-d
kênh Trà Cú Thượng	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			10° 50' 33"	106° 20' 48"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-B-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Bình Hòa Nam	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-c
Ấp 1	DC	xã Bình Thành	H. Đức Huệ	10° 49' 24"	106° 14' 03"					C-48-33-A-d
Ấp 2	DC	xã Bình Thành	H. Đức Huệ	10° 48' 49"	106° 15' 36"					C-48-33-B-c
Ấp 3	DC	xã Bình Thành	H. Đức Huệ	10° 47' 03"	106° 16' 15"					C-48-33-B-c
Ấp 4	DC	xã Bình Thành	H. Đức Huệ	10° 48' 35"	106° 16' 54"					C-48-33-B-c
ngã năm Bình Thành	TV	xã Bình Thành	H. Đức Huệ	10° 46' 44"	106° 15' 52"					C-48-33-B-c
kênh Lô 9	TV	xã Bình Thành	H. Đức Huệ			10° 47' 56"	106° 17' 37"	10° 50' 26"	106° 16' 25"	C-48-33-B-c
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Bình Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-B-c
quốc lộ N1	KX	xã Bình Thành	H. Đức Huệ			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c
kênh Rạch Tràm - Mỹ Bình	TV	xã Bình Thành	H. Đức Huệ			10° 46' 44"	106° 15' 51"	10° 49' 52"	106° 12' 48"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c
kênh Trà Cú Thượng	TV	xã Bình Thành	H. Đức Huệ			10° 50' 33"	106° 20' 48"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-B-c
Ấp 1	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 51' 50"	106° 14' 34"					C-48-33-A-d
Ấp 2	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 50' 23"	106° 14' 57"					C-48-33-A-d
Ấp 3	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 51' 32"	106° 12' 31"					C-48-33-A-d
Ấp 4	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 49' 23"	106° 13' 13"					C-48-33-A-d
Ấp 5	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 51' 11"	106° 11' 20"					C-48-33-A-d
Ấp 6	DC	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ	10° 49' 35"	106° 12' 25"					C-48-33-A-d
kênh 62	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 49' 52"	106° 12' 48"	10° 51' 30"	106° 11' 49"	C-48-33-A-d
kênh Ma Ren	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-A-d
kênh Rạch Gốc	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 54' 09"	106° 18' 53"	10° 51' 30"	106° 11' 48"	C-48-33-B-a; C-48-33-A-b; C-48-33-A-d
kênh Rạch Tràm - Mỹ Bình	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 46' 44"	106° 15' 51"	10° 49' 52"	106° 12' 48"	C-48-33-A-d
kênh T1	TV	xã Mỹ Bình	H. Đức Huệ			10° 49' 11"	106° 11' 59"	10° 50' 10"	106° 12' 01"	C-48-33-A-d
Ấp 1	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 58' 17"	106° 16' 10"					C-48-33-B-a
Ấp 2	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 58' 40"	106° 15' 51"					C-48-33-B-a
Ấp 3	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 58' 20"	106° 13' 48"					C-48-33-A-b
Ấp 4	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 58' 36"	106° 12' 44"					C-48-33-A-b
Ấp 5	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 57' 24"	106° 11' 36"					C-48-33-A-b
Ấp 6	DC	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ	10° 57' 52"	106° 09' 31"					C-48-33-A-b
kênh Bà Vòm	TV	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ			10° 58' 34"	106° 16' 16"	10° 57' 23"	106° 09' 04"	C-48-33-A-b; C-48-33-B-a
kênh Tỉnh Ấp 5-6	TV	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ			10° 57' 03"	106° 10' 03"	10° 57' 50"	106° 10' 14"	C-48-33-A-b
Rạch Tràm	TV	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ			10° 57' 57"	106° 11' 06"	10° 58' 56"	106° 16' 14"	C-48-33-A-b; C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Mỹ Quý Đông	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 55' 59"	106° 12' 23"					C-48-33-A-b
Ấp 2	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 55' 13"	106° 12' 30"					C-48-33-A-b
Ấp 3	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	3	106° 09' 23"					C-48-33-A-b
Ấp 4	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 55' 51"	106° 10' 00"					C-48-33-A-b
Ấp 5	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 54' 58"	106° 09' 58"					C-48-33-A-b
Ấp 6	DC	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 54' 56"	106° 09' 12"					C-48-33-A-b
kênh Bà Vòm	TV	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ			10° 58' 34"	106° 16' 16"	10° 57' 23"	106° 09' 04"	C-48-33-A-b; C-48-33-B-a
kênh Rạch Cốc	TV	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ			10° 55' 51"	106° 17' 57"	10° 53' 40"	106° 09' 20"	C-48-33-A-b
chợ Tho Mo	KX	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ	10° 55' 50"	106° 09' 46"					C-48-33-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Tỉnh Ấp 3-4	TV	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ			10° 54' 52"	106° 10' 27"	10° 57' 03"	106° 10' 03"	C-48-33-A-b
kênh Tỉnh Ấp 5	TV	xã Mỹ Quý Tây	H. Đức Huệ			10° 53' 48"	106° 09' 59"	10° 54' 52"	106° 10' 27"	C-48-33-A-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 54' 57"	106° 17' 44"					C-48-33-B-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 54' 44"	106° 17' 10"	10° 54' 55"	106° 18' 02"	C-48-33-B-a
Ấp 2	DC	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 56' 10"	106° 17' 29"					C-48-33-B-a
Ấp 3	DC	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 57' 44"	106° 16' 58"					C-48-33-B-a
Ấp 4	DC	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 56' 57"	106° 15' 55"					C-48-33-B-a
Ấp 5	DC	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 56' 17"	106° 14' 44"					C-48-33-A-b
rạch Bà Mùi	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 55' 56"	106° 16' 07"	10° 56' 41"	106° 17' 03"	C-48-33-B-a
kênh Bà Mùi	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 56' 54"	106° 17' 27"	10° 56' 25"	106° 15' 29"	C-48-33-B-a
gò Giồng Nổi	SV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ	10° 55' 23"	106° 15' 02"					C-48-33-B-a
rạch Ô Cu	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 55' 01"	106° 17' 04"	10° 55' 05"	106° 18' 02"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Cốc	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 55' 51"	106° 17' 57"	10° 53' 40"	106° 09' 20"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Cối	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 54' 47"	106° 18' 02"	10° 52' 44"	106° 12' 08"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Cồn	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 55' 23"	106° 18' 02"	10° 54' 57"	106° 16' 15"	C-48-33-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 56' 16"	106° 17' 14"	10° 56' 18"	106° 17' 53"	C-48-33-B-a
rạch Sương Trắng	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 55' 31"	106° 17' 21"	10° 55' 33"	106° 18' 00"	C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a
rạch Xà Băng	TV	xã Mỹ Thạnh Bắc	H. Đức Huệ			10° 57' 11"	106° 16' 01"	10° 57' 20"	106° 16' 56"	C-48-33-B-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 52' 51"	106° 19' 45"					C-48-33-B-a
Ấp 2	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 53' 25"	106° 18' 34"					C-48-33-B-a
Ấp 3	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 53' 00"	106° 18' 01"					C-48-33-B-a
Ấp 4	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 52' 04"	106° 18' 10"					C-48-33-B-c
Ấp 5	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 52' 03"	106° 17' 05"					C-48-33-B-c
Ấp 6	DC	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ	10° 53' 26"	106° 16' 44"					C-48-33-B-a
Rạch Bọng	TV	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			10° 51' 48"	106° 18' 47"	10° 52' 08"	106° 20' 01"	C-48-33-B-c
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.N1	KX	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-c
kênh Rạch Cối	TV	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			10° 54' 47"	106° 18' 02"	10° 52' 44"	106° 12' 08"	C-48-33-B-a
kênh Rạch Gốc	TV	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			10° 54' 09"	106° 18' 53"	10° 51' 30"	106° 11' 48"	C-48-33-B-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Mỹ Thạnh Đông	H. Đức Huệ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-B-a; C-48-33-B-c
kênh Cầu Giồng Dinh	TV	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ			10° 51' 22"	106° 10' 53"	10° 52' 44"	106° 12' 08"	C-48-33-A-d
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ	10° 53' 34"	106° 14' 07"					C-48-33-A-b
kênh Rạch Cốc	TV	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ			10° 55' 51"	106° 17' 57"	10° 53' 40"	106° 09' 20"	C-48-33-A-b
kênh Rạch Cối	TV	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ			10° 54' 47"	106° 18' 02"	10° 52' 44"	106° 12' 08"	C-48-33-B-a; C-48-33-A-b; C-48-33-A-d
kênh Rạch Gốc	TV	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ			10° 54' 09"	106° 18' 53"	10° 51' 30"	106° 11' 48"	C-48-33-B-a; C-48-33-A-b; C-48-33-A-d
Ấp Vinh	DC	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ	10° 51' 39"	106° 11' 54"					C-48-33-A-d
Ấp Voi	DC	xã Mỹ Thạnh Tây	H. Đức Huệ	10° 53' 00"	106° 13' 24"					C-48-33-A-b
Ấp 1	DC	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa	10° 44' 11"	106° 01' 29"					C-48-33-C-a
Ấp 2	DC	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa	10° 43' 29"	106° 02' 18"					C-48-33-C-a
Ấp 3	DC	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa	10° 45' 16"	106° 03' 10"					C-48-33-A-c
Ấp 4	DC	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa	10° 46' 47"	106° 01' 15"					C-48-33-A-c
kênh 61	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-33-A-c
rạch Ấp 1	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 44' 54"	106° 01' 30"	10° 44' 04"	106° 01' 37"	C-48-33-C-a
kênh Ba Hồng Minh	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 43' 47"	106° 03' 13"	10° 45' 12"	106° 03' 39"	C-48-33-C-a
rạch Bến Buôn	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 47' 26"	106° 03' 21"	10° 44' 55"	106° 03' 12"	C-48-33-A-c; C-48-33-C-a
khu định cư Bến Tre	DC	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa	10° 46' 51"	106° 02' 27"					C-48-33-A-c
rạch Cả Chùa	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 45' 33"	106° 02' 32"	10° 45' 03"	106° 03' 09"	C-48-33-A-c
rạch Cả Dứa	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 44' 41"	106° 01' 00"	10° 44' 20"	106° 00' 36"	C-48-33-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Cả Dứa	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 44' 06"	106° 00' 38"	10° 48' 48"	106° 04' 11"	C-48-33-A-c; C-48-33-C-a
kênh Cải Tạo	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 45' 42"	105° 59' 03"	10° 46' 29"	106° 00' 10"	C-48-33-A-c
kênh Cây Khô Lớn	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 45' 37"	105° 58' 02"	10° 49' 30"	106° 02' 55"	C-48-33-A-c
kênh Cây Xoài	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 43' 35"	106° 02' 45"	10° 44' 29"	106° 02' 43"	C-48-33-C-a
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 47' 32"	105° 55' 55"	10° 44' 22"	106° 03' 05"	C-48-33-A-c; C-48-33-C-a
kênh Đường Bàng	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 44' 15"	105° 58' 31"	10° 49' 05"	106° 03' 39"	C-48-33-A-c
kênh Lò Gạch	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 45' 43"	106° 01' 25"	10° 45' 24"	106° 02' 24"	C-48-33-A-c
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-c
rạch Sình Môn	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 46' 04"	106° 01' 39"	10° 45' 24"	106° 03' 18"	C-48-33-A-c;
kênh T1	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 47' 41"	106° 00' 51"	10° 47' 01"	106° 01' 31"	C-48-33-A-c
kênh Thanh Niên 2	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 44' 49"	106° 03' 10"	10° 45' 32"	106° 01' 17"	C-48-33-C-a
kênh Trấp Trâu Rũ	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 47' 00"	106° 00' 03"	10° 48' 08"	106° 00' 25"	C-48-33-A-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Hòa Đông	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-a
kênh 61	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d
kênh Ba Xã	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 46' 47"	105° 56' 34"	10° 53' 30"	105° 58' 24"	C-48-32-B-d
ấp Bình Bắc	DC	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa	10° 50' 25"	106° 00' 42"					C-48-33-A-c
ấp Bình Tây 1	DC	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa	10° 47' 09"	105° 55' 50"					C-48-32-B-d
ấp Bình Tây 2	DC	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa	10° 47' 07"	105° 56' 46"					C-48-32-B-d
Rạch Bứa	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 40"	105° 56' 42"	10° 47' 32"	105° 56' 16"	C-48-32-B-d
kênh Cây Khô Nhỏ	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 46' 13"	105° 57' 12"	10° 50' 12"	106° 02' 04"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
rạch Cây Tràm	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 51' 45"	106° 00' 11"	10° 51' 14"	105° 59' 51"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
kênh Đoàn 2	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 48' 29"	105° 59' 59"	10° 48' 41"	105° 58' 51"	C-48-32-B-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 32"	105° 55' 55"	10° 44' 22"	106° 03' 05"	C-48-32-B-d
Rạch Gia	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 21"	105° 56' 37"	10° 47' 00"	105° 56' 08"	C-48-32-B-d
ấp Gò Vồ	DC	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa	10° 47' 36"	105° 56' 55"					C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Gốc	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 06"	105° 57' 29"	10° 46' 36"	105° 56' 50"	C-48-32-B-d
ấp Hòa Hiệp	DC	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa	10° 48' 41"	105° 59' 47"					C-48-32-B-d
rạch Ông Quyền	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 13"	105° 56' 54"	10° 46' 54"	105° 56' 37"	C-48-32-B-d
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-d
kênh Quốc Phòng	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 49' 24"	105° 57' 00"	10° 49' 47"	106° 00' 21"	C-48-32-B-d
kênh Ranh Ba Xã	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 50' 26"	105° 57' 11"	10° 50' 24"	106° 00' 08"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
Rạch Rồ	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 55' 06"	105° 56' 35"	10° 47' 01"	105° 55' 47"	C-48-32-B-d
kênh T1	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 48' 23"	105° 56' 49"	10° 48' 16"	105° 59' 42"	C-48-32-B-d
kênh T3	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 56"	105° 56' 45"	10° 47' 26"	105° 58' 41"	C-48-32-B-d
kênh T5	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 47' 06"	105° 57' 30"	10° 48' 49"	105° 57' 48"	C-48-32-B-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Hòa Tây	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
kênh 61	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d
kênh T1 - Xuyên Bình Nam	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 46' 07"	105° 58' 45"	10° 43' 16"	105° 59' 54"	C-48-32-B-d
ấp Bình Đông	DC	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa	10° 43' 15"	105° 59' 06"					C-48-32-D-b
ấp Bình Nam	DC	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa	10° 45' 40"	105° 58' 08"					C-48-32-B-d
ấp Bình Trung 1	DC	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa	10° 47' 08"	105° 58' 22"					C-48-32-B-d
ấp Bình Trung 2	DC	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa	10° 47' 49"	105° 59' 58"					C-48-32-B-d
kênh Cả Dứa	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 44' 06"	106° 00' 38"	10° 48' 48"	106° 04' 11"	C-48-33-C-a
kênh Cải Tạo	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 45' 42"	105° 59' 03"	10° 46' 29"	106° 00' 10"	C-48-32-B-d
kênh Cây Khô Lớn	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 45' 37"	105° 58' 02"	10° 49' 30"	106° 02' 55"	C-48-32-B-d
kênh Cây Khô Nhỏ	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 46' 13"	105° 57' 12"	10° 50' 12"	106° 02' 04"	C-48-32-B-d
kênh Đòn Dông	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 47' 32"	105° 55' 55"	10° 44' 22"	106° 03' 05"	C-48-32-B-d
kênh Đường Bàng	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 44' 15"	105° 58' 31"	10° 49' 05"	106° 03' 39"	C-48-32-B-d
ấp Hương Trang	DC	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa	10° 45' 33"	105° 59' 59"					C-48-32-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh N2	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 44' 30"	106° 00' 39"	10° 44' 32"	105° 59' 01"	C-48-32-D-b
rạch Ngã Bát	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 46' 00"	105° 58' 34"	10° 45' 59"	105° 58' 08"	C-48-32-B-d
rạch Ngã Bứa	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 46' 23"	105° 58' 05"	10° 45' 44"	105° 58' 08"	C-48-32-B-d
Đường QL.N1	KX	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-d
kênh T2	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 46' 55"	105° 58' 49"	10° 49' 19"	106° 01' 43"	C-48-32-B-d
kênh Trấp Trâu Rũ	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 47' 00"	106° 00' 03"	10° 48' 08"	106° 00' 25"	C-48-33-A-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Hòa Trung	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-d
Ấp 1	DC	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 43' 44"	106° 03' 27"					C-48-33-C-a
Ấp 2	DC	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 43' 34"	106° 03' 51"					C-48-33-C-a
Ấp 3	DC	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 43' 03"	106° 04' 05"					C-48-33-C-a
kênh 2-9	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 42' 50"	106° 05' 12"	10° 43' 14"	106° 09' 47"	C-48-33-C-a
kênh 90	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 48' 26"	106° 06' 55"	10° 45' 23"	106° 06' 12"	C-48-33-A-c
kênh Ba Hồng Minh	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 43' 47"	106° 03' 13"	10° 45' 12"	106° 03' 39"	C-48-33-A-c
kênh Bao Ngạn Bắc	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 09"	106° 04' 12"	10° 45' 38"	106° 06' 18"	C-48-33-A-c
kênh Bao Ngạn Nam	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 43' 48"	106° 03' 49"	10° 43' 19"	106° 06' 07"	C-48-33-C-a
kênh Bao Ngạn Tây	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 07"	106° 04' 21"	10° 43' 48"	106° 03' 49"	C-48-33-C-a
kênh Cả Gừa	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 12"	106° 03' 39"	10° 46' 03"	106° 04' 08"	C-48-33-A-c
kênh Huyện Ủy	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 43' 43"	106° 03' 13"	10° 42' 21"	106° 02' 42"	C-48-33-C-a
kênh KT1	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 27"	106° 04' 24"	10° 46' 10"	106° 05' 34"	C-48-33-A-c
kênh KT2	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 40"	106° 04' 32"	10° 46' 30"	106° 05' 39"	C-48-33-A-c
kênh KT3	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 02"	106° 04' 47"	10° 46' 48"	106° 05' 42"	C-48-33-A-c
kênh Lâm Trường 3	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 38"	106° 06' 18"	10° 45' 01"	106° 08' 46"	C-48-33-A-c
Kênh Năng	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 42' 54"	106° 06' 01"	10° 45' 33"	106° 06' 36"	C-48-33-A-c; C-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười	KX	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 44' 42"	106° 05' 00"					C-48-33-C-a
Đường QL.N1	KX	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-A-c
Kênh Ranh	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 42"	106° 04' 47"	10° 43' 40"	106° 04' 26"	C-48-33-A-c
kênh Rau Xanh	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 26"	106° 05' 58"	10° 43' 27"	106° 05' 33"	C-48-33-C-a; C-48-33-A-c
kênh Sao Mai	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 50"	106° 04' 17"	10° 45' 17"	106° 06' 33"	C-48-33-A-c
kênh Sậy Giăng	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 03"	106° 04' 08"	10° 47' 15"	106° 04' 55"	C-48-33-A-c
rạch Tà Kép	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 44' 15"	106° 03' 48"	10° 44' 20"	106° 03' 06"	C-48-33-C-a
kênh Tân Thiết	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 42' 53"	106° 04' 13"	10° 41' 28"	106° 00' 17"	C-48-33-C-a
Kênh Trục	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 42' 55"	106° 04' 52"	10° 43' 33"	106° 05' 00"	C-48-33-C-a
kênh Trục 1	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 33"	106° 05' 26"	10° 48' 25"	106° 06' 03"	C-48-33-A-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-a
rạch Xẻo Sắn	TV	xã Bình Phong Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 42' 19"	106° 03' 51"	10° 42' 57"	106° 04' 16"	C-48-33-C-a
kênh 61	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
kênh 90	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 48' 26"	106° 06' 55"	10° 45' 23"	106° 06' 12"	C-48-33-A-c
kênh Bảy Thước	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 48' 24"	106° 01' 40"	10° 49' 26"	106° 01' 08"	C-48-33-A-c
rạch Bến Buôn	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 24"	106° 03' 36"	10° 48' 30"	106° 05' 15"	C-48-33-A-c
rạch Bến Buôn	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 26"	106° 03' 21"	10° 44' 55"	106° 03' 12"	C-48-33-A-c; C-48-33-C-a
kênh Bến Tre 2	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 45"	106° 01' 30"	10° 46' 55"	106° 02' 27"	C-48-33-A-c
kênh Cả Dứa	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 44' 06"	106° 00' 38"	10° 48' 48"	106° 04' 11"	C-48-33-A-c
kênh Cây Khô Lớn	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 37"	105° 58' 02"	10° 49' 30"	106° 02' 55"	C-48-33-A-c
kênh Cây Khô Nhỏ	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 13"	105° 57' 12"	10° 50' 12"	106° 02' 04"	C-48-33-A-c
ấp Chuối Tây	DC	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 49' 24"	106° 01' 08"					C-48-33-A-c
kênh Đường Bàng	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 44' 15"	105° 58' 31"	10° 49' 05"	106° 03' 39"	C-48-33-A-c
ấp Gò Vồ Nhỏ	DC	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 47' 27"	106° 02' 53"					C-48-33-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Khu Dân Cư	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 18"	106° 02' 48"	10° 47' 30"	106° 02' 02"	C-48-33-A-c
kênh KT3	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 02"	106° 04' 47"	10° 46' 48"	106° 05' 42"	C-48-33-A-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 49' 48"	106° 01' 34"	10° 49' 14"	106° 02' 38"	C-48-33-A-c
ấp Mây Rắc	DC	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 47' 48"	106° 02' 17"					C-48-33-A-c
Đường QL.N1	KX	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-d; C-48-33-A-c
kênh Sáu Buôn	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 21"	106° 03' 56"	10° 46' 50"	106° 03' 37"	C-48-33-A-c
ấp Sậy Giăng	DC	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa	10° 47' 17"	106° 06' 00"					C-48-33-A-c
kênh Sậy Giăng	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 03"	106° 04' 08"	10° 47' 15"	106° 04' 55"	C-48-33-A-c
kênh Sậy Giăng Kéo Dài	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 16"	106° 04' 53"	10° 48' 14"	106° 05' 38"	C-48-33-A-c
kênh T1	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 41"	106° 00' 51"	10° 47' 01"	106° 01' 31"	C-48-33-A-c
kênh T2	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 46' 55"	105° 58' 49"	10° 49' 19"	106° 01' 43"	C-48-33-A-c
kênh T4	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 48"	106° 03' 16"	10° 47' 41"	106° 03' 59"	C-48-33-A-c
kênh Trấp Tre	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 09"	106° 06' 19"	10° 48' 25"	106° 06' 34"	C-48-33-A-c
kênh Trục 1	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 45' 33"	106° 05' 26"	10° 48' 25"	106° 06' 03"	C-48-33-A-c
kênh Trung tâm	TV	xã Bình Thạnh	H. Mộc Hóa			10° 47' 09"	106° 11' 09"	10° 48' 25"	106° 05' 46"	C-48-33-A-c
Ấp 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 43' 35"	105° 58' 25"					C-48-32-D-b
Ấp 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 44' 16"	105° 58' 05"					C-48-32-D-b
Ấp 3	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 43' 25"	105° 58' 41"					C-48-32-D-b
Kênh 3	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 00"	105° 56' 37"	10° 40' 11"	105° 58' 40"	C-48-32-D-b
Ấp 4	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 43' 11"	105° 58' 50"					C-48-32-D-b
Kênh 4	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 40' 52"	105° 57' 39"	10° 40' 25"	105° 58' 44"	C-48-32-D-b
Ấp 5	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 42' 22"	105° 59' 37"					C-48-32-D-b
Kênh 5	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 08"	105° 57' 43"	10° 40' 47"	105° 58' 51"	C-48-32-D-b
Kênh 5	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 03"	105° 56' 29"	10° 41' 06"	105° 55' 57"	C-48-32-D-b
Ấp 6	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 41' 30"	106° 00' 11"					C-48-33-C-a
Ấp 7	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 40' 50"	106° 00' 34"					C-48-33-C-a
kênh 12	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu 79	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 41' 28"	106° 00' 14"					C-48-33-C-a
kênh 79	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
kênh 89	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 16"	105° 56' 03"	10° 39' 35"	105° 55' 23"	C-48-32-D-b
kênh 91	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 44"	105° 58' 32"	10° 39' 13"	105° 59' 10"	C-48-32-D-b
kênh 2000	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 36"	105° 59' 18"	10° 40' 04"	105° 59' 16"	C-48-32-D-b
rạch Bắc Đi	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 31"	105° 59' 27"	10° 41' 39"	105° 59' 03"	C-48-32-D-b
kênh Bùi Cũ	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 19"	105° 55' 49"	10° 35' 03"	105° 53' 13"	C-48-32-D-b
kênh Cả Gừa	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-D-b
thánh thất Cao Đài	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 43' 07"	105° 58' 55"					C-48-32-D-b
kênh Cửa Đông 1	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 46' 27"	105° 56' 28"	10° 43' 41"	105° 56' 29"	C-48-32-D-b
kênh Đạo	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 52"	105° 57' 55"	10° 36' 01"	105° 55' 41"	C-48-32-D-b
kênh Đồng Bàng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 43' 34"	105° 57' 05"	10° 42' 09"	105° 56' 37"	C-48-32-D-b
Khu du lịch sinh thái Làng nổi Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 42' 41"	105° 58' 55"					C-48-32-D-b
kênh Lộ Liên Ấp 1367	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 54"	105° 57' 48"	10° 43' 36"	105° 58' 24"	C-48-32-D-b
kênh Ngã Bát	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 03"	105° 57' 03"	10° 43' 04"	105° 57' 29"	C-48-32-D-b
kênh Ngã Cại	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 39' 13"	105° 59' 10"	10° 41' 32"	105° 59' 40"	C-48-32-D-b
kênh Ngã Cại	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 09"	105° 57' 46"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-D-b
Kênh Ốp	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 43' 35"	105° 57' 00"	10° 44' 12"	105° 57' 14"	C-48-32-D-b
Kênh Ốp	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 43' 30"	105° 57' 27"	10° 46' 53"	105° 51' 02"	C-48-32-D-b
Đường QL.62	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
cầu Quãng Cụt	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 44' 40"	105° 57' 56"					C-48-32-D-b
kênh Quãng Cụt	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 44' 40"	105° 57' 56"	10° 44' 39"	105° 55' 27"	C-48-32-D-b
cầu Quãng Dài	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 43' 43"	105° 58' 22"					C-48-32-D-b
rạch Quảng Dài	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 43' 19"	105° 57' 49"	10° 43' 43"	105° 58' 24"	C-48-32-D-b
Rạch Rừng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 42' 27"	105° 58' 58"	10° 42' 57"	105° 59' 13"	C-48-32-D-b
cầu Song Sắt	KX	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa	10° 42' 19"	105° 59' 41"					C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Song Sắt	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 33"	105° 59' 41"	10° 43' 09"	105° 59' 51"	C-48-32-D-b
kênh Thanh Niên	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 43' 40"	105° 56' 29"	10° 42' 16"	105° 56' 03"	C-48-32-D-b
kênh Trấp Tranh	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 58"	105° 56' 27"	10° 41' 02"	105° 56' 26"	C-48-32-D-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-D-b
kênh Việt Kiều	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 32"	105° 59' 43"	10° 40' 55"	105° 59' 53"	C-48-32-D-b
kênh Xẻo Dừng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 44' 40"	105° 57' 55"	10° 44' 01"	105° 56' 53"	C-48-32-D-b
kênh Xẻo Nhút	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Hóa			10° 41' 45"	105° 58' 28"	10° 43' 20"	105° 58' 37"	C-48-32-D-b
kênh 12	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
kênh 79	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-33-C-a
rạch Bắc Bỏ	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 40' 21"	106° 01' 51"	10° 40' 52"	106° 04' 20"	C-48-33-C-a
ấp Cả Đá	DC	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa	10° 43' 26"	106° 02' 38"					C-48-33-C-a
ấp Cả Nổ	DC	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa	10° 44' 03"	106° 01' 27"					C-48-33-C-a
rạch Cả Nổ	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 42' 38"	106° 01' 46"	10° 43' 27"	106° 02' 13"	C-48-33-C-a
kênh Huyện ủy	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 43' 43"	106° 03' 13"	10° 42' 21"	106° 02' 42"	C-48-33-C-a
ấp Kênh 12	DC	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa	10° 40' 51"	106° 00' 38"					C-48-33-C-a
ấp Mương Khai	DC	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa	10° 43' 20"	106° 00' 04"					C-48-33-C-a
kênh Mương Khai	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 43' 27"	106° 00' 11"	10° 42' 24"	106° 00' 34"	C-48-33-C-a
rạch Ngọn Bắc Giữa	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 40' 16"	106° 01' 54"	10° 40' 58"	106° 03' 17"	C-48-33-C-a
rạch Song Sắt	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 41' 33"	105° 59' 41"	10° 43' 09"	105° 59' 51"	C-48-32-D-b
kênh T1	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 42' 06"	105° 59' 55"	10° 43' 03"	106° 01' 54"	C-48-33-C-a; C-48-32-D-b
kênh T6	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 43' 45"	106° 00' 25"	10° 39' 42"	106° 02' 23"	C-48-33-C-a
kênh T8	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 44' 02"	106° 00' 40"	10° 42' 06"	106° 02' 01"	C-48-33-C-a
ấp Tân Thiết	DC	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa	10° 41' 51"	106° 01' 16"					C-48-33-C-a
kênh Tân Thiết	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 42' 53"	106° 04' 13"	10° 41' 28"	106° 00' 17"	C-48-33-C-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
kênh Xáng Bò Cạp	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 38' 43"	106° 05' 16"	10° 39' 32"	106° 01' 22"	C-48-33-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Xáng Cụt	TV	xã Tân Thành	H. Mộc Hóa			10° 39' 32"	106° 01' 21"	10° 39' 42"	106° 02' 23"	C-48-33-C-a
kênh 79	TV	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-d
kênh Bàu Chứa	TV	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng			10° 50' 35"	105° 40' 55"	10° 50' 18"	105° 40' 17"	C-48-32-A-d
đường tỉnh 831	KX	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-A-d
khu phố Gò Thuyền	DC	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng	10° 50' 02"	105° 40' 02"					C-48-32-A-d
khu phố Gò Thuyền A	DC	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng	10° 50' 12"	105° 39' 41"					C-48-32-A-d
cầu Huyện Đội	KX	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng	10° 50' 16"	105° 39' 56"					C-48-32-A-d
khu phố Rọc Chanh	DC	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng	10° 50' 20"	105° 39' 19"					C-48-32-A-d
khu phố Rọc Chanh A	DC	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng	10° 49' 50"	105° 39' 15"					C-48-32-A-d
kênh Trung Ương	TV	TT. Tân Hưng	H. Tân Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 21"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-d
kênh 79	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-a
ấp Ba Gò	DC	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng	10° 54' 45"	105° 33' 38"					C-48-32-A-a
kênh Cái Bát	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-a
kênh Cái Cỏ	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 57' 15"	105° 29' 50"	11° 02' 00"	105° 46' 35"	C-48-31-B-b; C-48-32-A-a;
ấp Cây Me	DC	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng	10° 55' 54"	105° 33' 39"					C-48-32-A-a
rạch Cây Me	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 57' 47"	105° 33' 59"	10° 54' 28"	105° 34' 14"	C-48-32-A-a
ấp Gò Chuối	DC	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng	10° 56' 34"	105° 32' 52"					C-48-32-A-a
Đường QL.N1	KX	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-a
ngọn Rọ Đôi	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 56' 59"	105° 32' 25"	10° 57' 21"	105° 32' 29"	C-48-32-A-a
rạch Ruột Gà	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 57' 06"	105° 31' 20"	10° 56' 22"	105° 31' 02"	C-48-32-A-a
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-a
sông Thông Bình	TV	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng			10° 55' 27"	105° 30' 45"	10° 55' 38"	105° 30' 43"	C-48-32-A-a
ấp Tre 1	DC	xã Hưng Điền	H. Tân Hưng	10° 54' 55"	105° 33' 06"					C-48-32-A-a
kênh 79	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-a
ấp Bưng Ràm	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 57' 58"	105° 35' 20"					C-48-32-A-a
kênh Cái Bát	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-a
kênh Cái Cỏ	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 57' 15"	105° 29' 50"	11° 02' 00"	105° 46' 35"	C-48-32-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Cây Me	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 57' 47"	105° 33' 59"	10° 54' 28"	105° 34' 14"	C-48-32-A-a
Gò Chùa	SV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 57' 21"	105° 34' 30"					C-48-32-A-a
kênh Đìa Việt	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 50' 04"	105° 37' 31"	10° 54' 16"	105° 34' 45"	C-48-32-A-a
ấp Gò Pháo	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 56' 00"	105° 35' 07"					C-48-32-A-a
ấp Hưng Thuận	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 54' 37"	105° 37' 02"					C-48-32-A-a
Di tích lịch sử văn hóa Kênh Nguyễn Văn Trỗi	KX	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 54' 10"	105° 37' 18"					C-48-32-A-a
ấp Kinh Cũ	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 53' 30"	105° 35' 28"					C-48-32-A-a
ấp Kinh Mới	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 54' 26"	105° 35' 18"					C-48-32-A-a
ấp Ngã Tư	DC	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng	10° 54' 05"	105° 35' 41"					C-48-32-A-a
kênh Ngọn Sông Trăng	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 58' 08"	105° 37' 02"	10° 54' 51"	105° 37' 34"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Nguyễn Văn Trỗi	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 54' 38"	105° 36' 57"	10° 53' 20"	105° 37' 05"	C-48-32-A-a
Đường QL.N1	KX	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Sông Trăng	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 51' 56"	105° 43' 37"	10° 58' 29"	105° 36' 40"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5B	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 55' 46"	105° 43' 04"	10° 53' 44"	105° 36' 05"	C-48-32-A-a
kênh T9	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 57' 31"	105° 41' 06"	10° 54' 54"	105° 34' 43"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Hưng Điền B	H. Tân Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-a
kênh Cái Bát	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-a
kênh Cái Cỏ	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 57' 15"	105° 29' 50"	11° 02' 00"	105° 46' 35"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Hà Hưng	DC	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 56' 55"	105° 38' 22"					C-48-32-A-b +20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Hà Long	DC	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 55' 40"	105° 39' 41"					C-48-32-A-b+20-C-d
ấp Hà Tân	DC	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 56' 09"	105° 39' 07"					C-48-32-A-b+20-C-d
ấp Hà Thanh	DC	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 55' 06"	105° 40' 19"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Ngọn Sông Trăng	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 58' 08"	105° 37' 02"	10° 54' 51"	105° 37' 34"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-
kênh Nguyễn Văn Trỗi	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 54' 38"	105° 36' 57"	10° 53' 20"	105° 37' 05"	C-48-32-A-a
quốc lộ N1	KX	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-
ấp Sông Trăng	DC	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 57' 38"	105° 37' 40"					C-48-32-A-
Đồn biên phòng Sông Trăng	KX	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng	10° 58' 01"	105° 37' 14"					C-48-32-A-a
kênh Sông Trăng	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 51' 56"	105° 43' 37"	10° 58' 29"	105° 36' 40"	C-48-32-A-a;
kênh T11	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 58' 15"	105° 40' 17"	10° 56' 58"	105° 37' 20"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 53' 09"	105° 36' 40"	10° 55' 24"	105° 43' 38"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5B	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 55' 46"	105° 43' 04"	10° 53' 44"	105° 36' 05"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-b+20-C-d
kênh T9	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 57' 31"	105° 41' 06"	10° 54' 54"	105° 34' 43"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Hưng Hà	H. Tân Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh 79	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-d;

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Cái Bát	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-d; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Cao Hồng Sơn	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 05"	105° 37' 45"	10° 50' 49"	105° 37' 56"	C-48-32-A-d
kênh Đìa Việt	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 04"	105° 37' 31"	10° 54' 16"	105° 34' 45"	C-48-32-A-c
ấp Gò Gòn	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 51' 18"	105° 37' 48"					C-48-32-A-d
Di tích lịch sử văn hóa Gò Gòn	KX	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 50' 49"	105° 37' 58"					C-48-32-A-d
kênh Gò Hang Sấu	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 36"	105° 40' 54"	10° 51' 55"	105° 39' 13"	C-48-32-A-d
ấp Hưng Tân	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 51' 29"	105° 36' 11"					C-48-32-A-c
ấp Hưng Thành	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 51' 42"	105° 38' 11"					C-48-32-A-d
ấp Hưng Thuận	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 52' 58"	105° 36' 27"					C-48-32-A-a
ấp Hưng Trung	DC	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng	10° 50' 11"	105° 37' 29"					C-48-32-A-c
kênh T1	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 53' 03"	105° 42' 26"	10° 51' 36"	105° 38' 18"	C-48-32-A-d
kênh T3	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 52' 11"	105° 37' 42"	10° 54' 47"	105° 44' 35"	C-48-32-A-d; C-48-32-A-b+20-C-d
kênh T35	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 52' 28"	105° 39' 17"	10° 51' 23"	105° 35' 57"	C-48-32-A-d
kênh T5	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 53' 09"	105° 36' 40"	10° 55' 24"	105° 43' 38"	C-48-32-A-d; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Trung Ương	TV	xã Hưng Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 21"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-c; C-48-32-A-d
Ấp 1	DC	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng	10° 52' 25"	105° 43' 18"					C-48-32-A-d
Ấp 2	DC	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng	10° 53' 12"	105° 37' 36"					C-48-32-A-b +20-C-d
Ấp 3	DC	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng	10° 52' 35"	105° 39' 10"					C-48-32-A-b+20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 4	DC	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng	10° 53' 28"	105° 41' 59"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Cả Kéo	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 51' 57"	105° 44' 14"	10° 54' 09"	105° 43' 17"	C-48-32-A-d; C-48-32-A-b +20-C-d
rạch Cả Sậy	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 52' 21"	105° 43' 11"	10° 50' 18"	105° 40' 51"	C-48-32-A-d
kênh Cái Bát	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-a; C-48-32-A-d; C-48-32-A-b+20-C-d
kênh Ngọn Cần Câu	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 51' 31"	105° 41' 48"	10° 53' 27"	105° 41' 20"	C-48-32-A-d; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Sông Trăng	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 51' 56"	105° 43' 37"	10° 58' 29"	105° 36' 40"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T1	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 53' 03"	105° 42' 26"	10° 51' 36"	105° 38' 18"	C-48-32-A-d; C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T3	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 52' 11"	105° 37' 42"	10° 54' 47"	105° 44' 35"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T3B	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 53' 55"	105° 41' 33"	10° 55' 02"	105° 44' 12"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 53' 09"	105° 36' 40"	10° 55' 24"	105° 43' 38"	C-48-32-A-b +20-C-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thạnh Hưng	H. Tân Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-32-B-c
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng	10° 39' 49"	105° 46' 49"					C-48-32-D-a
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng	10° 40' 36"	105° 47' 01"					C-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh 63	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 43' 40"	105° 48' 57"	10° 39' 17"	105° 48' 26"	C-48-32-D-a
kênh 6 Bô	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 43' 25"	105° 47' 22"	10° 43' 38"	105° 45' 26"	C-48-32-D-a
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-a
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-a
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 47' 49"	105° 47' 03"	10° 39' 34"	105° 46' 52"	C-48-32-D-a
kênh Phước Xuyên	TV	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng			10° 39' 35"	105° 46' 45"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-D-a
ấp Vàm Gừa	DC	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng	10° 42' 29"	105° 47' 14"					C-48-32-D-a
ấp Võ Văn Be	DC	xã Vĩnh Bửu	H. Tân Hưng	10° 42' 41"	105° 47' 18"					C-48-32-D-a
Kênh 1	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 44' 40"	105° 41' 19"	10° 45' 25"	105° 42' 04"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
ấp 1-5	DC	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 42' 58"	105° 43' 12"					C-48-32-C-b
kênh 1-5	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 46' 55"	105° 45' 30"	10° 42' 57"	105° 43' 09"	C-48-32-C-b
Kênh 2	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 44' 29"	105° 41' 30"	10° 45' 14"	105° 42' 16"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
Kênh 3	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 44' 16"	105° 41' 44"	10° 45' 02"	105° 42' 29"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
Kênh 4	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 44' 07"	105° 41' 54"	10° 44' 57"	105° 42' 34"	C-48-32-C-b
Kênh 5	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 43' 56"	105° 42' 05"	10° 44' 41"	105° 42' 51"	C-48-32-C-b
Kênh 6	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 43' 44"	105° 42' 18"	10° 44' 29"	105° 43' 04"	C-48-32-C-b
Kênh 7	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 43' 31"	105° 42' 32"	10° 44' 17"	105° 43' 18"	C-48-32-C-b
Kênh 8	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 43' 20"	105° 42' 44"	10° 44' 06"	105° 43' 30"	C-48-32-C-b
kênh 79	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
kênh 2 Hinh	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 42' 32"	105° 43' 35"	10° 43' 29"	105° 44' 09"	C-48-32-C-b
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 45' 04"	105° 44' 25"	10° 44' 11"	105° 45' 24"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b; C-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Cả Nga	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 44' 55"	105° 41' 03"	10° 48' 26"	105° 44' 05"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
Khu bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen	KX	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 46' 44"	105° 42' 14"					C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 1	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 47' 28"	105° 42' 03"	10° 45' 35"	105° 44' 03"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 2	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 46' 45"	105° 43' 48"	10° 44' 59"	105° 42' 33"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 3	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 45' 01"	105° 43' 41"	10° 47' 27"	105° 41' 05"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 4	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 46' 38"	105° 41' 22"	10° 44' 42"	105° 43' 28"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
kênh Lâm Trường A	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 46' 13"	105° 44' 29"	10° 44' 20"	105° 43' 14"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
Trấp Miễu	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 46' 33"	105° 40' 49"	10° 45' 44"	105° 40' 57"	C-48-32-A-d
kênh Nông Nghiệp 1	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 48' 00"	105° 42' 14"	10° 46' 33"	105° 40' 49"	C-48-32-A-d
kênh Nông Nghiệp 2	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 47' 52"	105° 42' 23"	10° 46' 18"	105° 41' 05"	C-48-32-A-d
kênh Phước Xuyên	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 39' 35"	105° 46' 45"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b; C-48-32-D-a
ấp Rọc Năng	DC	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 45' 10"	105° 40' 48"					C-48-32-A-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 49' 59"	105° 36' 49"	10° 42' 08"	105° 45' 00"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b
kênh T2	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 50' 02"	105° 37' 22"	10° 42' 27"	105° 45' 16"	C-48-32-A-d; C-48-32-C-b; C-48-32-D-a
kênh Tập Đoàn 1	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 45' 07"	105° 40' 49"	10° 45' 55"	105° 41' 32"	C-48-32-A-d
kênh Tư Xiếu	TV	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng			10° 42' 43"	105° 43' 23"	10° 43' 40"	105° 43' 57"	C-48-32-C-b
ấp Vĩnh Nguyên	DC	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 43' 19"	105° 42' 47"					C-48-32-C-b
ấp Vườn Chuối	DC	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 42' 15"	105° 43' 56"					C-48-32-C-b
ấp Xóm Mới	DC	xã Vĩnh Châu A	H. Tân Hưng	10° 41' 02"	105° 45' 14"					C-48-32-D-a
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng	10° 49' 10"	105° 36' 40"					C-48-32-A-c
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng	10° 47' 50"	105° 37' 56"					C-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng	10° 47' 05"	105° 38' 47"					C-48-32-A-d
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng	10° 49' 57"	105° 37' 18"					C-48-32-A-c
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng	10° 50' 04"	105° 38' 28"					C-48-32-A-d
kênh 61	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 48' 07"	105° 40' 39"	10° 48' 57"	105° 39' 20"	C-48-32-A-d
kênh Cả Môn	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 50' 17"	105° 44' 23"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-d
kênh Cải Tạo	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 48' 01"	105° 40' 30"	10° 47' 37"	105° 40' 55"	C-48-32-A-d
Đường ĐT.831	KX	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-A-c
kênh Gò Thiềng	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 49' 37"	105° 40' 15"	10° 47' 53"	105° 37' 51"	C-48-32-A-d
kênh Phước Xuyên	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 39' 35"	105° 46' 45"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-c; C-48-32-A-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 49' 59"	105° 36' 49"	10° 42' 08"	105° 45' 00"	C-48-32-A-c; C-48-32-A-d
kênh T2	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 50' 02"	105° 37' 22"	10° 42' 27"	105° 45' 16"	C-48-32-A-c; C-48-32-A-d
kênh Tập Đoàn 8	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 49' 03"	105° 40' 54"	10° 48' 14"	105° 39' 03"	C-48-32-A-d
kênh Trung Ương	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 21"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-c; C-48-32-A-d
kênh Vòng Nguyệt	TV	xã Vĩnh Châu B	H. Tân Hưng			10° 49' 59"	105° 37' 51"	10° 48' 53"	105° 38' 57"	C-48-32-A-d
kênh 62	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 43' 58"	105° 47' 25"	10° 44' 03"	105° 48' 50"	C-48-32-D-a
kênh 63	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 43' 40"	105° 48' 57"	10° 39' 17"	105° 48' 26"	C-48-32-D-a
kênh 79	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh 89	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 45' 27"	105° 48' 16"	10° 45' 52"	105° 49' 13"	C-48-32-D-a
kênh Sáu Bô	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 43' 25"	105° 47' 22"	10° 43' 38"	105° 45' 26"	C-48-32-D-a
rạch Cả Cạy	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 46' 51"	105° 47' 45"	10° 46' 52"	105° 47' 15"	C-48-32-B-c
ấp Cà Dâm	DC	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng	10° 44' 56"	105° 46' 11"					C-48-32-D-a
kênh Cả Gừa	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-c
kênh Cá He	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 48' 15"	105° 47' 08"	10° 47' 26"	105° 46' 17"	C-48-32-B-c
ấp Cả Sậy	DC	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng	10° 47' 27"	105° 47' 22"					C-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Đòn Dông - Đồng Vàng	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 47' 23"	105° 47' 27"	10° 44' 03"	105° 48' 34"	C-48-32-D-a
ấp Láng Sen	DC	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng	10° 46' 27"	105° 47' 13"					C-48-32-B-c
Kênh Ngang	TV	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng			10° 47' 49"	105° 47' 03"	10° 39' 34"	105° 46' 52"	C-48-32-D-a
ấp Vĩnh Ân	DC	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng	10° 44' 01"	105° 48' 13"					C-48-32-D-a
ấp Vĩnh Bửu	DC	xã Vĩnh Đại	H. Tân Hưng	10° 43' 37"	105° 47' 22"					C-48-32-D-a
kênh 79	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
kênh 1-5	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 46' 55"	105° 45' 30"	10° 42' 57"	105° 43' 09"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
ấp Cả Cát	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 48' 52"	105° 45' 21"					C-48-32-B-c
kênh Cá He	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 15"	105° 47' 08"	10° 47' 26"	105° 46' 17"	C-48-32-B-c
rạch Cả He	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 47' 40"	105° 46' 46"	10° 48' 15"	105° 47' 08"	C-48-32-B-c
ấp Cà Na	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 49' 24"	105° 46' 12"					C-48-32-B-c
ấp Cả Nga	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 49' 52"	105° 44' 31"					C-48-32-A-d
kênh Cả Nga	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 44' 55"	105° 41' 03"	10° 48' 26"	105° 44' 05"	C-48-32-A-d
ấp Cà Nổ	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 48' 05"	105° 42' 09"					C-48-32-A-d
kênh Cả Nổ	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 14"	105° 46' 36"	10° 45' 23"	105° 45' 34"	C-48-32-B-c
ấp Cả Sách	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 47' 23"	105° 45' 41"					C-48-32-B-c
kênh Cả Sách	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 46' 55"	105° 45' 30"	10° 48' 15"	105° 47' 08"	C-48-32-B-c
rạch Cái Sách	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 49' 04"	105° 45' 09"	10° 49' 41"	105° 44' 57"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
Khu bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 46' 44"	105° 42' 14"					C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 1	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 46' 12"	105° 44' 32"	10° 48' 35"	105° 42' 23"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 2	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 46' 57"	105° 44' 54"	10° 48' 48"	105° 42' 40"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 3	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 47' 28"	105° 42' 03"	10° 45' 35"	105° 44' 03"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường 4	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 14"	105° 41' 56"	10° 49' 08"	105° 43' 08"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường A	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 16"	105° 41' 51"	10° 47' 47"	105° 41' 09"	C-48-32-A-d
rạch Ngọn Lúa Ma	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 42"	105° 44' 02"	10° 49' 57"	105° 44' 33"	C-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Nông Nghiệp 1	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 00"	105° 42' 14"	10° 46' 33"	105° 40' 49"	C-48-32-A-d
kênh Nông Nghiệp 2	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 47' 52"	105° 42' 23"	10° 46' 18"	105° 41' 05"	C-48-32-A-d
Kênh Thầu	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 48' 18"	105° 45' 59"	10° 48' 11"	105° 44' 02"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
lâm trường Vĩnh Lợi	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Tân Hưng	10° 47' 18"	105° 43' 09"					C-48-32-A-d
kênh 61	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 48' 07"	105° 40' 39"	10° 48' 57"	105° 39' 20"	C-48-32-A-d
kênh 79	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-A-d
kênh Bàu Chứa	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 35"	105° 40' 55"	10° 50' 18"	105° 40' 17"	C-48-32-A-d
ấp Cả Bát	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 51' 23"	105° 41' 45"					C-48-32-A-d
kênh Cả Môn	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 17"	105° 44' 23"	10° 47' 02"	105° 38' 46"	C-48-32-A-d
rạch Cả Sậy	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 52' 21"	105° 43' 11"	10° 50' 18"	105° 40' 51"	C-48-32-A-d
kênh Cái Bát	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 51' 50"	105° 44' 20"	10° 57' 00"	105° 30' 12"	C-48-32-A-d
ấp Cái Môn	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 49' 53"	105° 43' 48"					C-48-32-A-d
cầu Cái Môn	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 50' 08"	105° 44' 09"					C-48-32-A-d
ấp Cái Tràm	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 50' 15"	105° 43' 09"					C-48-32-A-d
kênh Đìa Ngái 2	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 49' 30"	105° 42' 30"	10° 49' 08"	105° 41' 51"	C-48-32-A-d
Đường ĐT.831	KX	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-A-d
ấp Đường Xe	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 51' 55"	105° 43' 56"					C-48-32-A-d
kênh Gò Hang Sấu	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 36"	105° 40' 54"	10° 51' 55"	105° 39' 13"	C-48-32-A-d
kênh Gò Thiềng	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 49' 37"	105° 40' 15"	10° 47' 53"	105° 37' 51"	C-48-32-A-d
ấp Gò Thuyền	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 49' 36"	105° 40' 14"					C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 48' 14"	105° 41' 56"	10° 49' 08"	105° 43' 08"	C-48-32-A-d
kênh Lâm Trường A	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 48' 16"	105° 41' 51"	10° 47' 47"	105° 41' 09"	C-48-32-A-d
kênh Rọc Bắt Heo	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 18"	105° 42' 57"	10° 49' 30"	105° 43' 03"	C-48-32-A-d
ấp Rượng Lưới	DC	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng	10° 50' 22"	105° 44' 15"					C-48-32-A-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 53' 03"	105° 42' 26"	10° 51' 36"	105° 38' 18"	C-48-32-A-d
kênh Tập Đoàn 1B	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 49' 08"	105° 41' 05"	10° 49' 45"	105° 42' 23"	C-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Tập Đoàn 8	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 49' 03"	105° 40' 54"	10° 48' 14"	105° 39' 03"	C-48-32-A-d
kênh Tập Đoàn 9	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 17"	105° 40' 47"	10° 49' 00"	105° 40' 59"	C-48-32-A-d
kênh Tập Đoàn 10	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 20"	105° 43' 04"	10° 51' 17"	105° 42' 46"	C-48-32-A-d
kênh Tập Đoàn 12	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 19"	105° 41' 56"	10° 51' 19"	105° 42' 09"	C-48-32-A-d
kênh Tiền Giang	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 13"	105° 42' 16"	10° 49' 42"	105° 41' 51"	C-48-32-A-d
kênh Trung Ương	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 21"	10° 49' 54"	105° 35' 40"	C-48-32-A-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Vĩnh Thạnh	H. Tân Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-A-d
Khu phố 1	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 36' 17"	106° 02' 41"					C-48-33-C-c
Khu phố 2	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 36' 37"	106° 02' 54"					C-48-33-C-c
Khu phố 3	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 36' 38"	106° 02' 44"					C-48-33-C-c
Khu phố 4	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 36' 37"	106° 02' 24"					C-48-33-C-c
Khu phố 5	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 36' 30"	106° 02' 56"					C-48-33-C-c
Khu phố 6	DC	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh	10° 37' 30"	106° 02' 26"					C-48-33-C-a
kênh 12	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
kênh 1000 Bắc	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 37' 07"	106° 02' 39"	10° 38' 04"	106° 05' 06"	C-48-33-C-c
kênh 1000 Nam	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-33-C-c
kênh Bắc Đông Cũ	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 34' 53"	106° 11' 45"	10° 36' 34"	106° 02' 55"	C-48-33-C-c
kênh Cà Nhíp	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 36' 39"	106° 02' 21"	10° 32' 00"	105° 59' 58"	C-48-33-C-c
rạch Đá Biên	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 37' 17"	106° 02' 35"	10° 41' 24"	106° 04' 44"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
Đường ĐT.29	KX	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	106° 02' 53"	10° 31' 30"	106° 04' 54"	C-48-33-C-c
Đường ĐT.837	KX	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-33-C-c
kênh Dương Văn Dương	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-33-C-c
kênh Hai Vụ - 2000 Bắc	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 40' 44"	106° 10' 42"	10° 37' 40"	106° 02' 23"	C-48-33-C-a
kênh Hiệp Thành Mới	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 35' 54"	106° 03' 07"	10° 36' 01"	106° 02' 02"	C-48-33-C-c
Đường QL.62	KX	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
kênh Xẻo Điền	TV	TT. Tân Thạnh	H. Tân Thạnh			10° 36' 40"	106° 02' 22"	10° 39' 04"	106° 00' 55"	C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh 79	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-32-D-b
kênh 2000 Bắc-1	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 40' 04"	105° 50' 31"	10° 38' 51"	105° 56' 31"	C-48-32-D-b
kênh Bảy Lợp	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 40' 26"	105° 53' 44"	10° 40' 44"	105° 51' 54"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-b
kênh Bùi Cũ	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 42' 19"	105° 55' 49"	10° 35' 03"	105° 53' 13"	C-48-32-D-b
kênh Cả Gừa	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-D-b
Kênh Cò	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 38' 38"	105° 51' 54"	10° 40' 09"	105° 52' 15"	C-48-32-D-a
kênh Cò Nhỏ mới 95	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 42' 50"	105° 53' 20"	10° 40' 41"	105° 52' 40"	C-48-32-D-b
Kênh Hậu	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 40' 25"	105° 53' 50"	10° 42' 31"	105° 54' 55"	C-48-32-D-b
kênh Hậu Bảy Thước	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 39' 34"	105° 55' 57"	10° 40' 30"	105° 50' 41"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
ấp Hòa Hưng	DC	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh	10° 40' 05"	105° 52' 47"					C-48-32-D-b
ấp Hòa Tân	DC	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh	10° 41' 38"	105° 54' 31"					C-48-32-D-b
ấp Nhơn Hòa	DC	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh	10° 39' 55"	105° 53' 44"					C-48-32-D-b
kênh Nội Đồng 4	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 39' 26"	105° 53' 49"	10° 39' 51"	105° 53' 55"	C-48-32-D-b
kênh Ông Cha	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 40' 26"	105° 53' 44"	10° 40' 05"	105° 56' 20"	C-48-32-D-b
Kênh Quận	TV	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-D-b
ấp Thận Cần	DC	xã Bắc Hòa	H. Tân Thạnh	10° 42' 59"	105° 55' 09"					C-48-32-D-b
kênh 300	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 38' 14"	105° 52' 51"	10° 38' 19"	105° 52' 31"	C-48-32-D-b
kênh 500	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 38' 08"	105° 52' 50"	10° 38' 04"	105° 53' 16"	C-48-32-D-b
kênh 2500	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 37' 02"	105° 52' 35"	10° 37' 04"	105° 51' 34"	C-48-32-D-c; C-48-32-D-d
kênh 6000	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 35' 05"	105° 58' 47"	10° 35' 49"	105° 52' 20"	C-48-32-D-c; C-48-32-D-d
kênh 1000 Bắc	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 39' 52"	105° 48' 34"	10° 38' 22"	105° 56' 18"	C-48-32-D-b
kênh 1000 Nam	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-32-D-b
kênh 2000 Bắc-1	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 40' 04"	105° 50' 31"	10° 38' 51"	105° 56' 31"	C-48-32-D-d
kênh 2000 Nam	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 35' 40"	106° 01' 51"	10° 37' 40"	105° 50' 29"	C-48-32-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh 63 - Hậu Thạnh Đông	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	105° 53' 31"	10° 37' 12"	105° 50' 50"	C-48-32-D-c; C-48-32-D-d
cầu Bùi Cũ	KX	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 38' 14"	105° 53' 53"					C-48-32-D-b
kênh Bùi Cũ	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 42' 19"	105° 55' 49"	10° 35' 03"	105° 53' 13"	C-48-32-D-b; C-48-32-D-d
Kênh Cò	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 38' 38"	105° 51' 54"	10° 40' 09"	105° 52' 15"	C-48-32-D-a
Đường ĐT.837	KX	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
ấp Đường Chuyến	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 36' 16"	105° 52' 26"					C-48-32-D-c
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-b
ấp Hoàng Mai	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 38' 33"	105° 52' 27"					C-48-32-D-a
ấp Huỳnh Thơ	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 38' 30"	105° 52' 19"					C-48-32-D-a
ấp Kênh Bùi Cũ	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 36' 50"	105° 53' 33"					C-48-32-D-d
cầu Kênh Quận	KX	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 38' 24"	105° 52' 53"					C-48-32-D-b
ấp Nguyễn Lộc	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 39' 19"	105° 53' 16"					C-48-32-D-b
ấp Nguyễn Rớt	DC	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh	10° 38' 21"	105° 53' 00"					C-48-32-D-b
Kênh Quận	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-D-b
kênh Ranh Đồng Tháp	TV	xã Hậu Thạnh Đông	H. Tân Thạnh			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-c
kênh 63	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 43' 40"	105° 48' 57"	10° 39' 17"	105° 48' 26"	C-48-32-D-a
kênh 500	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 38' 02"	105° 50' 12"	10° 37' 47"	105° 51' 38"	C-48-32-D-a
kênh 1000 Bắc	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 39' 52"	105° 48' 34"	10° 38' 22"	105° 56' 18"	C-48-32-D-a
kênh 1000 Bắc	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 01"	105° 50' 53"	10° 40' 45"	105° 51' 50"	C-48-32-D-a
kênh 1000 Nam	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-32-D-a
kênh 2000 Bắc-1	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 40' 04"	105° 50' 31"	10° 38' 51"	105° 56' 31"	C-48-32-D-a
kênh 2000 Nam	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 35' 40"	106° 01' 51"	10° 37' 40"	105° 50' 29"	C-48-32-D-c
kênh 63 - Hậu Thạnh Đông	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	105° 53' 31"	10° 37' 12"	105° 50' 50"	C-48-32-D-c
kênh Bảy Lợp	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 40' 26"	105° 53' 44"	10° 40' 44"	105° 51' 54"	C-48-32-D-a
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Bảy Thước Cũ	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 40' 32"	105° 50' 07"	10° 40' 02"	105° 48' 36"	C-48-32-D-a
kênh Biện Minh Cũ	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 39' 01"	105° 50' 05"	10° 41' 29"	105° 50' 48"	C-48-32-D-a
kênh Biện Minh Mới	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 22"	105° 51' 01"	10° 38' 22"	105° 49' 57"	C-48-32-D-a
Kênh Cò	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 38' 38"	105° 51' 54"	10° 40' 09"	105° 52' 15"	C-48-32-D-a
Đường ĐT.837	KX	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-D-a
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-a
ấp Giồng Dung	DC	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 40' 24"	105° 51' 06"					C-48-32-D-a
kênh Hậu Bảy Thước	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 39' 34"	105° 55' 57"	10° 40' 30"	105° 50' 41"	C-48-32-D-a
cầu Hậu Thạnh Tây	KX	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 38' 56"	105° 50' 04"					C-48-32-D-a
kênh Lô 300	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 47"	105° 50' 09"	10° 40' 39"	105° 49' 30"	C-48-32-D-a
kênh Lô 600	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 42' 02"	105° 49' 34"	10° 40' 44"	105° 49' 02"	C-48-32-D-a
ấp Ngọc Ân	DC	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 39' 07"	105° 49' 22"					C-48-32-D-a
ấp Nguyễn Khỏe	DC	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 38' 41"	105° 51' 41"					C-48-32-D-a
ấp Phước Cường	DC	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 40' 56"	105° 50' 10"					C-48-32-D-a
kênh Ranh Đồng Tháp	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-a; C-48-32-D-c
kênh Ranh Hậu Thạnh Tây - Thạnh Hưng	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 22"	105° 51' 00"	10° 42' 09"	105° 49' 01"	C-48-32-D-a
ấp Thanh An	DC	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh	10° 38' 49"	105° 50' 37"					C-48-32-D-a
kênh Tĩnh - Gò Giồng Dung	TV	xã Hậu Thạnh Tây	H. Tân Thạnh			10° 41' 27"	105° 52' 16"	10° 40' 15"	105° 51' 44"	C-48-32-D-a
kênh 12	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-33-C-a
kênh 1000	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 38' 26"	106° 00' 59"	10° 38' 31"	106° 01' 14"	C-48-33-C-a
kênh 1000 Bắc	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 37' 07"	106° 02' 39"	10° 38' 04"	106° 05' 06"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
kênh 2000 Bắc-2	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 38' 31"	105° 56' 49"	10° 37' 57"	106° 01' 35"	C-48-33-C-a
kênh 2000 Nam	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 35"	106° 03' 16"	10° 36' 22"	105° 05' 17"	C-48-33-C-c
ấp Bắc Đông	DC	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 37' 04"	106° 04' 19"					C-48-33-C-c
kênh Bắc Đông Cũ	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 34' 53"	106° 11' 45"	10° 36' 34"	106° 02' 55"	C-48-33-C-c
ấp Bảy Thước	DC	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 38' 34"	106° 01' 39"					C-48-33-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu Bảy Thước	KX	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 39' 01"	106° 01' 35"					C-48-33-C-a
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-33-C-a
kênh C8	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 37' 46"	106° 02' 41"	10° 38' 36"	106° 02' 32"	C-48-33-C-a
rạch Cá Bát	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 36' 57"	106° 03' 50"	10° 38' 26"	106° 04' 44"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
ấp Cá Tôm	DC	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 37' 03"	106° 04' 03"					C-48-33-C-c
ấp Đá Biên	DC	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 39' 14"	106° 02' 40"					C-48-33-C-a
rạch Đá Biên	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 37' 17"	106° 02' 35"	10° 41' 24"	106° 04' 44"	C-48-33-C-a
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-33-C-c
ấp Hai Vụ	DC	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh	10° 38' 16"	106° 04' 07"					C-48-33-C-a
kênh Hai Vụ - 2000 Bắc	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 40' 44"	106° 10' 42"	10° 37' 40"	106° 02' 23"	C-48-33-C-a
Đường QL.62	KX	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-d
Đường QL.N2	KX	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-c
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
kênh Sẻo Sậy	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 38' 02"	106° 03' 30"	10° 39' 03"	106° 03' 40"	C-48-33-C-a
kênh Xáng Bò Cạp	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 38' 43"	106° 05' 16"	10° 39' 32"	106° 01' 22"	C-48-33-C-a
kênh Xẻo Điển	TV	xã Kiến Bình	H. Tân Thạnh			10° 36' 40"	106° 02' 22"	10° 39' 04"	106° 00' 55"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
cầu 7000	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 35' 38"	105° 58' 51"					C-48-32-D-d
kênh 7000	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
kênh 1000 Nam	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
kênh 1000 Nam Hải Hưng	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 38' 37"	105° 59' 10"	10° 38' 26"	106° 00' 59"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
kênh 2000 Bắc-2	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 38' 31"	105° 56' 49"	10° 37' 57"	106° 01' 35"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
cầu 2000 Nam	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 36' 23"	105° 58' 57"					C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh 2000 Nam	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 35' 40"	106° 01' 51"	10° 37' 40"	105° 50' 29"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-b; C-48-33-C-a
kênh Bộ Đội	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 38' 04"	105° 59' 10"	10° 37' 32"	106° 00' 52"	C-48-33-C-a
kênh Cà Nhíp	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 39"	106° 02' 21"	10° 32' 00"	105° 59' 58"	C-48-33-C-c
Kênh Chà	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 34' 33"	105° 59' 35"	10° 36' 57"	106° 00' 38"	C-48-32-D-d
đường tỉnh 837	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-33-C-c
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
ấp Gò Nôi	DC	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 37' 02"	106° 00' 06"					C-48-33-C-c
ấp Hải Hưng	DC	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 39' 05"	105° 59' 53"					C-48-32-D-b
kênh Hậu Bảy Thước	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 39' 11"	105° 59' 44"	10° 39' 16"	105° 58' 23"	C-48-32-D-b
ấp Kênh Chà	DC	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 36' 50"	106° 01' 09"					C-48-33-C-c
ấp Phụng Thớt	DC	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 35' 50"	105° 58' 54"					C-48-32-D-d
cầu Phụng Thớt	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 37' 15"	105° 59' 02"					C-48-32-D-d
kênh Phụng Thớt	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 40' 07"	105° 58' 56"	10° 32' 09"	105° 57' 56"	C-48-32-D-b
Đường QL.N2	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
cầu Song Sắt	KX	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh	10° 39' 11"	105° 59' 10"					C-48-32-D-b
kênh Xẻo Điền	TV	xã Nhơn Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 40"	106° 02' 22"	10° 39' 04"	106° 00' 55"	C-48-33-C-a
Kênh 1	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 33"	105° 57' 16"	10° 40' 05"	105° 56' 20"	C-48-32-D-b
Kênh 3	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 00"	105° 56' 37"	10° 40' 11"	105° 58' 40"	C-48-32-D-b
kênh 89	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 42' 16"	105° 56' 03"	10° 39' 35"	105° 55' 23"	C-48-32-D-b
kênh 1000 Bắc	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 52"	105° 48' 34"	10° 38' 22"	105° 56' 18"	C-48-32-D-b
kênh 1000 Nam	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-32-D-d
kênh 2000 Bắc-1	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 04"	105° 50' 31"	10° 38' 51"	105° 56' 31"	C-48-32-D-b
kênh 2000 Nam	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 35' 40"	106° 01' 51"	10° 37' 40"	105° 50' 29"	C-48-32-D-d
kênh 7000	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Ba Tri	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 38' 12"	105° 54' 11"	10° 39' 18"	105° 54' 25"	C-48-32-D-b
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-b
cầu Bùi Cũ	KX	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 38' 14"	105° 53' 53"					C-48-32-D-b
kênh Bùi Cũ	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 42' 19"	105° 55' 49"	10° 35' 03"	105° 53' 13"	C-48-32-D-b; C-48-32-D-d
cầu Bùi Mới	KX	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 58"	105° 55' 14"					C-48-32-D-b
kênh Bùi Mới	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 29"	105° 55' 56"	10° 32' 23"	105° 54' 30"	C-48-32-D-b; C-48-32-D-d
ấp Bùi Thắng	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 38' 37"	105° 54' 22"					C-48-32-D-b
Di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ (1946 - 1949)	KX	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 38' 14"	105° 54' 09"					C-48-32-D-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 02"	105° 56' 26"	10° 40' 06"	105° 56' 04"	C-48-32-D-b
Đường ĐT.837	KX	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-D-b
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-b
kênh Hậu Bảy Thước	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 34"	105° 55' 57"	10° 40' 30"	105° 50' 41"	C-48-32-D-b
ấp Huỳnh Hớn	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 38' 06"	105° 54' 32"					C-48-32-D-b
ấp Huỳnh Tịnh	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 36' 57"	105° 53' 38"					C-48-32-D-d
Kênh Mới	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 48"	105° 56' 11"	10° 36' 45"	105° 55' 38"	C-48-32-D-b
ấp Nguyễn Bảo	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 30"	105° 56' 04"					C-48-32-D-b
ấp Nguyễn Sơn	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 38"	105° 55' 18"					C-48-32-D-b
ấp Nguyễn Tán	DC	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 57"	105° 55' 34"					C-48-32-D-b
kênh Nông Trường 1	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 16"	105° 57' 02"	10° 40' 31"	105° 56' 28"	C-48-32-D-b
kênh Nông Trường 2	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 05"	105° 56' 20"	10° 41' 00"	105° 56' 37"	C-48-32-D-b
kênh Ông Cha	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 26"	105° 53' 44"	10° 40' 05"	105° 56' 20"	C-48-32-D-b
kênh Ông Cố	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 54"	105° 55' 43"	10° 36' 17"	105° 54' 57"	C-48-32-D-d
Kênh Quy	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 51"	105° 56' 04"	10° 39' 21"	105° 56' 44"	C-48-32-D-b
kênh Tua 1	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 38"	105° 55' 06"	10° 40' 00"	105° 55' 09"	C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Tua 2	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 36"	105° 55' 16"	10° 39' 58"	105° 55' 20"	C-48-32-D-b
kênh Tua 4	TV	xã Nhơn Hòa Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 33"	105° 55' 33"	10° 40' 08"	105° 55' 40"	C-48-32-D-b
kênh 500A	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 06"	105° 58' 34"	10° 34' 07"	105° 59' 31"	C-48-32-D-d
kênh 500B	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 04"	105° 59' 12"	10° 33' 02"	105° 59' 40"	C-48-32-D-d
kênh 500D	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 07"	105° 58' 13"	10° 34' 13"	105° 58' 58"	C-48-32-D-d
kênh 500C	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 18"	105° 58' 36"	10° 34' 02"	105° 59' 49"	C-48-32-D-d
kênh 500E	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 41"	106° 01' 20"	10° 34' 56"	105° 58' 46"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
ấp 915	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 33' 22"	105° 59' 27"					C-48-32-D-d
kênh 915	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 07"	105° 58' 20"	10° 34' 33"	105° 59' 27"	C-48-32-D-d
kênh 6000	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 05"	105° 58' 47"	10° 35' 49"	105° 52' 20"	C-48-32-D-d
cầu 7000	KX	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 35' 38"	105° 58' 51"					C-48-32-D-d
kênh 7000	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d; C-48-33-C-c
kênh 27-3	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 28"	106° 00' 33"	10° 32' 03"	105° 59' 25"	C-48-33-C-c
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-32-D-d
kênh Cà Nhíp	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 36' 39"	106° 02' 21"	10° 32' 00"	105° 59' 58"	C-48-33-C-c
Kênh Chà	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 33"	105° 59' 35"	10° 36' 57"	106° 00' 38"	C-48-32-D-d
Kênh Đứng	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 47"	105° 59' 48"	10° 33' 18"	105° 55' 02"	C-48-32-D-d
kênh Đường Cắt	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 55"	106° 01' 28"	10° 35' 05"	105° 58' 47"	C-48-32-D-d
cầu Đường Cắt 2	KX	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 35' 05"	105° 58' 48"					C-48-32-D-d
Kênh Giữa	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 42"	105° 57' 52"	10° 32' 11"	105° 57' 09"	C-48-32-D-d
kênh Hai Hạt	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 23"	105° 54' 30"	10° 31' 26"	106° 06' 02"	C-48-32-D-d
ấp Kênh Giữa	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 33' 44"	105° 57' 34"					C-48-32-D-d
ấp Phụng Thớt	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 32' 53"	105° 58' 09"					C-48-32-D-d
kênh Phụng Thớt	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 40' 07"	105° 58' 56"	10° 32' 09"	105° 57' 56"	C-48-32-D-d
Đường QL.N2	KX	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-c; C-48-32-D-d
ấp Tân Chánh A	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 34' 59"	106° 00' 34"					C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Tân Chánh B	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 34' 33"	105° 59' 47"					C-48-32-D-d
ấp Tân Long	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 34' 07"	105° 58' 16"					C-48-32-D-d
Kênh Tây	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 39"	105° 58' 25"	10° 32' 10"	105° 57' 38"	C-48-32-D-d
Kênh Tè	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 47"	105° 57' 00"	10° 32' 12"	105° 56' 57"	C-48-32-D-d
kênh Trại Lòn	TV	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 31"	105° 59' 57"	10° 32' 05"	105° 58' 51"	C-48-32-D-d
ấp Trại Lòn Bắc	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 33' 51"	105° 59' 44"					C-48-32-D-d
ấp Trại Lòn Nam	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 32' 45"	105° 59' 12"					C-48-32-D-d
ấp Xóm Có	DC	xã Nhơn Ninh	H. Tân Thạnh	10° 32' 48"	105° 57' 31"					C-48-32-D-d
kênh 12	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-33-C-c
kênh 2000 Nam	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 35"	106° 03' 16"	10° 36' 22"	105° 05' 17"	C-48-33-C-c
kênh 5000 Bắc Đông	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-C-c
kênh Ba Mới	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 34' 25"	106° 01' 14"	10° 33' 28"	106° 04' 07"	C-48-33-C-c
kênh Bắc Đông Cũ	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 34' 53"	106° 11' 45"	10° 36' 34"	106° 02' 55"	C-48-33-C-c
ấp Cà Nhíp	DC	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 35' 38"	106° 01' 51"					C-48-33-C-c
kênh Cà Nhíp	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 36' 39"	106° 02' 21"	10° 32' 00"	105° 59' 58"	C-48-33-C-c
kênh Cầu Vợi	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 58"	106° 02' 35"	10° 32' 39"	106° 02' 38"	C-48-33-C-c
Đường ĐT.829	KX	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	106° 02' 53"	10° 31' 30"	106° 04' 54"	C-48-33-C-c
ấp Hiệp Thành	DC	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 34' 46"	106° 03' 33"					C-48-33-C-c
kênh Hiệp Thành 1	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 31"	106° 01' 46"	10° 35' 41"	106° 02' 35"	C-48-33-C-c
kênh Hiệp Thành 2	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 22"	106° 03' 18"	10° 35' 00"	106° 02' 04"	C-48-33-C-c
kênh Hiệp Thành Mới	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 54"	106° 03' 07"	10° 36' 01"	106° 02' 02"	C-48-33-C-c
trại giống Lâm Nghiệp	KX	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 34' 11"	106° 05' 03"					C-48-33-C-c
ấp Lò Đường	DC	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 34' 56"	106° 05' 12"					C-48-33-C-c
kênh Lò Đường	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 34' 32"	106° 03' 42"	10° 34' 52"	106° 05' 18"	C-48-33-C-c
Đường QL.N2	KX	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-c
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
kênh Thủy Lợi Đứng	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 35' 39"	106° 04' 17"	10° 35' 55"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
kênh Trại Giống	TV	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh			10° 34' 32"	106° 04' 17"	10° 34' 28"	106° 05' 18"	C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Xóm Than	DC	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 34' 10"	106° 03' 48"					C-48-33-C-c
cầu Xóm Than	KX	xã Tân Bình	H. Tân Thạnh	10° 33' 28"	106° 04' 07"					C-48-33-C-c
kênh 12	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 42' 51"	105° 59' 29"	10° 31' 30"	106° 04' 56"	C-48-33-C-c
kênh 1000 Bắc	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 28"	106° 00' 44"	10° 32' 58"	106° 04' 18"	C-48-33-C-c
kênh 1000 Đông	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 31' 57"	106° 00' 34"	10° 34' 17"	106° 01' 45"	C-48-33-C-c
kênh 1000 Nam	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 32' 24"	106° 00' 48"	10° 31' 59"	106° 04' 23"	C-48-33-C-c
kênh 27-3	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 34' 28"	106° 00' 33"	10° 32' 03"	105° 59' 25"	C-48-32-D-d
kênh 500 Ấp Hòa Thành	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 05"	106° 05' 37"	10° 32' 01"	106° 05' 40"	C-48-33-C-c
kênh 500 Đông	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 34' 20"	106° 01' 32"	10° 32' 55"	106° 00' 53"	C-48-33-C-c
kênh 500 Tây	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 32' 02"	105° 59' 40"	10° 33' 35"	106° 00' 25"	C-48-33-C-c
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-C-c
kênh Ba Cũ	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 28"	106° 04' 06"	10° 34' 03"	106° 01' 49"	C-48-33-C-c
kênh Ba Mới	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 34' 25"	106° 01' 14"	10° 33' 28"	106° 04' 07"	C-48-33-C-c
kênh Ba Tri	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 25"	106° 02' 36"	10° 33' 57"	106° 01' 36"	C-48-33-C-c
kênh Cà Nhíp	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 39"	106° 02' 21"	10° 32' 00"	105° 59' 58"	C-48-33-C-c
kênh Cầu Vợi	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 35' 58"	106° 02' 35"	10° 32' 39"	106° 02' 38"	C-48-33-C-c
ấp Đông Bắc	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 33"	106° 04' 30"					C-48-33-C-c
ấp Đông Nam	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 31' 54"	106° 04' 41"					C-48-33-C-c
Đường ĐT.829	KX	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	106° 02' 53"	10° 31' 30"	106° 04' 54"	C-48-33-C-c
cầu Hai Hạt	KX	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 31' 30"	106° 04' 54"					C-48-33-C-c
kênh Hai Hạt	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 32' 23"	105° 54' 30"	10° 31' 26"	106° 06' 02"	C-48-32-D-d
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 59"	106° 05' 52"					C-48-33-C-c
ấp Kênh Văn Phòng	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 12"	106° 02' 24"					C-48-33-C-c
Kênh Một	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 31' 26"	106° 06' 02"	10° 34' 37"	106° 05' 59"	C-48-33-C-c
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
cầu Tân Hòa	KX	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 21"	106° 04' 33"					C-48-33-C-c
kênh Tân Hòa	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 32' 20"	106° 04' 34"	10° 33' 01"	105° 59' 54"	C-48-33-C-c
ấp Tây Bắc	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 33' 44"	106° 00' 52"					C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Tây Nam	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 22"	106° 00' 51"					C-48-33-C-c
kênh Tràm Mù	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 06"	106° 06' 00"	10° 33' 06"	106° 05' 20"	C-48-33-C-c
Ấp Trung	DC	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 32' 50"	106° 01' 40"					C-48-33-C-c
kênh Ven Tràm	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 15"	106° 02' 19"	10° 34' 16"	106° 01' 51"	C-48-33-C-c
Kênh Xáng	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 33' 56"	106° 03' 07"	10° 32' 37"	106° 02' 49"	C-48-33-C-c
kênh Xáng Cụt	TV	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh			10° 34' 13"	106° 02' 06"	10° 33' 45"	106° 01' 57"	C-48-33-C-c
cầu Xóm Than	KX	xã Tân Hòa	H. Tân Thạnh	10° 33' 28"	106° 04' 07"					C-48-33-C-c
Kênh 1	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 33"	105° 57' 16"	10° 40' 05"	105° 56' 20"	C-48-32-D-b
Kênh 2	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 37"	105° 58' 29"	10° 40' 16"	105° 57' 02"	C-48-32-D-b
Kênh 3	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 00"	105° 56' 37"	10° 40' 11"	105° 58' 40"	C-48-32-D-b
kênh 7000	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d
kênh 1000 Nam	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 36' 03"	106° 02' 02"	10° 38' 26"	105° 50' 00"	C-48-32-D-d
kênh 155 Bắc	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 38' 25"	105° 57' 41"	10° 38' 37"	105° 59' 10"	C-48-32-D-b
kênh 2000 Bắc 2	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 38' 31"	105° 56' 49"	10° 37' 57"	106° 01' 35"	C-48-32-D-b
kênh 2000 Bắc 1	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 04"	105° 50' 31"	10° 38' 46"	105° 56' 55"	C-48-32-D-d
cầu 2000 Nam	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 36' 23"	105° 58' 57"					C-48-32-D-d
kênh 2000 Nam	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 35' 40"	106° 01' 51"	10° 37' 40"	105° 50' 29"	C-48-32-D-d
ấp Bằng Lăng	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 35' 57"	105° 56' 35"					C-48-32-D-d
cầu Bằng Lăng	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 42"	105° 56' 42"					C-48-32-D-b
kênh Bằng Lăng	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 42"	105° 56' 42"	10° 32' 14"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-32-D-b
ấp Cây Sao	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 22"	105° 58' 20"					C-48-32-D-d
kênh Đạo	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 41' 52"	105° 57' 55"	10° 36' 01"	105° 55' 41"	C-48-32-D-b
Đường ĐT.837	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 36' 34"	106° 02' 42"	10° 39' 15"	105° 48' 23"	C-48-32-D-b; C-48-33-D-d
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-32-D-b; C-48-32-D-d
nhà thờ Giáo xứ Kinh Cùng	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 43"	105° 56' 26"					C-48-32-D-b
ấp Hải Hưng	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 09"	105° 57' 07"					C-48-32-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Hậu	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 12"	105° 59' 01"	10° 37' 34"	105° 57' 01"	C-48-32-D-d
kênh Hậu Bảy Thước	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 39' 11"	105° 59' 44"	10° 39' 16"	105° 58' 23"	C-48-32-D-b
ấp Kênh Đạo	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 38' 17"	105° 56' 40"					C-48-32-D-b
cầu Kênh Đạo	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 17"	105° 57' 09"					C-48-32-D-b
ấp Kênh Nhà Thờ	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 02"	105° 56' 08"					C-48-32-D-d
Kênh Mới	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 48"	105° 56' 11"	10° 36' 45"	105° 55' 38"	C-48-32-D-b; C-48-32-D-d
cầu Nhà Thờ	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 44"	105° 56' 28"					C-48-32-D-b
cầu Phụng Thớt	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 15"	105° 59' 02"					C-48-32-D-d
kênh Phụng Thớt	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 40' 07"	105° 58' 56"	10° 32' 09"	105° 57' 56"	C-48-32-D-b
Kênh Quy	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 51"	105° 56' 04"	10° 39' 21"	105° 56' 44"	C-48-32-D-b
cầu Song Sắt	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 11"	105° 59' 10"					C-48-32-D-b
cầu Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 25"	105° 58' 09"					C-48-32-D-d
kênh Tân Lập	TV	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh			10° 37' 26"	105° 58' 09"	10° 35' 49"	105° 57' 29"	C-48-32-D-d
trại giam Thạnh Hòa - Phân trại Số 2	KX	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 39' 30"	105° 57' 18"					C-48-32-D-b
ấp Trương Công Ý	DC	xã Tân Lập	H. Tân Thạnh	10° 37' 32"	105° 57' 48"					C-48-32-D-b
kênh 6000	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 05"	105° 58' 47"	10° 35' 49"	105° 52' 20"	C-48-32-D-d
kênh 7000	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-32-D-d
ấp Bằng Lăng	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 34' 50"	105° 56' 33"					C-48-32-D-d
kênh Bằng Lăng	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 37' 42"	105° 56' 42"	10° 32' 14"	105° 56' 24"	C-48-32-D-d
ấp Bảy Ngàn	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 35' 33"	105° 56' 29"					C-48-32-D-d
Kênh Bích	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	105° 55' 39"	10° 32' 19"	105° 55' 23"	C-48-32-D-d
kênh Đòn Dông 1	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 52"	105° 56' 01"	10° 32' 16"	105° 55' 54"	C-48-32-D-d
kênh Đòn Dông 2	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 56"	105° 55' 10"	10° 32' 21"	105° 54' 56"	C-48-32-D-d
Kênh Đứng	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 47"	105° 59' 48"	10° 33' 18"	105° 55' 02"	C-48-32-D-d
kênh Hai Hạt	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 32' 23"	105° 54' 30"	10° 31' 26"	106° 06' 02"	C-48-32-D-d
ấp Kênh Bích	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 32' 57"	105° 55' 27"					C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Kênh Đứng	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 32' 47"	105° 56' 25"					C-48-32-D-d
ấp Kênh Tè	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 33' 40"	105° 56' 56"					C-48-32-D-d
Kênh Mới	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 48"	105° 56' 43"	10° 32' 13"	105° 56' 40"	C-48-32-D-d
ấp Năm Ngàn	DC	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh	10° 34' 56"	105° 55' 34"					C-48-32-D-d
Đường QL.N2	KX	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-32-D-d
Kênh Tè	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 34' 47"	105° 57' 00"	10° 32' 12"	105° 56' 57"	C-48-32-D-d
kênh Thủy Lợi	TV	xã Tân Ninh	H. Tân Thạnh			10° 35' 07"	105° 56' 29"	10° 34' 52"	105° 56' 01"	C-48-32-D-d
Ấp 1	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 33' 31"	105° 54' 35"					C-48-32-D-d
Ấp 2	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 34' 22"	105° 54' 43"					C-48-32-D-d
Ấp 3	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 35' 54"	105° 54' 51"					C-48-32-D-d
Ấp 4	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 36' 34"	105° 53' 33"					C-48-32-D-d
Ấp 5	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 35' 01"	105° 53' 52"					C-48-32-D-d
Ấp 6	DC	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh	10° 34' 02"	105° 53' 31"					C-48-32-D-d
kênh 6000	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 35' 05"	105° 58' 47"	10° 35' 49"	105° 52' 20"	C-48-32-D-d
kênh 7000	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 35' 28"	106° 01' 44"	10° 36' 16"	105° 53' 28"	C-48-32-D-d
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-32-D-d
kênh 63 - Hậu Thạnh Đông	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 36' 31"	105° 53' 31"	10° 37' 12"	105° 50' 50"	C-48-32-D-d
kênh Bùi Cũ	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 42' 19"	105° 55' 49"	10° 35' 03"	105° 53' 13"	C-48-32-D-d
kênh Bùi Mới	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 39' 29"	105° 55' 56"	10° 32' 23"	105° 54' 30"	C-48-32-D-d
kênh Đòn Dông 2	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 34' 56"	105° 55' 10"	10° 32' 21"	105° 54' 56"	C-48-32-D-d
kênh Hai Hạt	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 32' 23"	105° 54' 30"	10° 31' 26"	106° 06' 02"	C-48-32-D-d
Kênh Mới	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 33' 01"	105° 54' 34"	10° 34' 29"	105° 52' 52"	C-48-32-D-d
Đường QL.N2	KX	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-32-D-d
Kênh Quận	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 46' 57"	105° 55' 45"	10° 35' 18"	105° 52' 13"	C-48-32-D-c
kênh Ranh Đồng Tháp	TV	xã Tân Thành	H. Tân Thạnh			10° 39' 16"	105° 48' 22"	10° 32' 21"	105° 54' 29"	C-48-32-D-d
đò Ái Ngãi	KX	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ	10° 30' 09"	106° 30' 15"					C-48-34-C-c
rạch Bà Rơm	TV	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 30' 55"	106° 30' 31"	10° 31' 32"	106° 30' 28"	C-48-34-C-c
kênh Ba Xiệp	TV	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 30' 21"	106° 30' 18"	10° 30' 55"	106° 30' 31"	C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Bình Hòa	DC	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ	10° 30' 54"	106° 30' 25"					C-48-34-C-c
ấp Bình Lợi	DC	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ	10° 29' 41"	106° 30' 24"					C-48-46-A-a
rạch Cầu Trắng	TV	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 17"	10° 32' 35"	106° 30' 03"	C-48-34-C-c
rạch Đồng Hiểm	TV	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 30' 36"	106° 30' 55"	10° 31' 18"	106° 31' 17"	C-48-34-C-c
Đường ĐT.833	KX	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-34-C-c
ấp Tân Bình	DC	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ	10° 31' 19"	106° 31' 12"					C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	TT. Tân Trụ	H. Tân Trụ			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a
Ấp 2	DC	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 33' 34"	106° 30' 52"					C-48-34-C-c
Ấp 3	DC	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 33' 54"	106° 30' 23"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 34' 57"	106° 28' 42"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 35' 11"	106° 28' 36"					C-48-33-D-d
Ấp 6	DC	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 34' 36"	106° 29' 16"					C-48-33-D-d
rạch Cây Sáo	TV	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ			10° 36' 08"	106° 27' 46"	10° 34' 46"	106° 28' 37"	C-48-33-D-d
phà Nhựt Tảo	KX	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 33' 48"	106° 31' 05"					C-48-34-C-c
sông Nhựt Tảo	TV	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-33-D-d
sông Nhựt Tảo	TV	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-34-C-c
Chùa Ông	KX	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 33' 38"	106° 30' 54"					C-48-34-C-c
rạch Tân Minh	TV	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ			10° 33' 50"	106° 29' 16"	10° 33' 29"	106° 30' 39"	C-48-34-C-c; C-48-34-D-d
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c; C-48-34-D-d
Di tích lịch sử văn hóa Vàm Nhựt Tảo	KX	xã An Nhựt Tân	H. Tân Trụ	10° 33' 44"	106° 30' 58"					C-48-34-C-c
ấp Bình An	DC	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ	10° 31' 10"	106° 28' 14"					C-48-33-D-d
ấp Bình Đức	DC	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ	10° 31' 50"	106° 29' 07"					C-48-33-D-d
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ	10° 32' 29"	106° 29' 02"					C-48-33-D-d
Đường ĐT.833	KX	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-33-D-d
sông Nhựt Tảo	TV	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-33-D-d
rạch Ông Dậm	TV	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 34' 29"	106° 26' 36"	10° 31' 52"	106° 27' 17"	C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ông Hóng	TV	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 32' 29"	106° 29' 44"	10° 30' 44"	106° 28' 17"	C-48-33-D-d
rạch Tam Bôn	TV	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 32' 40"	106° 28' 42"	10° 32' 31"	106° 29' 40"	C-48-33-D-d
ấp Thanh Phong	DC	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ	10° 31' 57"	106° 27' 41"					C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Lãng	H. Tân Trụ			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d
rạch Bà Rơm	TV	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ			10° 30' 55"	106° 30' 31"	10° 31' 32"	106° 30' 28"	C-48-34-C-c
ấp Bình Điện	DC	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ	10° 31' 42"	106° 29' 15"					C-48-33-D-d
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ	10° 31' 04"	106° 30' 01"					C-48-34-C-c
ấp Bình Thạnh	DC	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ	10° 30' 42"	106° 28' 52"					C-48-33-D-d
rạch Cầu Trắng	TV	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 17"	10° 32' 35"	106° 30' 03"	C-48-34-C-c
đò Kỳ Son	KX	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ	10° 30' 43"	106° 28' 15"					C-48-33-D-d
sông Nhựt Tảo	TV	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-34-C-c; C-48-34-D-d
rạch Ông Hóng	TV	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ			10° 32' 29"	106° 29' 44"	10° 30' 44"	106° 28' 17"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Tịnh	H. Tân Trụ			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c; C-48-34-D-d
ấp Bình Đông	DC	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ	10° 33' 01"	106° 31' 12"					C-48-34-C-c
ấp Bình Hòa	DC	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ	10° 32' 54"	106° 30' 25"					C-48-34-C-c
ấp Bình Tây	DC	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ	10° 31' 53"	106° 30' 17"					C-48-34-C-c
rạch Bình Tây	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 32' 27"	106° 32' 02"	10° 31' 41"	106° 31' 11"	C-48-34-C-c
rạch Bình Tường	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 32' 44"	106° 30' 47"	10° 33' 21"	106° 31' 23"	C-48-34-C-c
rạch Cầu Trắng	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 17"	10° 32' 35"	106° 30' 03"	C-48-34-C-c
Rạch Đình	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 32' 15"	106° 31' 02"	10° 32' 00"	106° 31' 27"	C-48-34-C-c
Rạch Ế	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 32' 28"	106° 30' 42"	10° 32' 22"	106° 30' 02"	C-48-34-C-c
sông Nhựt Tảo	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Bình Trinh Đông	H. Tân Trụ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
ấp Bình Hòa	DC	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 28' 24"	106° 30' 55"					C-48-46-A-a
ấp Bình Lợi	DC	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 29' 27"	106° 30' 42"					C-48-46-A-a
rạch Bình Tây	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 32' 27"	106° 32' 02"	10° 31' 41"	106° 31' 11"	C-48-34-C-c
Rạch Cá	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 31' 13"	106° 31' 45"	10° 31' 08"	106° 33' 32"	C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Cầu Trắng	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 17"	10° 32' 35"	106° 30' 03"	C-48-34-C-c
rạch Đồng Hiểm	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 30' 36"	106° 30' 55"	10° 31' 18"	106° 31' 17"	C-48-34-C-c
Đường ĐT.833	KX	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-33-D-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 30' 52"	106° 31' 10"					C-48-34-C-c
ấp Tân Lợi	DC	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 29' 53"	106° 31' 40"					C-48-46-A-a
ấp Tân Thạnh	DC	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 30' 05"	106° 31' 13"					C-48-34-C-c
đò Tham Nhiên	KX	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 27' 58"	106° 30' 26"					C-48-46-A-a
rạch Thôn Thành	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 18"	10° 29' 01"	106° 31' 00"	C-48-46-A-a
cầu Triêm Đức	KX	xã Đức Tân	H. Tân Trụ	10° 29' 14"	106° 31' 50"					C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Đức Tân	H. Tân Trụ			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a
Ấp 1	DC	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 33' 27"	106° 29' 26"					C-48-33-D-d
Ấp 2	DC	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 33' 01"	106° 29' 48"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 32' 50"	106° 29' 17"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 33' 00"	106° 28' 36"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 33' 24"	106° 28' 28"					C-48-33-D-d
sông Nhựt Tảo	TV	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-34-C-c; C-48-34-D-d
rạch Ông Dậm	TV	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ			10° 34' 29"	106° 26' 36"	10° 31' 52"	106° 27' 17"	C-48-33-D-d
rạch Ông Đỗ	TV	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ			10° 33' 25"	106° 28' 02"	10° 33' 15"	106° 29' 17"	C-48-33-D-d
cầu Ông Liễu	KX	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ	10° 33' 10"	106° 27' 34"					C-48-33-D-d
rạch Tam Bôn	TV	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ			10° 32' 40"	106° 28' 42"	10° 32' 31"	106° 29' 40"	C-48-33-D-d
rạch Tân Minh	TV	xã Lạc Tấn	H. Tân Trụ			10° 33' 50"	106° 29' 16"	10° 33' 29"	106° 30' 39"	C-48-33-D-d
rạch Bàu Tân - Cầu Ván - Cây Sáo - Xóm Châu	TV	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ			10° 38' 35"	106° 26' 18"	10° 37' 50"	106° 28' 26"	C-48-33-D-d
ấp Bình Đông	DC	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ	10° 34' 41"	106° 28' 09"					C-48-33-D-d
ấp Bình Tây	DC	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ	10° 35' 51"	106° 26' 40"					C-48-33-D-d
rạch Cai Tài	TV	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 34' 46"	106° 28' 36"	C-48-33-D-d
rạch Cây Sáo	TV	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ			10° 36' 08"	106° 27' 46"	10° 34' 46"	106° 28' 37"	C-48-33-D-d
rạch Chủ Mùi	TV	xã Mỹ Bình	H. Tân Trụ			10° 35' 01"	106° 26' 27"	10° 34' 34"	106° 26' 41"	C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
đình Bình Ninh	KX	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 29' 04"	106° 32' 20"					C-48-46-A-a
ấp Bình Thạnh	DC	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 29' 11"	106° 32' 01"					C-48-46-A-a
Rạch Cá	TV	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			10° 31' 13"	106° 31' 45"	10° 31' 08"	106° 33' 32"	C-48-34-C-c
Nhánh rạch Cá	TV	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			10° 30' 23"	106° 32' 49"	10° 31' 08"	106° 33' 03"	C-48-34-C-c
Đường ĐT.833	KX	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			10° 33' 45"	106° 25' 02"	10° 28' 15"	106° 33' 35"	C-48-33-D-d
ấp Nhựt Hòa	DC	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 30' 15"	106° 32' 26"					C-48-34-C-c
ấp Nhựt Long	DC	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 30' 54"	106° 33' 10"					C-48-34-C-c
đò Nhựt Ninh	KX	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 29' 40"	106° 32' 55"					C-48-46-A-a
ấp Nhựt Tân	DC	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 31' 31"	106° 32' 10"					C-48-34-C-c
rạch Thôn Thành	TV	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			10° 31' 18"	106° 31' 18"	10° 29' 01"	106° 31' 00"	C-48-46-A-a
ấp Thuận Lợi	DC	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 28' 39"	106° 33' 05"					C-48-46-A-a
cầu Triêm Đức	KX	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 29' 14"	106° 31' 50"					C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-46-A-a
đò Xã Bảy	KX	xã Nhựt Minh	H. Tân Trụ	10° 31' 00"	106° 33' 34"					C-48-34-C-c
Ấp 1	DC	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 33' 49"	106° 28' 31"					C-48-33-D-d
Ấp 2	DC	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 34' 05"	106° 27' 58"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 34' 31"	106° 28' 07"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 34' 35"	106° 27' 04"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 33' 58"	106° 26' 55"					C-48-33-D-d
rạch Cai Tài	TV	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 34' 46"	106° 28' 36"	C-48-33-D-d
sông Nhựt Tảo	TV	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ			10° 34' 46"	106° 28' 37"	10° 33' 42"	106° 31' 03"	C-48-33-D-d
rạch Ông Dậm	TV	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ			10° 34' 29"	106° 26' 36"	10° 31' 52"	106° 27' 17"	C-48-33-D-d
rạch Ông Đỗ	TV	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ			10° 33' 25"	106° 28' 02"	10° 33' 15"	106° 29' 17"	C-48-33-D-d
cầu Ông Liễu	KX	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ	10° 33' 10"	106° 27' 34"					C-48-33-D-d
rạch Xã Vịt	TV	xã Quê Mỹ Thạnh	H. Tân Trụ			10° 33' 56"	106° 28' 06"	10° 34' 12"	106° 28' 45"	C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 32' 17"	106° 31' 55"					C-48-34-C-c
Ấp 2	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 32' 32"	106° 32' 26"					C-48-34-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 3	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 32' 45"	106° 33' 23"					C-48-34-C-c
Ấp 4	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 32' 19"	106° 33' 22"					C-48-34-C-c
Ấp 5	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 31' 34"	106° 33' 12"					C-48-34-C-c
Ấp 6	DC	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 31' 49"	106° 32' 06"					C-48-34-C-c
phà Bến Bạ	KX	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ	10° 33' 12"	106° 33' 39"					C-48-34-C-c
rạch Bình Tây	TV	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ			10° 32' 27"	106° 32' 02"	10° 31' 41"	106° 31' 11"	C-48-34-C-c
Rạch Cá	TV	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ			10° 31' 13"	106° 31' 45"	10° 31' 08"	106° 33' 32"	C-48-34-C-c
sông Vàm Cỏ Đông	TV	xã Tân Phước Tây	H. Tân Trụ			11° 01' 22"	106° 16' 20"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-34-C-c
Khu phố 1	DC	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 54"	106° 08' 57"					C-48-33-C-b
Khu phố 2	DC	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 34"	106° 10' 45"					C-48-33-C-b
Khu phố 3	DC	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 39' 34"	106° 10' 41"					C-48-33-C-b
Khu phố 4	DC	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 39' 32"	106° 11' 32"					C-48-33-C-b
cầu Bến Kè	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 14"	106° 11' 45"					C-48-33-C-b
kênh Bến Kè	TV	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 39' 35"	106° 11' 48"	10° 34' 53"	106° 11' 46"	C-48-33-C-b
Đường ĐT.836	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 38' 40"	106° 08' 20"	10° 39' 21"	106° 10' 50"	C-48-33-C-b
kênh Dương Văn Dương	TV	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-33-C-b
cầu Lâm Nghiệp 1	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 22"	106° 09' 01"					C-48-33-C-b
cầu Lâm Nghiệp 2	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 15"	106° 09' 42"					C-48-33-C-b
cầu Lâm Nghiệp 3	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 15"	106° 10' 27"					C-48-33-C-b
Đường QL.62	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-b
Đường QL.N2	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-b
cầu Rạch Chùa	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 39' 34"	106° 11' 48"					C-48-33-C-b
cống Sân Bay	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 39' 22"	106° 10' 06"					C-48-33-C-b
cống Trung tâm	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 55"	106° 10' 49"					C-48-33-C-b
ngã ba Tuyên Nhơn	KX	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa	10° 38' 40"	106° 08' 20"					C-48-33-C-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	TT. Thạnh Hóa	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-b
Ấp 1	DC	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 36' 23"	106° 19' 29"					C-48-33-D-c
Ấp 2	DC	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 12"	106° 17' 49"					C-48-33-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 3	DC	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 44"	106° 18' 14"					C-48-33-D-a
Ấp 4	DC	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 38' 06"	106° 17' 07"					C-48-33-D-a
kênh 17	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 35' 23"	106° 18' 07"	10° 37' 04"	106° 17' 05"	C-48-33-D-c
kênh 3 - La Khoa	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 39"	106° 18' 19"	10° 36' 29"	106° 11' 46"	C-48-33-C-d
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-D-c
cầu Bà Định	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 36' 50"	106° 18' 24"					C-48-33-D-c
rạch Bà Định	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 36' 49"	106° 18' 24"	10° 37' 12"	106° 18' 41"	C-48-33-D-c
rạch Bà Hai Màng	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 35' 22"	106° 19' 05"	10° 36' 12"	106° 19' 45"	C-48-33-D-c
rạch Bà Thơ	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 36' 52"	106° 18' 18"	10° 37' 16"	106° 18' 36"	C-48-33-D-c
Rạch Bần	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 06"	106° 17' 00"	10° 38' 42"	106° 17' 31"	C-48-33-D-a
Rạch Đập	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 11"	106° 18' 08"	10° 38' 17"	106° 18' 34"	C-48-33-D-a
Rạch Đình	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 14"	106° 18' 04"	10° 38' 30"	106° 18' 21"	C-48-33-D-a
cầu La Khoa	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 14"	106° 17' 31"					C-48-33-D-c
Rạch Mương	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 08"	106° 17' 57"	10° 37' 46"	106° 18' 23"	C-48-33-D-a
rạch Mương Máng	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 00"	106° 17' 18"	10° 38' 37"	106° 17' 38"	C-48-33-D-a
rạch Ông Lân	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 58"	106° 17' 45"	10° 38' 38"	106° 18' 10"	C-48-33-D-a
rạch Ông Lễ	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 16"	106° 17' 50"	10° 38' 40"	106° 17' 56"	C-48-33-D-a
Đường QL.62	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-c; C-48-33-D-a
kênh Tam Lang	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 14"	106° 16' 40"	10° 39' 07"	106° 17' 02"	C-48-33-D-a
Trường bắn Tân Đông	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 36' 48"	106° 17' 27"					C-48-33-D-c
cụm công nghiệp Tân Đông	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 36' 32"	106° 19' 19"					C-48-33-D-c
Lâm viên Thanh Niên	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 21"	106° 16' 35"					C-48-33-D-c
cầu Thủ Cồn	KX	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 00"	106° 18' 02"					C-48-33-D-c
rạch Thủ Cồn	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 00"	106° 18' 01"	10° 37' 20"	106° 18' 29"	C-48-33-D-c
kênh Thủy Tân	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 40"	106° 12' 00"	10° 37' 40"	106° 18' 19"	C-48-33-D-a
Rạch Trâm	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 27"	106° 17' 01"	10° 38' 53"	106° 17' 19"	C-48-33-D-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tân Đông	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-c
Ấp 1	DC	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa	10° 47' 06"	106° 09' 25"					C-48-33-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 2	DC	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa	10° 46' 47"	106° 08' 41"					C-48-33-A-d
Ấp 3	DC	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa	10° 47' 03"	106° 08' 06"					C-48-33-A-d
Ấp 4	DC	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa	10° 46' 06"	106° 07' 24"					C-48-33-A-c
kênh 61	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-33-A-d; C-48-33-A-c
kênh 61 Cũ-B	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 22"	106° 10' 22"	10° 46' 56"	106° 09' 21"	C-48-33-A-d
kênh 90	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 48' 26"	106° 06' 55"	10° 45' 23"	106° 06' 12"	C-48-33-A-c
kênh Lâm Trường 3	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 45' 38"	106° 06' 18"	10° 45' 01"	106° 08' 46"	C-48-33-A-c
kênh M1	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 52"	106° 06' 45"	10° 45' 56"	106° 10' 13"	C-48-33-A-d; C-48-33-A-c
kênh M2	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 32"	106° 06' 38"	10° 45' 26"	106° 10' 03"	C-48-33-A-d; C-48-33-A-c
kênh M3-T2	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 14"	106° 06' 31"	10° 44' 55"	106° 09' 45"	C-48-33-A-d; C-48-33-A-c; C-48-33-C-b
kênh Ma Ren	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-A-d; C-48-33-C-b
kênh N4	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 57"	106° 09' 20"	10° 48' 24"	106° 09' 56"	C-48-33-A-d
kênh N5	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 44' 03"	106° 09' 04"	10° 48' 18"	106° 09' 17"	C-48-33-A-d
kênh N7	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 47' 03"	106° 07' 52"	10° 48' 26"	106° 08' 24"	C-48-33-A-d
quốc lộ N1	KX	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-A-d
kênh T7	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 46' 54"	106° 08' 42"	10° 46' 01"	106° 10' 15"	C-48-33-A-d
rạch Than Bùn	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 48' 12"	106° 09' 26"	10° 46' 38"	106° 10' 07"	C-48-33-A-d
kênh Trung Tâm	TV	xã Tân Hiệp	H. Thạnh Hóa			10° 47' 09"	106° 11' 09"	10° 48' 25"	106° 05' 46"	C-48-33-A-d; C-48-33-A-c
Ấp 1	DC	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 14"	106° 15' 24"					C-48-33-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 57"	106° 16' 33"					C-48-33-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa	10° 39' 30"	106° 15' 23"					C-48-33-D-a
Ấp 4	DC	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa	10° 40' 45"	106° 14' 34"					C-48-33-C-b
Ấp 5	DC	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa	10° 36' 32"	106° 14' 41"					C-48-33-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Mương	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 47"	106° 16' 19"	10° 39' 05"	106° 16' 51"	C-48-33-D-a
kênh 21 - Cả Ràng	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 39' 09"	106° 15' 54"	10° 35' 07"	106° 15' 17"	C-48-33-D-a
kênh 23 - Thầy Pháp	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 40' 52"	106° 14' 26"	10° 35' 01"	106° 14' 12"	C-48-33-C-b
kênh 3 - La Khoa	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 39"	106° 18' 19"	10° 36' 29"	106° 11' 46"	C-48-33-C-d
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-D-c
rạch Bà Sở	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 38' 12"	106° 14' 39"	10° 39' 37"	106° 15' 19"	C-48-33-C-b
rạch Bà Thầy	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 39' 05"	106° 16' 05"	10° 38' 30"	106° 15' 53"	C-48-33-D-a
rạch Cá Bống	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 38' 25"	106° 16' 08"	10° 39' 00"	106° 16' 18"	C-48-33-D-a
rạch Ổ Gà	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 52"	106° 16' 09"	10° 39' 00"	106° 16' 39"	C-48-33-D-a
Đường QL.62	KX	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-a
kênh Rạch Gia	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 39' 17"	106° 15' 40"	10° 38' 47"	106° 15' 06"	C-48-33-D-a
kênh Tam Lang	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 38' 14"	106° 16' 40"	10° 39' 07"	106° 17' 02"	C-48-33-D-a
kênh Thủy Tân	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 39' 40"	106° 12' 00"	10° 37' 40"	106° 18' 19"	C-48-33-D-a;
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tân Tây	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-a
Ấp 1	DC	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 36' 31"	106° 11' 43"					C-48-33-C-d
Kênh 1	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 38' 11"	106° 07' 00"	10° 36' 14"	106° 07' 11"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
Ấp 2	DC	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 35' 06"	106° 10' 48"					C-48-33-C-d
Ấp 3	DC	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 36' 10"	106° 08' 25"					C-48-33-C-d
Ấp 4	DC	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 36' 05"	106° 05' 34"					C-48-33-C-c
kênh 900	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 35' 16"	106° 11' 46"	10° 36' 36"	106° 05' 54"	C-48-33-C-d; C-48-33-C-c
kênh 2000 Nam 1	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 36' 22"	106° 05' 17"	10° 37' 32"	106° 08' 18"	C-48-33-C-c; C-48-33-C-d;
kênh 2000 Nam 2	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 37' 32"	106° 08' 18"	10° 38' 04"	106° 10' 59"	C-48-33-C-c
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-C-d; C-48-33-C-c
kênh Bà Năm Nhị	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 34' 37"	106° 05' 58"	10° 35' 59"	106° 05' 56"	C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Bắc Đông Cũ	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 34' 53"	106° 11' 45"	10° 36' 34"	106° 02' 55"	C-48-33-C-c; C-48-33-C-d
cầu Bến Kè	KX	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 38' 14"	106° 11' 45"					C-48-33-C-b
kênh Bến Kè	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 39' 35"	106° 11' 48"	10° 34' 53"	106° 11' 46"	C-48-33-C-d
kênh Bến Kè 3	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 36' 42"	106° 11' 46"	10° 36' 44"	106° 08' 28"	C-48-33-C-d; C-48-33-C-c
rọc Búng Bà Của	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 37' 28"	106° 09' 34"	10° 37' 49"	106° 09' 05"	C-48-33-C-b; C-48-33-C-d
cầu Lâm Nghiệp 2	KX	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 38' 15"	106° 09' 42"					C-48-33-C-b
cầu Lâm Nghiệp 3	KX	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa	10° 38' 15"	106° 10' 27"					C-48-33-C-b
kênh Một Thước	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 35' 56"	106° 08' 30"	10° 37' 25"	106° 08' 26"	C-48-33-C-d
Đường QL.62	KX	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-b
Đường QL.N2	KX	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-c; C-48-33-C-b; C-48-33-C-d
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
kênh Thanh Niên	TV	xã Thạnh An	H. Thạnh Hóa			10° 38' 13"	106° 10' 59"	10° 35' 28"	106° 10' 59"	C-48-33-C-d; C-48-33-C-b
Kênh 3	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 31"	106° 08' 06"	10° 40' 54"	106° 08' 05"	C-48-33-C-b
kênh 2-9	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 42' 50"	106° 05' 12"	10° 43' 14"	106° 09' 47"	C-48-33-C-b
rạch Bà Đào	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 42' 02"	106° 07' 48"	10° 41' 37"	106° 07' 40"	C-48-33-C-b
kênh Bảy Thước - 30-4	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-33-C-b;
ấp Cả Cỏ	DC	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa	10° 41' 09"	106° 10' 06"					C-48-33-C-b
rạch Cả Gừa	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 43' 10"	106° 08' 59"	10° 42' 11"	106° 09' 58"	C-48-33-C-b
rạch Cả Thơm	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 38' 51"	106° 07' 57"	10° 41' 05"	106° 08' 45"	C-48-33-C-b
rạch Cái Gừa	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 43' 10"	106° 08' 59"	10° 41' 18"	106° 10' 17"	C-48-33-C-b
kênh Đường Bàng	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 45"	106° 08' 24"	10° 43' 08"	106° 08' 35"	C-48-33-C-b
kênh Hai Vụ - 2000 Bắc	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 40' 44"	106° 10' 42"	10° 37' 40"	106° 02' 23"	C-48-33-C-b
kênh Lồng Đèn	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 15"	106° 08' 30"	10° 40' 57"	106° 08' 16"	C-48-33-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Ma Ren	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-C-b; C-48-33-C-a
kênh Một Thước	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 18"	106° 07' 29"	10° 40' 47"	106° 07' 40"	C-48-33-C-a
rạch Ông An	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 18"	106° 07' 29"	10° 41' 22"	106° 07' 19"	C-48-33-C-b; C-48-33-C-a
rạch Ông Bường	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 40' 24"	106° 09' 52"	10° 40' 54"	106° 09' 45"	C-48-33-C-b
ấp Ông Hiếu	DC	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa	10° 40' 55"	106° 10' 23"					C-48-33-C-b
ấp Ông Quới	DC	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa	10° 41' 30"	106° 08' 00"					C-48-33-C-b
rạch Ông Sy	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 40' 26"	106° 08' 55"	10° 41' 02"	106° 09' 10"	C-48-33-C-b
kênh Rạch Xẻo Mũi	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 32"	106° 07' 18"	10° 40' 23"	106° 08' 05"	C-48-33-C-b
ấp Thạnh Lập	DC	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa	10° 41' 18"	106° 08' 35"					C-48-33-C-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-b
rạch Vàm Lớn - Cả Bùi	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 44' 01"	106° 09' 02"	10° 41' 17"	106° 10' 34"	C-48-33-C-b
kênh Xáng Vịnh Sao	TV	xã Thạnh Phú	H. Thạnh Hóa			10° 41' 33"	106° 08' 32"	10° 42' 29"	106° 08' 56"	C-48-33-C-b
kênh 79	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 16"	106° 04' 28"	10° 57' 14"	105° 32' 14"	C-48-33-C-a
kênh 2 - 9	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 42' 50"	106° 05' 12"	10° 43' 14"	106° 09' 47"	C-48-33-C-b
rạch Bà Biên	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 42' 03"	106° 04' 41"	10° 41' 42"	106° 04' 54"	C-48-33-C-a
rạch Bà Dại	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 01"	106° 06' 00"	10° 41' 17"	106° 05' 41"	C-48-33-C-a
rạch Bắc Bỏ	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 40' 21"	106° 01' 51"	10° 40' 52"	106° 04' 20"	C-48-33-C-a
kênh Bảy Thước 30-4	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 05"	106° 08' 45"	10° 41' 32"	105° 44' 40"	C-48-33-C-a
kênh Bình Phước 2	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 43' 01"	106° 07' 12"	10° 45' 23"	106° 07' 19"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-b; C-48-33-A-c
ấp Cả Sáu	DC	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 41' 33"	106° 07' 00"					C-48-33-C-a
rạch Cả Sáu	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 42"	106° 06' 53"	10° 41' 28"	106° 06' 42"	C-48-33-C-a
ấp Đá Biên	DC	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 41' 21"	106° 04' 43"					C-48-33-C-a
rạch Đá Biên	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 37' 17"	106° 02' 35"	10° 41' 24"	106° 04' 44"	C-48-33-C-a
kênh Dân Lập	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 27"	106° 06' 11"	10° 40' 21"	106° 06' 14"	C-48-33-C-a
Ấp Đình	DC	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 41' 32"	106° 05' 56"					C-48-33-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Hai Vụ - 2000 Bắc	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 40' 44"	106° 10' 42"	10° 37' 40"	106° 02' 23"	C-48-33-C-a
Di tích lịch sử văn hóa Khu tưởng niệm liệt sỹ Trung đoàn 207	KX	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 40' 57"	106° 02' 44"					C-48-33-C-a
kênh Lâm Trường 3	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 45' 38"	106° 06' 18"	10° 45' 01"	106° 08' 46"	C-48-33-A-c; C-48-33-A-d
kênh Ma Ren	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-C-b; C-48-33-C-a
trấp Mướp Ba	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 44' 41"	106° 07' 58"	10° 44' 11"	106° 08' 38"	C-48-33-C-b
Kênh Năng	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 42' 54"	106° 06' 01"	10° 45' 33"	106° 06' 36"	C-48-33-C-a; C-48-33-A-c
rạch Ngọn Bắc Giữa	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 40' 16"	106° 01' 54"	10° 40' 58"	106° 03' 17"	C-48-33-C-a
ấp Ông Quới	DC	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 40' 10"	106° 05' 47"					C-48-33-C-a
rạch Ông Quới	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 40' 52"	106° 06' 28"	10° 41' 24"	106° 06' 37"	C-48-33-C-a
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-a
kênh Rạch Xẻo Mũi	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 41' 32"	106° 07' 18"	10° 40' 23"	106° 08' 05"	C-48-33-C-a
ấp Thạnh Trung	DC	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa	10° 40' 24"	106° 06' 40"					C-48-33-C-a
rạch Thủ Ngân	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 39' 58"	106° 04' 55"	10° 41' 05"	106° 05' 11"	C-48-33-C-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 42' 57"	106° 06' 30"	10° 41' 32"	106° 06' 00"	C-48-33-C-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-a
kênh Xáng Bò Cạp	TV	xã Thạnh Phước	H. Thạnh Hóa			10° 38' 43"	106° 05' 16"	10° 39' 32"	106° 01' 22"	C-48-33-C-a
ấp 61	DC	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 46' 31"	106° 10' 27"					C-48-33-A-d
kênh 61	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-33-A-d
rạch Cả Bàng	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 43' 23"	106° 11' 31"	10° 42' 07"	106° 10' 55"	C-48-33-C-b
ấp Đồn A	DC	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 44' 41"	106° 14' 15"					C-48-33-C-b
Ấp Gãy	DC	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 45' 49"	106° 12' 55"					C-48-33-A-d
ngã ba Kênh Gãy	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 44' 43"	106° 14' 21"					C-48-33-C-b
kênh Ma Ren	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-A-d
kênh Ma Ren - Rạch Gốc	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 53' 26"	106° 18' 23"	10° 46' 24"	106° 10' 23"	C-48-33-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Nhơn Xuyên	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 39' 42"	106° 10' 55"	10° 44' 43"	106° 14' 21"	C-48-33-C-b
Đường QL.N1	KX	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-33-A-d
kênh T1	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 43' 46"	106° 13' 36"	10° 44' 30"	106° 09' 25"	C-48-33-C-b
kênh T2	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 43' 46"	106° 10' 31"	10° 43' 33"	106° 11' 38"	C-48-33-C-b
ấp T3	DC	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 44' 15"	106° 10' 57"					C-48-33-C-b
kênh T4	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 44' 32"	106° 14' 06"	10° 45' 59"	106° 10' 15"	C-48-33-A-d
kênh T5	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 46' 21"	106° 10' 22"	10° 45' 21"	106° 14' 28"	C-48-33-A-d
kênh T8	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 42' 15"	106° 13' 54"	10° 44' 04"	106° 09' 04"	C-48-33-C-b
rạch Than Bùn	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 46' 09"	106° 10' 43"	10° 44' 00"	106° 13' 45"	C-48-33-A-d; C-48-33-C-b
ấp Trà Cú	DC	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa	10° 43' 08"	106° 14' 02"					C-48-33-C-b
kênh Trà Cú Hạ	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 46' 44"	106° 15' 52"	10° 41' 07"	106° 13' 44"	C-48-33-C-b
kênh Trung tâm	TV	xã Thuận Bình	H. Thạnh Hóa			10° 47' 09"	106° 11' 09"	10° 48' 25"	106° 05' 46"	C-48-33-A-d
Kênh 3	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 41' 05"	106° 11' 50"	10° 41' 17"	106° 12' 45"	C-48-33-C-b
ấp Bà Luông	DC	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 39' 49"	106° 11' 39"					C-48-33-C-b
rạch Bà Luông	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 39' 39"	106° 11' 19"	10° 40' 32"	106° 11' 27"	C-48-33-C-b
rạch Cả Bàng	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 43' 23"	106° 11' 31"	10° 42' 07"	106° 10' 55"	C-48-33-C-b
rạch Cả Gừng	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 43' 12"	106° 10' 38"	10° 42' 19"	106° 10' 37"	C-48-33-C-b
rạch Cả Kính 2	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 40' 46"	106° 12' 15"	10° 40' 08"	106° 12' 25"	C-48-33-C-b
rạch Cái Gừa	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 43' 10"	106° 08' 59"	10° 41' 18"	106° 10' 17"	C-48-33-C-b
rạch Chà Bé	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 41' 07"	106° 11' 31"	10° 41' 01"	106° 10' 41"	C-48-33-C-b
kênh Ma Ren	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 41' 37"	106° 07' 27"	10° 51' 22"	106° 10' 53"	C-48-33-C-b
ấp Nhơn Xuyên	DC	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 42' 11"	106° 12' 36"					C-48-33-C-b
kênh Nhơn Xuyên	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 39' 42"	106° 10' 55"	10° 44' 43"	106° 14' 21"	C-48-33-C-b
rạch Ông Bình	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 41' 47"	106° 12' 17"	10° 41' 07"	106° 13' 43"	C-48-33-C-b
rạch Ông Thang	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 40' 20"	106° 11' 18"	10° 40' 25"	106° 10' 50"	C-48-33-C-b
Đường QL.N2	KX	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-b
kênh Rạch Miễu	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 48' 51"	106° 12' 05"	10° 40' 51"	106° 11' 41"	C-48-33-C-b
kênh T8	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 42' 15"	106° 13' 54"	10° 44' 04"	106° 09' 04"	C-48-33-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Trà Cú	DC	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 41' 14"	106° 13' 39"					C-48-33-C-b
kênh Trà Cú Hạ	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 46' 44"	106° 15' 52"	10° 41' 07"	106° 13' 44"	C-48-33-C-b
Đình Trung	KX	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 40' 30"	106° 10' 50"					C-48-33-C-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-b
kênh Vàm Lăng	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 41' 36"	106° 10' 57"	10° 41' 23"	106° 12' 00"	C-48-33-C-b
ấp Vàm Lớn	DC	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 41' 59"	106° 10' 57"					C-48-33-C-b
rạch Vàm Lớn - Cả Bùi	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 44' 01"	106° 09' 02"	10° 41' 17"	106° 10' 34"	C-48-33-C-b
ấp Vườn Xoài	DC	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa	10° 40' 19"	106° 10' 54"					C-48-33-C-b
rạch Xẻo Rô	TV	xã Thuận Nghĩa Hòa	H. Thạnh Hóa			10° 42' 38"	106° 11' 26"	10° 42' 05"	106° 11' 09"	C-48-33-C-b
Kênh 2	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 04"	106° 13' 34"	10° 37' 03"	106° 11' 46"	C-48-33-C-d
kênh 24	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 11"	106° 13' 34"	10° 34' 57"	106° 13' 37"	C-48-33-C-d
kênh 25	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 10"	106° 12' 59"	10° 34' 54"	106° 13' 06"	C-48-33-C-d; C-48-33-C-b
kênh 1000	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 36"	106° 11' 46"	10° 37' 37"	106° 13' 34"	C-48-33-C-b; C-48-33-C-d
kênh 23 - Thầy Pháp	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 40' 52"	106° 14' 26"	10° 35' 01"	106° 14' 12"	C-48-33-C-b
kênh 3 - La Khoa	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 37' 39"	106° 18' 19"	10° 36' 29"	106° 11' 46"	C-48-33-C-d
kênh 500 B	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 09"	106° 12' 41"	10° 37' 10"	106° 12' 41"	C-48-33-C-b
kênh 500 C	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 38' 10"	106° 13' 16"	10° 37' 04"	106° 13' 16"	C-48-33-C-b
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-C-d
ấp Bến Kè	DC	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa	10° 39' 30"	106° 11' 52"					C-48-33-C-b
cầu Bến Kè	KX	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa	10° 38' 14"	106° 11' 45"					C-48-33-C-b
kênh Bến Kè	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 35"	106° 11' 48"	10° 34' 53"	106° 11' 46"	C-48-33-C-b
kênh Cây Khế	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 44"	106° 12' 45"	10° 38' 09"	106° 12' 43"	C-48-33-C-b
ấp Đông Hòa	DC	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa	10° 37' 16"	106° 13' 35"					C-48-33-C-d
Rạch Kinh	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 18"	106° 13' 30"	10° 39' 53"	106° 13' 18"	C-48-33-C-b
ấp Nước Trong	DC	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa	10° 39' 17"	106° 13' 15"					C-48-33-C-b
kênh Nước Trong	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 50"	106° 13' 10"	10° 38' 11"	106° 13' 21"	C-48-33-C-b
rạch Ông Hưng	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 40' 35"	106° 14' 04"	10° 41' 01"	106° 14' 10"	C-48-33-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.62	KX	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-b
kênh Rạch Lò	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 39"	106° 12' 00"	10° 38' 10"	106° 12' 17"	C-48-33-C-b
kênh Thủy Tân	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 39' 40"	106° 12' 00"	10° 37' 40"	106° 18' 19"	C-48-33-C-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-b
ấp Voi Đình	DC	xã Thủy Đông	H. Thạnh Hóa	10° 40' 59"	106° 13' 46"					C-48-33-C-b
Ấp 1	DC	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 37' 56"	106° 06' 15"					C-48-33-C-a
Kênh 1	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 38' 11"	106° 07' 00"	10° 36' 14"	106° 07' 11"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
Ấp 2	DC	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 30"	106° 07' 55"					C-48-33-C-b
Ấp 3	DC	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 58"	106° 08' 54"					C-48-33-C-b
Ấp 4	DC	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 40' 08"	106° 10' 46"					C-48-33-C-b
kênh 2000 Nam 1	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 36' 22"	106° 05' 17"	10° 37' 32"	106° 08' 18"	C-48-33-C-c
kênh 2000 Nam 2	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 32"	106° 08' 18"	10° 38' 04"	106° 10' 59"	C-48-33-C-c
cầu Búng Bà Của	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 35"	106° 08' 07"					C-48-33-C-b
rọc Búng Bà Của	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 28"	106° 09' 34"	10° 37' 49"	106° 09' 05"	C-48-33-C-b
rạch Cả Thơm	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 38' 51"	106° 07' 57"	10° 41' 05"	106° 08' 45"	
kênh Dương Văn Dương	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 39' 41"	106° 10' 49"	10° 39' 35"	105° 46' 45"	C-48-33-C-b
kênh Hai Vụ - 2000 Bắc	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 40' 44"	106° 10' 42"	10° 37' 40"	106° 02' 23"	C-48-33-C-b
cầu Lâm Nghiệp 1	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 22"	106° 09' 01"					C-48-33-C-b
Đường QL.62	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-C-a
Đường QL.N2	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-c; C-48-33-C-b; C-48-33-C-d
kênh Rạch Cái Tôm	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 41' 14"	106° 05' 34"	10° 31' 27"	106° 05' 23"	C-48-33-C-c
kênh T4	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 37' 20"	106° 05' 11"	10° 38' 03"	106° 06' 59"	C-48-33-C-a; C-48-33-C-c
trại giam Thạnh Hòa	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 37' 27"	106° 06' 54"					C-48-33-C-c
ngã ba Tuyên Nhơn	KX	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa	10° 38' 40"	106° 08' 20"					C-48-33-C-b
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Thủy Tây	H. Thạnh Hóa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp 11	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 29"	106° 24' 16"					C-48-33-D-d
ấp 3 Nhà Thương	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 36"	106° 24' 49"					C-48-33-D-d
ấp An Hòa 3	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 53"	106° 23' 41"					C-48-33-D-d
kênh Bà Báng	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 36' 20"	106° 24' 05"	10° 38' 35"	106° 22' 35"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
kênh Bo Bo	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-D-b
ấp Cầu Xây	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 12"	106° 24' 29"					C-48-33-D-d
rạch Cây Gáo - Cầu Voi	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 36' 19"	106° 24' 06"	C-48-33-D-d
Di tích lịch sử văn hóa Đình Vĩnh Phong	KX	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 16"	106° 24' 03"					C-48-33-D-d
Đường ĐT.818	KX	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 35' 59"	106° 26' 21"	10° 36' 19"	106° 24' 11"	C-48-33-D-d
kênh Mương Khai	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 36' 34"	106° 24' 24"	10° 37' 13"	106° 23' 54"	C-48-33-D-d
ấp Nhà Dài	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 14"	106° 23' 49"					C-48-33-D-d
kênh Nhà Thờ	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 36' 27"	106° 24' 16"	10° 37' 10"	106° 23' 49"	C-48-33-D-d
rạch Ông Trọng	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 35' 49"	106° 24' 24"	10° 35' 39"	106° 23' 33"	C-48-33-D-d
ấp Rạch Đào	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 35' 44"	106° 23' 34"					C-48-33-D-d
kênh Thủ Thừa	TV	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-d
khu phố TKT1	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 03"	106° 24' 09"					C-48-33-D-d
khu phố TKT2	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 11"	106° 23' 58"					C-48-33-D-d
khu phố TKT3	DC	TT. Thủ Thừa	H. Thủ Thừa	10° 36' 02"	106° 23' 45"					C-48-33-D-d
ấp An Hòa 1	DC	xã Bình An	H. Thủ Thừa	10° 35' 52"	106° 22' 37"					C-48-33-D-d
ấp An Hòa 2	DC	xã Bình An	H. Thủ Thừa	10° 36' 07"	106° 23' 15"					C-48-33-D-d
ngọn Bà Đỏ	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 38' 29"	106° 22' 28"	10° 36' 00"	106° 23' 31"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
rạch Bà Phổ	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 35' 39"	106° 23' 33"	10° 34' 57"	106° 22' 40"	C-48-33-D-d
rạch Cầu Kè	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 37' 29"	106° 22' 13"	10° 35' 50"	106° 23' 03"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c
rạch Cây Me	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 36' 36"	106° 21' 56"	10° 36' 23"	106° 21' 16"	C-48-33-D-c
kênh Chiến Lược	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 35' 24"	106° 22' 29"	10° 35' 54"	106° 23' 29"	C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Hội Đồng Bền	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 37' 40"	106° 22' 52"	10° 37' 19"	106° 22' 21"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c; C-48-33-D-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Bình An	H. Thủ Thừa	10° 36' 07"	106° 22' 19"					C-48-33-D-c
Rạch Nhum	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 36' 37"	106° 21' 58"	10° 35' 36"	106° 22' 39"	C-48-33-D-c
kênh T1-1	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 37' 27"	106° 21' 12"	10° 36' 36"	106° 21' 56"	C-48-33-D-c
rạch Tham Tuấn	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 35' 51"	106° 21' 54"	10° 36' 03"	106° 22' 30"	C-48-33-D-c
kênh Thủ Thừa	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình An	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c
ấp Vàm Kinh	DC	xã Bình An	H. Thủ Thừa	10° 35' 41"	106° 22' 54"					C-48-33-D-d
kênh Bốn Ấp	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 34' 44"	106° 23' 40"	10° 35' 21"	106° 24' 18"	C-48-33-D-d
ấp Bà Phổ	DC	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 34' 58"	106° 23' 10"					C-48-33-D-d
rạch Bà Phổ	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 35' 39"	106° 23' 33"	10° 34' 57"	106° 22' 40"	C-48-33-D-d
rạch Bà Rịa	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 33' 47"	106° 25' 06"	10° 33' 38"	106° 25' 48"	C-48-33-D-d
ấp Bình Cang 1	DC	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 34' 30"	106° 25' 40"					C-48-33-D-d
ấp Bình Cang 2	DC	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 34' 48"	106° 24' 31"					C-48-33-D-d
ấp Bình Lương 1	DC	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 35' 17"	106° 24' 28"					C-48-33-D-d
ấp Bình Lương 2	DC	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 35' 27"	106° 23' 26"					C-48-33-D-d
rạch Cầu Ngang	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 34' 38"	106° 24' 11"	10° 35' 04"	106° 25' 26"	C-48-33-D-d
rạch Cây Gáo - Cầu Voi	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 36' 19"	106° 24' 06"	C-48-33-D-d
rạch Châu Phê	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 32' 30"	106° 25' 12"	C-48-33-D-d
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-d
rạch Ông Sen	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 34' 44"	106° 23' 39"	10° 34' 36"	106° 22' 56"	C-48-33-D-d
rạch Ông Trọng	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 35' 49"	106° 24' 24"	10° 35' 39"	106° 23' 33"	C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Bình Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Ấp 1	DC	xã Long Thành	H. Thủ Thừa	10° 46' 39"	106° 15' 48"					C-48-33-B-c
Ấp 2	DC	xã Long Thành	H. Thủ Thừa	10° 45' 12"	106° 17' 11"					C-48-33-B-c
Ấp 3	DC	xã Long Thành	H. Thủ Thừa	10° 43' 23"	106° 18' 44"					C-48-33-D-a
Ấp 4	DC	xã Long Thành	H. Thủ Thừa	10° 41' 55"	106° 18' 20"					C-48-33-D-a
ngã năm Bình Thành	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa	10° 46' 44"	106° 15' 52"					C-48-33-B-c
kênh Bo Bo	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-D-a
kênh Cá Sơn Thượng	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 44' 32"	106° 17' 46"	10° 40' 45"	106° 15' 29"	C-48-33-D-a
Đường QL.N2	KX	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-D-a
kênh T5	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 39' 25"	106° 15' 36"	10° 42' 36"	106° 19' 27"	C-48-33-D-a
kênh T7	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 40' 53"	106° 14' 34"	10° 44' 37"	106° 17' 42"	C-48-33-D-a
kênh Trà Cú Hạ	TV	xã Long Thành	H. Thủ Thừa			10° 46' 44"	106° 15' 52"	10° 41' 07"	106° 13' 44"	C-48-33-A-d; C-48-33-B-c; C-48-33-C-b
Ấp 1	DC	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 41' 07"	106° 14' 36"					C-48-33-C-b
Ấp 2	DC	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 40' 51"	106° 15' 41"					C-48-33-D-a
Ấp 3	DC	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 39' 44"	106° 15' 27"					C-48-33-D-a
rạch Bà Bố	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 42' 16"	106° 15' 26"	10° 40' 48"	106° 15' 06"	C-48-33-D-a
kênh Cá Sơn Thượng	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 44' 32"	106° 17' 46"	10° 40' 45"	106° 15' 29"	C-48-33-D-a
rạch Lộp Cộp	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 41' 36"	106° 17' 00"	10° 40' 17"	106° 15' 32"	C-48-33-D-a
rạch Ông Lẫm	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 40' 01"	106° 15' 50"	10° 39' 42"	106° 15' 20"	C-48-33-D-a
rạch Ông Lân	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 42' 13"	106° 13' 54"	10° 41' 03"	106° 14' 16"	C-48-33-C-b
rạch Ông Liễu	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 42' 26"	106° 15' 18"	10° 40' 47"	106° 14' 45"	C-48-33-C-b; C-48-33-D-a
Đường QL.N2	KX	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-C-b; C-48-33-D-a
kênh T5	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 39' 25"	106° 15' 36"	10° 42' 36"	106° 19' 27"	C-48-33-D-a
kênh T7	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 40' 53"	106° 14' 34"	10° 44' 37"	106° 17' 42"	C-48-33-C-b; C-48-33-D-a
kênh Trà Cú Hạ	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 46' 44"	106° 15' 52"	10° 41' 07"	106° 13' 44"	C-48-33-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Long Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-a
Ấp 1	DC	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa	10° 39' 06"	106° 16' 34"					C-48-33-D-a
Ấp 2	DC	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa	10° 39' 13"	106° 17' 06"					C-48-33-D-a
Ấp 3	DC	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa	10° 38' 55"	106° 17' 25"					C-48-33-D-a
Ấp 4	DC	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa	10° 38' 45"	106° 17' 47"					C-48-33-D-a
rạch Bà Biện	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 33"	106° 16' 32"	10° 39' 04"	106° 16' 21"	C-48-33-D-a
rạch Bà Dồ Lớn	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 09"	106° 18' 34"	10° 38' 50"	106° 18' 25"	C-48-33-D-a
rạch Bà Giải Cũ	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 40' 03"	106° 16' 22"	10° 39' 21"	106° 15' 42"	C-48-33-D-a
rạch Bà Mía	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 09"	106° 19' 10"	10° 38' 43"	106° 18' 11"	C-48-33-D-a
kênh Bo Bo	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-D-a
rạch Cái Sơn Hạ	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 32"	106° 17' 17"	10° 39' 11"	106° 17' 08"	C-48-33-D-a
Rạch Chùa	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 40' 16"	106° 16' 51"	10° 39' 07"	106° 16' 45"	C-48-33-D-a
rạch Chùa Dưới	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 40' 42"	106° 17' 10"	10° 39' 29"	106° 16' 47"	C-48-33-D-a
rạch Lòng Đèn	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 43"	106° 16' 22"	10° 39' 12"	106° 15' 58"	C-48-33-D-a
kênh Mương Đào	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 38' 45"	106° 17' 59"	10° 42' 01"	106° 19' 57"	C-48-33-D-a
kênh T4	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a
kênh T5	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 39' 25"	106° 15' 36"	10° 42' 36"	106° 19' 27"	C-48-33-D-a
rạch Tám Vàm	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 40' 20"	106° 18' 02"	10° 38' 55"	106° 17' 23"	C-48-33-D-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Long Thuận	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa	10° 36' 26"	106° 20' 45"					C-48-33-D-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa	10° 35' 17"	106° 20' 29"					C-48-33-D-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa	10° 34' 57"	106° 20' 35"					C-48-33-D-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa	10° 33' 58"	106° 19' 57"					C-48-33-D-c
kênh 5000 - Bắc Đông	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 35' 13"	106° 20' 40"	10° 34' 58"	105° 52' 28"	C-48-33-D-c
rạch Bà Nhựa	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 34' 18"	106° 20' 57"	10° 34' 48"	106° 21' 10"	C-48-33-D-c
cống Bắc Đông	KX	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa	10° 35' 09"	106° 20' 30"					C-48-33-D-c
kênh Láng Cát	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 35' 17"	106° 17' 04"	10° 33' 59"	106° 18' 31"	C-48-33-D-c
kênh Láng Cò	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 34' 20"	106° 20' 21"	10° 33' 21"	106° 19' 55"	C-48-33-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Đường QL.62	KX	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-c
Rạch Sắn	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 34' 07"	106° 20' 45"	10° 33' 05"	106° 21' 10"	C-48-33-D-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Mỹ An	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-c
ấp Bà Mía	DC	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 38' 22"	106° 18' 40"					C-48-33-D-a
rạch Bà Mía	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 39' 09"	106° 19' 10"	10° 38' 43"	106° 18' 11"	C-48-33-D-a
ấp Bà Nghiệm	DC	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 36' 52"	106° 19' 45"					C-48-33-D-c
ấp Cầu Lớn	DC	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 38' 11"	106° 20' 00"					C-48-33-D-a
rạch Cầu Lớn	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 39' 13"	106° 19' 39"	10° 37' 05"	106° 20' 26"	C-48-33-D-a
rạch Cầu Lớn	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 39' 13"	106° 19' 39"	10° 37' 05"	106° 20' 26"	C-48-33-D-c; C-48-33-D-a
Rạch Đình	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 37' 47"	106° 19' 19"	10° 37' 10"	106° 18' 50"	C-48-33-D-c
Cầu Lớn	KX	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 37' 07"	106° 20' 25"					C-48-33-D-c
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 37' 09"	106° 18' 58"					C-48-33-D-c
rạch Ông Xe	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 38' 54"	106° 19' 37"	10° 38' 16"	106° 18' 44"	C-48-33-D-a
Rạch Sơn	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 37' 52"	106° 19' 10"	10° 38' 00"	106° 18' 50"	C-48-33-D-a
kênh T4	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-c; C-48-33-D-a
ấp Vườn Cò	DC	xã Mỹ Lạc	H. Thủ Thừa	10° 38' 04"	106° 19' 56"					C-48-33-D-a
Ấp 1	DC	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa	10° 33' 27"	106° 21' 42"					C-48-33-D-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa	10° 33' 20"	106° 20' 49"					C-48-33-D-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa	10° 34' 10"	106° 21' 15"					C-48-33-D-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa	10° 35' 08"	106° 22' 10"					C-48-33-D-c
rạch Bà Hến	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 33' 48"	106° 21' 30"	10° 33' 53"	106° 22' 11"	C-48-33-D-c
rạch Bà Nhựa	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 34' 18"	106° 20' 57"	10° 34' 48"	106° 21' 10"	C-48-33-D-c
Sông Cũ	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 32' 50"	106° 20' 20"	10° 32' 40"	106° 20' 38"	C-48-33-D-c
Đường QL.62	KX	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 32' 29"	106° 24' 24"	10° 50' 26"	105° 55' 43"	C-48-33-D-c
cầu Rạch Chanh	KX	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa	10° 33' 27"	106° 21' 46"					C-48-33-D-c
kênh Rạch Chanh	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 33' 40"	106° 21' 59"	10° 32' 40"	106° 20' 40"	C-48-33-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
Rạch Sắn	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 34' 07"	106° 20' 45"	10° 33' 05"	106° 21' 10"	C-48-33-D-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Mỹ Phú	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-c
Ấp 1	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 35' 18"	106° 20' 45"					C-48-33-D-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 36' 08"	106° 21' 18"					C-48-33-D-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 36' 31"	106° 21' 18"					C-48-33-D-c
Ấp 4	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 36' 56"	106° 21' 02"					C-48-33-D-c
Ấp 5	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 37' 11"	106° 20' 31"					C-48-33-D-c
cầu Bà Miều	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 37' 04"	106° 20' 50"					C-48-33-D-c
rạch Bà Miều	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 39' 49"	106° 21' 07"	10° 36' 59"	106° 20' 49"	C-48-33-D-a
rạch Cầu Giữa	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 37' 10"	106° 21' 59"	10° 36' 38"	106° 21' 12"	C-48-33-D-c
rạch Cầu Kè	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 37' 29"	106° 22' 13"	10° 35' 50"	106° 23' 03"	C-48-33-D-c
rạch Cầu Lớn	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 39' 13"	106° 19' 39"	10° 37' 05"	106° 20' 26"	C-48-33-D-c
rạch Cây Me	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 36' 36"	106° 21' 56"	10° 36' 23"	106° 21' 16"	C-48-33-D-c
Cầu Giữa	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 36' 39"	106° 21' 18"					C-48-33-D-c
Cầu Lớn	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa	10° 37' 07"	106° 20' 25"					C-48-33-D-c
kênh T1	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 37' 10"	106° 20' 52"	10° 38' 44"	106° 22' 47"	C-48-33-D-a; C-48-33-D-c
kênh T1-1	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 37' 27"	106° 21' 12"	10° 36' 36"	106° 21' 56"	C-48-33-D-c
rạch Tham Tuấn	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 35' 51"	106° 21' 54"	10° 36' 03"	106° 22' 30"	C-48-33-D-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Thủ Thừa			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-33-D-c
Ấp 1	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 36' 22"	106° 25' 33"					C-48-33-D-d
Ấp 2	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 37' 01"	106° 25' 20"					C-48-33-D-d
Ấp 3	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 34' 35"	106° 26' 19"					C-48-33-D-d
Ấp 4	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 51"	106° 24' 55"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 03"	106° 25' 31"					C-48-33-D-d
Ấp 6	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 03"	106° 26' 07"					C-48-33-D-d
Ấp 7	DC	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 56"	106° 26' 24"					C-48-33-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Bàu Tân - Cầu Ván - Cây Sáo - Xóm Châu	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 38' 35"	106° 26' 18"	10° 37' 50"	106° 28' 26"	C-48-33-D-d
rạch Cai Tài	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 34' 46"	106° 28' 36"	C-48-33-D-d
rạch Cầu Ngang	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 34' 38"	106° 24' 11"	10° 35' 04"	106° 25' 26"	C-48-33-D-d
rạch Cây Bàng	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 36' 03"	106° 25' 35"	10° 37' 03"	106° 25' 58"	C-48-33-D-d
rạch Cây Gáo - Cầu Voi	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 34' 30"	106° 26' 26"	10° 36' 19"	106° 24' 06"	C-48-33-D-d
rạch Chủ Mùi	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 35' 01"	106° 26' 27"	10° 34' 34"	106° 26' 41"	C-48-33-D-d
Công ty cổ phần Dệt Long An	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 34' 51"	106° 25' 58"					C-48-33-D-d
Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 40' 57"	106° 32' 58"	10° 31' 25"	106° 21' 38"	C-48-33-D-d
Đường ĐT.818	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 35' 59"	106° 26' 21"	10° 36' 19"	106° 24' 11"	C-48-33-D-d
khu công nghiệp Long Hậu - Hòa Bình	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 45"	106° 25' 35"					C-48-33-D-d
tịnh xá Ngọc Bửu	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 35' 15"	106° 26' 03"					C-48-33-D-d
Đường QL.1	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 39' 26"	106° 33' 15"	10° 29' 20"	106° 22' 08"	C-48-33-D-d
chùa Thiên Phước	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 36' 20"	106° 25' 42"					C-48-33-D-d
kênh Thủ Thừa	TV	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
cầu Ván 1	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 36' 17"	106° 26' 31"					C-48-33-D-d
cầu Ván 2	KX	xã Nhị Thành	H. Thủ Thừa	10° 36' 16"	106° 26' 33"					C-48-33-D-d
Ấp 1	DC	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 42' 32"	106° 21' 02"					C-48-33-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 43' 33"	106° 18' 40"					C-48-33-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 44' 06"	106° 18' 12"					C-48-33-D-a
Ấp 4	DC	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 43' 59"	106° 19' 48"					C-48-33-D-a
kênh Bo Bo	TV	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-D-a
khu công nghiệp Đô thị Việt Phát	KX	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 44' 03"	106° 20' 20"					C-48-33-D-a
Đường QL.N2	KX	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa			10° 56' 34"	106° 27' 06"	10° 32' 41"	105° 54' 14"	C-48-33-D-a
kênh Rạch Cần Xé - Kênh Ranh Lâm Hải	TV	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa			10° 47' 54"	106° 23' 25"	10° 44' 38"	106° 17' 42"	C-48-33-B-c; C-48-33-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh T4	TV	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a; C-48-33-D-b
kênh T6	TV	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa			10° 46' 35"	106° 24' 32"	10° 42' 36"	106° 19' 27"	C-48-33-D-a
khu công nghiệp Xử lý chất thải rắn	KX	xã Tân Lập	H. Thủ Thừa	10° 42' 19"	106° 21' 12"					C-48-33-D-a
Ấp 1	DC	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa	10° 38' 43"	106° 21' 29"					C-48-33-D-a
Ấp 2	DC	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa	10° 37' 45"	106° 22' 27"					C-48-33-D-a
Ấp 3	DC	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa	10° 38' 03"	106° 23' 27"					C-48-33-D-b
Ấp 4	DC	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa	10° 37' 00"	106° 25' 10"					C-48-33-D-d
Ấp 5	DC	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa	10° 37' 36"	106° 25' 33"					C-48-33-D-b
kênh Tám Thước	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 39' 25"	106° 23' 36"	10° 41' 24"	106° 21' 55"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-a
kênh Bà Báng	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 36' 20"	106° 24' 05"	10° 38' 35"	106° 22' 35"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
ngọn Bà Đỏ	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 38' 29"	106° 22' 28"	10° 36' 00"	106° 23' 31"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
rạch Bà Miều	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 39' 49"	106° 21' 07"	10° 36' 59"	106° 20' 49"	C-48-33-D-a
kênh Biện Cung	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 38' 53"	106° 25' 56"	10° 38' 39"	106° 23' 29"	C-48-33-D-b
kênh Bo Bo	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 36' 49"	106° 24' 49"	10° 46' 44"	106° 15' 52"	C-48-33-D-a
kênh Cầu Sạn	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 37' 01"	106° 24' 49"	10° 38' 58"	106° 23' 05"	C-48-33-D-d
kênh Hội Đồng Bền	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 37' 40"	106° 22' 52"	10° 37' 19"	106° 22' 21"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-d
kênh Rạch Sắn	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 37' 14"	106° 25' 22"	10° 39' 16"	106° 23' 27"	C-48-33-D-b
kênh Ranh Bến Lức - Thủ Thừa	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 39' 45"	106° 24' 01"	10° 41' 45"	106° 22' 20"	C-48-33-D-b
kênh T1	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 37' 10"	106° 20' 52"	10° 38' 44"	106° 22' 47"	C-48-33-D-b
kênh T2	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 40' 44"	106° 25' 11"	10° 38' 44"	106° 22' 48"	C-48-33-D-b; C-48-33-D-a
kênh T4	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 44' 34"	106° 25' 44"	10° 38' 28"	106° 18' 30"	C-48-33-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Thủ Thừa	TV	xã Tân Thành	H. Thủ Thừa			10° 38' 42"	106° 26' 22"	10° 35' 20"	106° 22' 16"	C-48-33-D-d; C-48-33-D-b
Khu phố 1	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 20"	105° 47' 12"					C-48-32-B-a + 20-D-c
Khu phố 2	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 35"	105° 47' 15"					C-48-32-B-a +20-D-c
Khu phố 3	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 56"	105° 46' 49"					C-48-32-B-a +20-D-c
Khu phố 4	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 21"	105° 47' 14"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 28	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-B-a +20-D-c
khu phố Bàu Sậy	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 25"	105° 46' 41"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Chiến Thắng	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 11"	105° 46' 53"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Đội Đoàn Kết	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 36"	105° 46' 25"	10° 52' 47"	105° 45' 54"	C-48-32-B-a +20-D-c
Đường ĐT.831	KX	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Kênh 28	KX	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 19"	105° 46' 54"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Lô 1A	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 19"	105° 47' 32"	10° 52' 40"	105° 48' 34"	C-48-32-B-a +20-D-c
khu phố Măng Đa	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 40"	105° 46' 49"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Măng Đa - Cả Môn	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 25"	10° 53' 19"	105° 46' 53"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Mười Tâm Cũ	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 46"	105° 47' 49"	10° 51' 27"	105° 47' 27"	C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Rạch Bùi	DC	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 53"	105° 47' 32"					C-48-32-B-a +20-D-c
cống Rạch Bùi	KX	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 01"	105° 47' 28"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Rộc Bùi	TV	TT. Vĩnh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 03"	105° 49' 06"	10° 53' 00"	105° 47' 28"	C-48-32-B-a +20-D-c
Ấp 1	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 01' 03"	105° 46' 37"					C-48-32-B-a +20-D-c
Ấp 2	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	10° 59' 56"	105° 46' 24"					C-48-32-B-a +20-D-c
Ấp 3	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 00' 31"	105° 44' 22"					C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Bàu Chứa	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	10° 58' 20"	105° 43' 57"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Bàu Môn	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 01' 39"	105° 44' 25"	11° 00' 48"	105° 44' 05"	C-48-32-A-b +20-C-d
rạch Bố Lâm	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 48"	105° 45' 08"	10° 59' 45"	105° 45' 36"	C-48-32-B-a +20-D-c
bàu Bông Súng	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 00' 38"	105° 42' 44"					C-48-32-A-b+20-C-d
rạch Cả Cối	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 58"	105° 45' 59"	10° 59' 17"	105° 46' 01"	C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-
kênh Cái Cỏ	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 15"	105° 29' 50"	11° 02' 00"	105° 46' 35"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-
Bàu Đôi	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 01' 20"	105° 46' 04"					C-48-32-B-a +20-D-c
rạch Đồng Nia	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 00' 40"	105° 43' 21"	11° 00' 58"	105° 43' 58"	C-48-32-A-b +20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Gò Chùa	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 01' 40"	105° 45' 18"	11° 00' 04"	105° 45' 46"	C-48-32-B-a +20-D-c
Di tích lịch sử văn hóa Gò Ô Chùa	KX	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 00' 25"	105° 45' 51"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Gò Xoài	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	11° 00' 10"	105° 43' 34"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Hưng Điền	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Kobe	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 00' 35"	105° 46' 31"	10° 58' 40"	105° 47' 39"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Láng Vạt	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 50"	105° 46' 19"	11° 01' 18"	105° 42' 56"	C-48-32-A-b +20-C-d
sông Long Khốt	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 02' 00"	105° 46' 35"	10° 51' 12"	105° 50' 26"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Ô Chùa	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 00' 34"	105° 46' 25"	11° 00' 36"	105° 45' 56"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Ô Soài Chính	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			11° 01' 29"	105° 46' 37"	11° 01' 39"	105° 45' 27"	C-48-32-B-a +20-D-c
rạch Ô Tà Pét	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 24"	105° 43' 15"	10° 59' 22"	105° 42' 44"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T8	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 32"	105° 41' 08"	11° 00' 10"	105° 44' 32"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Tà Nu	DC	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng	10° 59' 47"	105° 42' 23"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a+20-D-c
kênh Tập Đoàn 2	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 29"	105° 46' 02"	10° 59' 37"	105° 44' 55"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thanh Niên	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 47"	105° 47' 08"	11° 00' 25"	105° 44' 22"	C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-32-A-b+20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Vũ Điệp	TV	xã Hưng Điền A	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 15"	105° 44' 50"	10° 59' 25"	105° 43' 36"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh 28	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Bàu Sen	DC	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 58' 44"	105° 42' 12"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Bàu Sen	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 49"	105° 41' 06"	10° 59' 10"	105° 42' 17"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Cả Trốt	DC	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 58' 25"	105° 40' 11"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Cái Cỏ	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 15"	105° 29' 50"	11° 02' 00"	105° 46' 35"	C-48-32-A-b +20-C-d;
rạch Cần Đen	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 34"	105° 40' 52"	10° 59' 47"	105° 40' 54"	C-48-32-A-b +20-C-d;
ấp Gò Châu Mai	DC	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 56"	105° 41' 51"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Gò Nhỏ	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 57"	105° 38' 33"	10° 57' 53"	105° 39' 27"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Hưng Điền	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-A-b +20-C-d
cầu KT10	KX	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 58' 16"	105° 40' 19"					C-48-32-A-b +20-C-d
cầu KT8	KX	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 57' 33"	105° 41' 08"					C-48-32-A-b +20-C-d
quốc lộ N1	KX	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Sa Thum	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 57"	105° 40' 38"	10° 57' 02"	105° 39' 44"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Sậy Giăng	DC	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 31"	105° 42' 14"					C-48-32-A-b +20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh T11	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 15"	105° 40' 17"	10° 56' 58"	105° 37' 20"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5B	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 46"	105° 43' 04"	10° 53' 44"	105° 36' 05"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T8	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 32"	105° 41' 08"	11° 00' 10"	105° 44' 32"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T9	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 31"	105° 41' 06"	10° 54' 54"	105° 34' 43"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Tà Nu	DC	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 59' 43"	105° 42' 16"					C-48-32-A-b +20-C-d
cầu Tà Nu	KX	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng	10° 59' 40"	105° 42' 26"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Thị Tứ	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 54"	105° 43' 10"	10° 56' 46"	105° 41' 58"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Thị Xã	TV	xã Khánh Hưng	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 07"	105° 42' 48"	10° 57' 51"	105° 39' 21"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh 504 Bắc	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 19"	105° 50' 08"	10° 52' 27"	105° 48' 26"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Bạch Đàn	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 58"	105° 50' 16"	10° 53' 37"	105° 49' 08"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Bình Châu	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 19"	105° 50' 31"					C-48-32-B-c
kênh Chống Chiến Xa	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 58"	105° 50' 20"	10° 55' 32"	105° 49' 53"	C-48-32-B-a +20-D-c
Đường ĐT.831	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-c
Đường ĐT.831C	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 26"	105° 48' 26"	10° 56' 06"	105° 50' 18"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Hưng Điền	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 47"	105° 47' 47"					C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Hưng Điền	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Hữu Nghị	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 13"	105° 51' 12"	10° 54' 31"	105° 51' 26"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Láng Đao	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 03"	105° 50' 55"					C-48-32-B-a +20-D-c
rạch Láng Đao	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 16"	105° 49' 30"	10° 53' 18"	105° 50' 55"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Lộ cũ Long Khốt	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 25"	105° 50' 07"	10° 53' 54"	105° 47' 24"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Long Khốt	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 15"	105° 50' 10"					C-48-32-B-a +20-D-c
sông Long Khốt	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			11° 02' 00"	105° 46' 35"	10° 51' 12"	105° 50' 26"	C-48-32-B-a +20-D-c
rạch Ô Me Còn	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 48"	105° 49' 43"	10° 56' 07"	105° 49' 04"	C-48-32-B-a +20-D-c;
Đường QL.N1	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-
kênh Rộc Bùi	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 03"	105° 49' 06"	10° 53' 00"	105° 47' 28"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Rọc Chanh	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 53"	105° 50' 53"	10° 51' 32"	105° 50' 34"	C-48-32-B-c;
cầu Thái Bình Trung	KX	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 50"	105° 49' 16"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thị Tứ	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 07"	105° 48' 49"	10° 53' 11"	105° 48' 13"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Trung Chánh	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 24"	105° 50' 21"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Trung Liêm	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 43"	105° 49' 32"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Trung Môn	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 13"	105° 50' 59"					C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
ấp Trung Thành	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 52"	105° 49' 26"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Trung Trực	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 26"	105° 49' 59"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Trung Vĩnh	DC	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 39"	105° 47' 40"					C-48-32-B-a +20-D-c
rạch Xâm No	TV	xã Thái Bình Trung	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 35"	105° 49' 49"	10° 55' 46"	105° 49' 38"	C-48-32-B-a +20-D-c;
bàu Bàu Biển	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 59"	105° 46' 30"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Bàu Nâu	DC	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 01"	105° 47' 28"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Bảy Được	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 49"	105° 48' 40"	10° 57' 23"	105° 49' 02"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Cặp Lộ Thái Trị	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 02"	105° 48' 38"	10° 54' 48"	105° 47' 47"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Hưng Điền	KX	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 47"	105° 47' 47"					C-48-32-B-a+20-D-c
kênh Hưng Điền	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Kobe	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			11° 00' 35"	105° 46' 31"	10° 58' 40"	105° 47' 39"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Láng Lớn	DC	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 58' 32"	105° 46' 46"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Láng Lớn	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 09"	105° 47' 02"	10° 58' 40"	105° 47' 39"	C-48-32-B-a +20-D-c
sông Lò Gạch - Bàu Nâu	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 22"	105° 47' 36"	10° 53' 54"	105° 45' 57"	C-48-32-B-a +20-D-c;
sông Long Khốt	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			11° 02' 00"	105° 46' 35"	10° 51' 12"	105° 50' 26"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Nông Trường	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 32"	105° 47' 32"	10° 58' 12"	105° 48' 15"	C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
rạch Ô Me Còn	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 48"	105° 49' 43"	10° 56' 07"	105° 49' 04"	C-48-32-B-a +20-D-c;
Đường QL.N1	KX	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Rộc Bùi	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 03"	105° 49' 06"	10° 53' 00"	105° 47' 28"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T3	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 47"	105° 47' 12"	10° 57' 08"	105° 46' 51"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T4B	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 29"	105° 46' 52"	10° 56' 21"	105° 45' 39"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Tập Đoàn 3	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 08"	105° 47' 56"	10° 57' 58"	105° 48' 47"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Thái Kỳ	DC	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 41"	105° 48' 12"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thái Kỳ	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 48"	105° 48' 38"	10° 56' 26"	105° 47' 05"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Thái Quang	DC	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 59"	105° 48' 38"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Thái Vĩnh	DC	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 39"	105° 48' 49"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thanh Niên	TV	xã Thái Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 47"	105° 47' 08"	11° 00' 25"	105° 44' 22"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 61	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 11"	105° 51' 31"	10° 46' 44"	106° 15' 51"	C-48-32-B-d
kênh 89	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 45' 27"	105° 48' 16"	10° 45' 52"	105° 49' 13"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh Nhà Ông	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 46' 53"	105° 51' 02"	10° 46' 08"	105° 50' 25"	C-48-32-B-c
kênh 19 - 5	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 46' 38"	105° 49' 37"	10° 44' 56"	105° 49' 15"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
kênh 5 - 3	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 39"	105° 50' 38"	10° 48' 00"	105° 51' 38"	C-48-32-B-c
ấp Bình Châu	DC	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 14"	105° 50' 34"					C-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
cầu Bình Châu	KX	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 19"	105° 50' 31"					C-48-32-B-c
ấp Cả Bản	DC	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 23"	105° 51' 33"					C-48-32-B-c
kênh Cả Gừa	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-c
ấp Chòi Mòi	DC	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 47' 46"	105° 51' 32"					C-48-32-B-c
kênh Chùa Nổi	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 53"	105° 51' 57"	10° 48' 11"	105° 51' 19"	C-48-32-B-c
Đường ĐT.831	KX	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d
kênh Gò Ớt	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 49"	105° 52' 53"	10° 43' 40"	105° 48' 56"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d
kênh Lộ Chùa Nổi	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 02"	105° 51' 56"	10° 50' 43"	105° 52' 26"	C-48-32-B-c
sông Long Khốt	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			11° 02' 00"	105° 46' 35"	10° 51' 12"	105° 50' 26"	C-48-32-B-c
kênh Ngọn Các Đẻ	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 02"	105° 52' 42"	10° 48' 00"	105° 51' 38"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d;
kênh Ổ Quạ 1	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 43' 26"	105° 51' 57"	10° 45' 10"	105° 49' 15"	C-48-32-B-c; C-48-32-D-a
Đường QL.N1	KX	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d
kênh Quyết Thắng	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 42"	105° 50' 56"	10° 46' 38"	105° 49' 37"	C-48-32-B-c
ấp Rạch Đình	DC	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 49' 19"	105° 52' 20"					C-48-32-B-c
ấp Rạch Mây	DC	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 24"	105° 53' 08"					C-48-32-B-d
cầu Rạch Mây	KX	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 12"	105° 51' 32"					C-48-32-B-c
kênh Rọc Chanh	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 53"	105° 50' 53"	10° 51' 32"	105° 50' 34"	C-48-32-B-c
kênh Tên Lửa 2	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 46' 48"	105° 49' 20"	10° 45' 46"	105° 48' 15"	C-48-32-B-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tuyên Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-d
kênh 28	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-B-c
kênh 503	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 36"	105° 49' 46"	10° 51' 02"	105° 49' 17"	C-48-32-B-c
kênh Đầu Sấu	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 02"	105° 47' 57"	10° 50' 23"	105° 47' 13"	C-48-32-B-c
kênh Bàu Dạng	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 27"	105° 49' 41"	10° 51' 02"	105° 49' 17"	C-48-32-B-c
ấp Bình Châu	DC	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 52"	105° 50' 20"					C-48-32-B-c
ấp Cả Cóc	DC	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng	10° 49' 13"	105° 49' 46"					C-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Cả Cóc Thượng	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 01"	105° 49' 44"	10° 48' 39"	105° 50' 38"	C-48-32-B-c
ấp Cả Gừa	DC	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng	10° 47' 14"	105° 48' 37"					C-48-32-B-c
kênh Cả Gừa	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 17"	105° 47' 13"	10° 43' 19"	105° 57' 49"	C-48-32-B-c
ấp Cả Rưng	DC	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng	10° 48' 39"	105° 47' 56"					C-48-32-B-c
ấp Đầu Sấu	DC	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 20"	105° 49' 30"					C-48-32-B-c
kênh Đê bao Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 14"	105° 47' 18"	10° 48' 26"	105° 49' 04"	C-48-32-B-c
kênh Đòn Dông - Đồng Vàng	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 47' 23"	105° 47' 27"	10° 44' 03"	105° 48' 34"	C-48-32-B-c
Kênh Giữa	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 07"	105° 48' 12"	10° 50' 04"	105° 47' 41"	C-48-32-B-c
kênh Hai Học	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 46' 58"	105° 49' 06"	10° 47' 19"	105° 50' 00"	C-48-32-B-c
kênh Liên Kết	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 44"	105° 49' 34"	10° 50' 17"	105° 48' 10"	C-48-32-B-c
kênh Lô 10	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 57"	105° 47' 32"	10° 50' 32"	105° 48' 17"	C-48-32-B-c
rạch Mộc Bài	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 20"	105° 49' 48"	10° 51' 08"	105° 50' 20"	C-48-32-B-c
kênh Mười Tầm	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 03"	105° 48' 04"	10° 50' 54"	105° 47' 38"	C-48-32-B-c
Đường QL.N1	KX	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-c
kênh Quyết Thắng	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 42"	105° 50' 56"	10° 46' 38"	105° 49' 37"	C-48-32-B-c
kênh Rạch Bay	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 47' 46"	105° 47' 56"	10° 48' 36"	105° 49' 26"	C-48-32-B-c
kênh Tên Lửa 1	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 30"	105° 49' 06"	10° 46' 59"	105° 49' 09"	C-48-32-B-c
kênh Tên Lửa 2	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 46' 48"	105° 49' 20"	10° 45' 46"	105° 48' 15"	C-48-32-B-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Tuyên Bình Tây	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-c
Ấp 1	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 58"	105° 48' 47"					C-48-32-B-a +20-D-c
Ấp 2	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 56"	105° 49' 19"					C-48-32-B-c
Ấp 3	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 52"	105° 49' 16"					C-48-32-B-c
Ấp 4	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 57"	105° 48' 00"					C-48-32-B-c
Ấp 5	DC	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 36"	105° 48' 03"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 28	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 503	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 36"	105° 49' 46"	10° 51' 02"	105° 49' 17"	C-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh 504 Bắc	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 19"	105° 50' 08"	10° 52' 27"	105° 48' 26"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 504 Nam	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 25"	105° 48' 24"	10° 49' 10"	105° 46' 30"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Bạch Đàn	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 58"	105° 50' 16"	10° 53' 37"	105° 49' 08"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Bàu Đước	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 57"	105° 49' 10"	10° 50' 32"	105° 48' 17"	C-48-32-B-c
kênh Bảy Đẹt	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 20"	105° 46' 48"	10° 50' 57"	105° 47' 32"	C-48-32-B-c
Đường ĐT.831	KX	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-32-B-c
Đường ĐT.831C	KX	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 26"	105° 48' 26"	10° 56' 06"	105° 50' 18"	C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-32-B-c
Trung tâm Giáo dục thường xuyên	KX	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 16"	105° 48' 49"					C-48-32-B-c
kênh Hưng Điền	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-B-a +20-D-c
sông Long Khốt	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			11° 02' 00"	105° 46' 35"	10° 51' 12"	105° 50' 26"	C-48-32-B-c
kênh Lô 1A	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 19"	105° 47' 32"	10° 52' 40"	105° 48' 34"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Lô 1B	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 37"	105° 48' 34"	10° 51' 55"	105° 49' 44"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Lô 2 - 3	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 25"	105° 47' 45"	10° 51' 16"	105° 49' 40"	C-48-32-B-c
kênh Lô 3B	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 00"	105° 48' 48"	10° 52' 17"	105° 49' 59"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a+20-D-c
kênh Lô 4 - 5	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 03"	105° 49' 13"	10° 51' 43"	105° 48' 00"	C-48-32-B-c
kênh Lô 8 - 9	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 31"	105° 48' 48"	10° 51' 07"	105° 47' 38"	C-48-32-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Lô 10	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 57"	105° 47' 32"	10° 50' 32"	105° 48' 17"	C-48-32-B-c
kênh Mười Tâm Cũ	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 46"	105° 47' 49"	10° 51' 27"	105° 47' 27"	C-48-32-B-c; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh N1	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 53"	105° 48' 05"	10° 52' 27"	105° 46' 22"	C-48-32-B-c
kênh N2	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 18"	105° 47' 44"	10° 52' 01"	105° 46' 06"	C-48-32-B-c
Đường QL.N1	KX	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-a +20-D-c; C-48-32-B-c
kênh Thị Tứ	TV	xã Vĩnh Bình	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 07"	105° 48' 49"	10° 53' 11"	105° 48' 13"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 28	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh 504 Nam	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 25"	105° 48' 24"	10° 49' 10"	105° 46' 30"	C-48-32-B-c
kênh Bảy Đẹt	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 20"	105° 46' 48"	10° 50' 57"	105° 47' 32"	C-48-32-B-c
kênh Bốn Thước	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 48' 31"	105° 46' 57"	10° 50' 13"	105° 47' 07"	C-48-32-B-c
kênh Cả Mũi	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 19"	105° 45' 29"	10° 52' 10"	105° 46' 11"	C-48-32-B-c
ấp Cà Na	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 49' 15"	105° 46' 29"					C-48-32-B-c
ấp Cả Nga	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 50' 50"	105° 45' 09"					C-48-32-B-c
rạch Cái Cải	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 57"	105° 45' 50"	10° 49' 54"	105° 45' 21"	C-48-32-B-c
cầu Chòi Mòi	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 39"	105° 45' 54"					C-48-32-B-c
kênh Chòi Mòi	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 00"	105° 45' 23"	10° 50' 47"	105° 47' 27"	C-48-32-B-c
kênh Đầu Sấu	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 02"	105° 47' 57"	10° 50' 23"	105° 47' 13"	C-48-32-B-c
kênh Đội Đoàn Kết	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 36"	105° 46' 25"	10° 52' 47"	105° 45' 54"	C-48-32-B-a +20-D-c
Đường ĐT.831	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 21"	105° 55' 43"	10° 49' 51"	105° 35' 42"	C-48-32-B-c
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 07"	105° 48' 12"	10° 50' 04"	105° 47' 41"	C-48-32-B-c
kênh Hai Nghiệp	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 37"	105° 46' 06"	10° 50' 28"	105° 46' 43"	C-48-32-B-c
máng Huyện Ủy	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 50"	105° 45' 59"	10° 51' 27"	105° 46' 52"	C-48-32-B-c
cầu Kênh Ông Mười	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 11"	105° 45' 31"					C-48-32-B-c
ấp Kinh Mới	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 34"	105° 46' 23"					C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Lô 10	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 57"	105° 47' 32"	10° 50' 32"	105° 48' 17"	C-48-32-B-c
kênh Măng Đa - Cả Môn	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 50' 20"	105° 44' 25"	10° 53' 19"	105° 46' 53"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
kênh Mười Tầm	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 03"	105° 48' 04"	10° 50' 54"	105° 47' 38"	C-48-32-B-c
kênh Mười Tâm Cũ	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 46"	105° 47' 49"	10° 51' 27"	105° 47' 27"	C-48-32-B-a +20-D-c
cầu N1	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 27"	105° 46' 22"					C-48-32-B-c
kênh N1	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 53"	105° 48' 05"	10° 52' 27"	105° 46' 22"	C-48-32-B-c
cầu N2	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 01"	105° 46' 07"					C-48-32-B-c
kênh N2	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 18"	105° 47' 44"	10° 52' 01"	105° 46' 06"	C-48-32-B-c
Máng Ngang	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 10"	105° 46' 49"	10° 51' 24"	105° 46' 20"	C-48-32-B-c
kênh Nông Trường	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 19"	105° 46' 23"	10° 50' 19"	105° 46' 58"	C-48-32-B-c
ấp Ông Lẹt	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 51' 50"	105° 45' 14"					C-48-32-B-c
kênh Ông Mười	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 12"	105° 45' 31"	10° 50' 13"	105° 47' 07"	C-48-32-B-c
Đường QL.N1	KX	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Sáu Sậm	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 49' 49"	105° 45' 57"	10° 51' 06"	105° 46' 49"	C-48-32-B-c
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-A-d; C-48-32-B-c
ấp Xóm Mới	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Hưng	10° 52' 40"	105° 45' 24"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh 28	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 51' 13"	105° 50' 24"	10° 59' 08"	105° 39' 22"	C-48-32-A-b +20-C-d
bàu Bàu Biển	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 56' 59"	105° 46' 30"					C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Bàu Nâu	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 45"	105° 47' 04"					C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Dinh Điền Cũ	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 24"	105° 45' 10"	10° 53' 46"	105° 44' 45"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Gò Cát	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 49"	105° 44' 27"					C-48-32-A-b +20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh Hưng Điền	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 52"	105° 50' 46"	11° 00' 20"	105° 41' 48"	C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Lò Gạch	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 13"	105° 45' 38"					C-48-32-B-a +20-D-c
cầu Lò Gạch	KX	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 53' 57"	105° 45' 58"					C-48-32-B-a +20-D-c
sông Lò Gạch - Bàu Nâu	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 22"	105° 47' 36"	10° 53' 54"	105° 45' 57"	C-48-32-B-a +20-D-c
Đường QL.N1	KX	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 29"	106° 18' 23"	10° 53' 49"	105° 34' 24"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a+20-D-c
ấp Rọc Đô	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 57' 36"	105° 44' 28"					C-48-32-A-b +20-C-d
ấp Sậy Giăng	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 55"	105° 42' 55"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T1	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 54' 04"	105° 45' 41"	10° 53' 46"	105° 44' 45"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T3	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 52' 11"	105° 37' 42"	10° 54' 47"	105° 44' 35"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a+20-D-c
kênh T3B	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 55"	105° 41' 33"	10° 55' 02"	105° 44' 12"	C-48-32-A-b+20-C-d
cầu T4	KX	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 55' 24"	105° 43' 40"					C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T4	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 24"	105° 43' 40"	10° 57' 08"	105° 44' 53"	C-48-32-A-b+20-C-d
kênh T4 - 5	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 48"	105° 45' 54"	10° 58' 05"	105° 44' 39"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T4 - 6	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 48"	105° 46' 50"	10° 56' 48"	105° 45' 54"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
kênh T4-7	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 57' 12"	105° 46' 08"	10° 58' 27"	105° 45' 06"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T4-8	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 07"	105° 47' 03"	10° 57' 12"	105° 46' 08"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T4B	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 58' 29"	105° 46' 52"	10° 56' 21"	105° 45' 39"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh T5	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 09"	105° 36' 40"	10° 55' 24"	105° 43' 38"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh T5B	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 46"	105° 43' 04"	10° 53' 44"	105° 36' 05"	C-48-32-A-b +20-C-d
kênh Tân Thành - Lò Gạch	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 59' 17"	105° 46' 01"	10° 54' 22"	105° 33' 10"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Tập Đoàn 9	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 08"	105° 44' 05"	10° 56' 47"	105° 45' 13"	C-48-32-A-b +20-C-d; C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thanh Niên	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 56' 47"	105° 47' 08"	11° 00' 25"	105° 44' 22"	C-48-32-B-a +20-D-c
kênh Thị Xã	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 55' 07"	105° 42' 48"	10° 57' 51"	105° 39' 21"	C-48-32-A-b +20-C-d
sông Vàm Cỏ Tây	TV	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng			10° 53' 54"	105° 45' 57"	10° 30' 15"	106° 33' 27"	C-48-32-B-a +20-D-c
ấp Xóm Mới	DC	xã Vĩnh Trị	H. Vĩnh Hưng	10° 54' 00"	105° 44' 57"					C-48-32-A-b +20-C-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng